



QUỐC GIA

137
04-2012

CƠ QUAN THÔNG TIN - NGHỊ LUẬN - VĂN HỌC
CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT QUỐC GIA VÙNG MONTRÉAL CHỦ TRƯỞNG

MAGAZINE D'INFORMATION, D'OPINION ET DE CULTURE
PUBLIÉ PAR LA COMMUNAUTÉ VIETNAMIENNE AU CANADA RÉGION DE MONTRÉAL
ISSN 0847-169X DÉPÔT LÉGAL-BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU QUÉBEC, BIBLIOTHÈQUE DU CANADA



Đài tưởng niệm thuyền nhân VN - Westminster-USA

LÀM SAO MÀ QUÊN ĐƯỢC ?
QUỐC HẬN 30-04-1975



Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montréal
Communauté vietnamienne au Canada, région de Montréal

6767 Côte-des-Neiges # 495 - Montréal (Québec) - H3S 2T6 - Tél: (514) 340-9630 - Fax: (514) 340 1926

GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG **& NGÀY QUỐC HẬN 30 THÁNG 4**

vào lúc 13 giờ ngày 29-04-2012
tại đại sảnh Trung tâm 6767 Côte-des-neiges

Chương trình :

- Truyền thuyết Giỗ Tổ Hùng Vương

Giáo Sư Nguyễn Bá Hoa

**- Công tác quốc tế vận đở yểm trợ cho
tiến trình dân chủ hóa tại Việt Nam**

Tiến sĩ Nguyễn Đình Thắng (Hoa Kỳ)

- Văn Nghệ

- Thụ Lộc Tổ

Để biết rõ thêm chi tiết

Xin vui lòng liên lạc đến văn phòng Cộng Đồng

ĐT : 514-340-9630

Kính mời quý đồng hương tham dự lễ Giỗ Tổ
mùng 10 tháng 3 (âm lịch)



CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT QUỐC GIA VÙNG MONTRÉAL

Mục Lục QG137

BAN GIÁM SÁT

BS Trần Đình Thắng *Chủ Tịch*
Th. S. Nguyễn Đình Cường *Phó Chủ Tịch*
Bà Phan Thị Sỹ *Tổng Thư Ký*
Ông Lê Ngọc Diệp *Ủy Viên*
BS Nguyễn Như Thành *Ủy Viên*

BAN CHẤP HÀNH

BS Đào Bá Ngọc *Chủ Tịch*
BS Đỗ Quốc Bảo *Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ*
Bà Lê Thị Kim Oanh *Phó Chủ Tịch Nội Vụ tạm thời*
Bà Nguyễn Thanh Vân *Tổng thư ký*
Ông Hà Tuấn Chương *Thủ Quỹ*

CỔ VẤN ĐOÀN

*BS Thân Trọng An, Bà Lâm Hồng Hà,
Bà Trần Thị Mười, Ông Vũ Văn Thái*

CỔ VẤN PHÁP LUẬT

Luật sư Nguyễn An Lạc

CÁC ỦY VIÊN

*Y tế: Bà Lê Thị Kim Oanh; Giới trẻ: T.S. Lê Minh Thịnh;
Văn nghệ: Ông Nguyễn Duy Ngọc; Thông tin: Ông Lâm
Quang Hồ; Thể thao: Ông Dương Tâm Chí; Du lịch: Bà
Đặng thị Danh*

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH: T.S. Lê Minh Thịnh
PHỤ TÁ ĐIỀU HÀNH: Ông Trương Quốc Thông

TẠP CHÍ QUỐC GIA

Chủ nhiệm : BS Đào Bá Ngọc
Chủ bút: BS Trần Mộng Lâm
Phụ tá chủ bút: BS Cấn Thị Bích Ngọc
Tổng thư Ký: Ông Nguyễn Văn Khiêm

BAN BIÊN TẬP

*Ông Lê Quốc, Ông Nguyễn Bá Hoa, Ông Lâm Văn Bé,
BS Thân Trọng An, BS Trần Mộng Lâm,
BS Nguyễn Lương Tuyền*

VỚI SỰ HỢP TÁC CỦA QUÍ VỊ:

*Cần T. Bích Ngọc, Dư Mỹ, Dương Tử, Đặng Chương, Đông
Phước, Hồ Mạnh Trinh, Lâm Chương, Lâm Lễ Trinh, Lâm Xuân
Quang, Lê Bạch Lụa, Lê Hữu Mục, Lê Mai Linh, Lê Quang Xuân,
Lê Quỳnh Mai, Lê Thái Lâm, Lê Văn Châu, Lọ Lem, Lưu Nguyễn
Đạt, Lưu Thư Trung, Mộng Thu, Ngô Minh Hằng, Nguyễn Bá
Dĩnh, Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Hải Bình, Nguyễn Khánh Hoà,
Nguyễn Tấn Khang, Nguyễn Thanh Bình, Phạm Ngũ Yên, Phan
Nhật Nam, Phan Tấn Khôi, Phan Xuân Sinh, Quan Dương, Thái
Công Tụng, Tiểu Thu, Thái Việt, Thủy Trang, Tôn Thất Tuệ, Tôt
Đen, Trà Lũ, Trần Cao Thắng, Trần Thị Lý, Trần Văn Dũng, Trần
Trung Đạo, Trần Hoài Thư, Trương Chi*

- 2 Mục lục
- 3 Lá thư chủ bút, Trần Mộng Lâm
- 4 Tin tức, Phóng viên CĐ & NKQ
- 9 Biên bản buổi Đại hội bất thường., CĐNVQGM
- 12 Hội chợ Tết Nhâm Thìn 2012 tại Montréal,
Minh Đức
- 14 Thông báo của CĐNVQG
- 18 Sơ lược về việc ký thỉnh nguyện thư,
Lê Minh Thịnh
- 20 Buổi gặp gỡ với ông Paul Dewar, *Như Lan*
- 22 Cách mạng Hoa Lài, *Nguyễn Bá Hoa*
- 26 Cuộc chiến 40 năm trước, *Trần Gia Phụng*
- 30 Đòi nợ Bác Hồ, *Huỳnh Khắc Sử*
- 35 ODA, FDI: Nợ công và tham nhũng ở VN,
Lâm Văn Bé
- 48 Mùi nhon CAMSA, *Lê Hoàng Kỳ*
- 52 Kế hoạch phát triển miền Bắc Québec,
Nguyễn Thanh Bạch
- 54 Khi tiếng khóc chính là lời tố cáo, *Trần Trung Đạo*
- 59 Cà phê và tháng tư, *Trần Mộng Lâm*
- 62 Buồn một rừng sâm, *Phan Hạnh*
- 67 Người còn nhớ hay người đã quên, *Minh Đạo &
Nguyễn Thạch Hân*
- 72 Thơ cảm ơn của Nhảy Dù
- 76 Nội, Tiểu Tử
- 83 Một thời để nhớ, *Mỹ Ngọc*
- 85 Nhở vào khuôn mặt tuần tú., *Đàm Trung Phán*
THƠ: Thành Nguyên (70), Ý Nga (70), Lan Đàm (71),
Tống Viết Minh (84)

Hình bìa: Đài tưởng niệm thuyền nhân - Westminster USA

Thư từ, bài vở, chi phiếu xin gửi về địa chỉ:
**CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT QUỐC GIA VÙNG
MONTRÉAL**
6767 Côte des Neiges suite 495, Montréal,
QC, H3S2T6

Tél : (514) 340-9630 Fax: (514) 340-1926
Web site : <http://www.vietnam.ca>
E-mail: cdvietnam@hotmail.com

Văn phòng mở cửa 6 ngày trong tuần (nghỉ chủ nhật)



Lá Thư Chủ Bút

Lại một lần nữa, tháng 4 trở về với chúng ta. Đối với người Việt Nam, tháng tư có hai sự kiện rất quan trọng :

1) Tháng Tư là tháng của Giỗ Tổ Hùng Vương. Các vị vua Hùng đã dày công dựng nước và giữ nước, để chúng ta có được một quốc gia tuyệt vời nằm bên bờ biển Thái Bình, với núi non hùng vĩ, với những giòng sông hiền hòa, với ruộng vườn thẳng cánh cò bay, những đồng lúa vàng nuôi sống bao thế hệ dân Giao Chỉ. Cháu con Lạc Hồng phần lớn theo đạo ông bà nên cúng giỗ tổ tiên là một bổn phận mà chúng ta không thể nào lơ là hay lãng quên được.

2) Tháng Tư cũng là tháng của ngày quốc hận 30 tháng tư năm 1975. Nếu như tổ tiên đã có công gây dựng đất nước, thì bọn Việt Nam Cộng Sản lại là bọn bán nước. Ngày nay thì sự kiện đã quá rõ ràng. Quân đội Cộng Sản Việt Nam thực ra đã được huấn luyện, trang bị, yểm trợ bởi hồng quân Trung Cộng kể từ những năm đầu tiên. Các tướng lãnh Trung Cộng đã đứng sau Võ Nguyên Giáp để đánh thắng quân Pháp trong trận Điện Biên Phủ. Sau đó, trong chiến 1974-1975, Trung Cộng đã viện trợ cho Việt Cộng quân trang, quân dụng một cách có thể gọi là vô giới hạn. Bọn lính Bắc trong con đường mòn Hồ Chí Minh xâm chiếm miền Nam, đưa nào cũng có trong mình những túi lương khô trong đó có bột ngọt và những gói chà bông Trung Cộng, giúp chúng có thể sống dễ dàng để xâm chiếm miền Nam. Sự thực này do chính một người ngày xưa đã vào Nam theo đường mòn Hồ Chí Minh, nay sống tại Montréal cho chúng tôi biết như vậy.

Tại sao Trung Cộng chịu bỏ ra nhiều công, nhiều của như thế để giúp Việt Cộng? Hỏi như vậy thực quá ngây thơ. Chỉ nhìn lại công hàm bán nước của Phạm Văn Đồng và những hiệp định về biên giới ký kết sau này, thì người ta thấy được là sự đầu tư của bọn Tàu đã đem lại cho chúng những lợi nhuận vô cùng to lớn. Người Việt Nam đã bị lừa một cách trắng trợn. Tôi nói người Việt Nam vì trong số những người bị lừa, có cả những người Cộng Sản. Những người này sau cùng đã nhìn ra dã tâm của người Tàu. Bởi vậy nên đã có những người chống đối, chính trong hàng ngũ Cộng Quân. Nhưng sau một trận chiến “cho VN một bài học” năm 1979, sau khi Nga Sô sụp đổ, và sau một vài cuộc thanh lọc, ngày nay tất cả những thành phần chống đối này đã bị triệt tiêu. Còn lại chỉ là bọn mà Bắc Kinh gọi thì dạ, bảo thì vâng. Bởi vậy nên mới có đền thờ lính Tàu xây ở chính nước Việt Nam ở biên cương, bởi vậy mới có những hợp đồng cho người Tàu khai thác các mỏ nhôm ở cao nguyên Trung Phần, bởi vậy nên mới có chuyện Việt Khang bị bắt khi làm các bản nhạc như Anh là ai? Việt Nam tôi đâu?

Ngày nay, tất cả quyền hành tại Việt Nam nằm trong tay các bộ hạ của Bắc Kinh, một thiểu số Việt gian đêm không nhiều hơn các đầu ngón tay. Bọn này là thành viên Bộ Chính Trị, một phần bị mua chuộc, một phần bị đe dọa, một phần bị bắt bí vì các liên hệ tình dục bất chính..Như vậy hiểm họa mất nước của người Việt Nam trở nên trầm trọng hơn bao giờ.

Tưởng nhớ Ngày Quốc Hận năm nay, mong rằng tất cả những người Việt Nam, trong hay ngoài nước, có đủ sáng suốt để nhìn ra cái sự lừa đảo này. Không có cái gì gọi là “Đại Thắng Mùa Xuân” hết. Chỉ là “Đại Họa” mà thôi.

Việt Khang rất có lý khi hỏi là Việt Nam tôi đâu.

Việt Khang cũng rất có lý khi tiên đoán: sẽ không còn Việt Nam trên thế giới.

Sẽ không còn Việt Nam, sẽ không còn Tây Tạng, sẽ không còn Cambodge, Lào, Miến Điện...v.v

Chúng ta phải làm gì để tránh thảm họa này, để xứng đáng làm con rồng, cháu tiên?

Xin các thế hệ Việt Nam còn trẻ trung, còn nhiều sức sống, trả lời cho câu hỏi này.

Xin các người trẻ hãy đứng lên để Đáp Lời Sông Núi.

THỜI SỰ



Phóng viên Quốc Gia & Nguy Khắc Quái

TIN THẾ GIỚI – PHÓNG VIÊN CỘNG ĐỒNG TÓM LƯỢC

* Tin Hoa Kỳ

Tiền Bạc giữ vai trò quan trọng trong vụ bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ-Những tỷ phú đầy quyền lực với các Super PAC.

Luật bầu cử của Hoa Kỳ vừa được thay đổi. Với sự đổi thay này, người ta nhận thấy một nhóm các tỷ phú có năng lực bảo trợ cho những ứng viên một cách rất hữu hiệu bằng tiền bạc của mình. Rick Santorum và Newt Gingrich là những ứng viên đã được hưởng ơn mưa móc đó. Nhà tài phiệt, vua các Casino, người giàu có thứ 8 của nước Mỹ tên Sheldon Adelson đã đóng góp 11 triệu đô cho quỹ “super PAC” để ủng hộ ông Gingrich. Super PAC có quyền nhận sự quyên góp vô giới hạn của các công ty, các nghiệp đoàn để yểm trợ một ứng viên, với một vài điều kiện rất mơ hồ là hoạt động của họ không phải là do ứng viên đó và các cộng sự viên trực tiếp điều khiển cho vận động tranh cử. Điều kiện này trên thực tế chẳng hữu hiệu gì. Việc tòa án tối cao Hoa Kỳ cho phép hợp thức hóa các Super PAC này rất quan trọng vì đây là cách để người ta vô hiệu hóa đạo luật giới hạn ở con số 2500 đô la sự đóng góp trực tiếp cho một ứng viên. Andelson tuyên bố: Tôi có thể cho Gingrich 10 hay 100 triệu đô la.

Foster Friess, một tỷ phú khác, vừa ký một

chi phiếu khổng lồ cho Super PAC ủng hộ Rick Santorum.

Các nhà tỷ phú thường hay nghiêng về phía Cộng Hòa. Barack Obama có vẻ thất thế trong mặt trận này.

* **Tin Afghanistan:** Cái gọi là “Guanténamo afghan » được trao lại cho Kaboul.

Chính phủ Hoa Kỳ cam kết trong vòng tối đa là 6 tháng, sẽ trao quyền kiểm soát trại tù Bagram lại cho chính quyền Kaboul. Trại tù này rất tai tiếng đến độ được so sánh với trại tù Guanténamo mà mọi người đều biết, trong đó các tù nhân của người Mỹ bị ngược đãi tàn bạo. Tổng Thống Afghan, ông Hamid Kazai đã nhiều lần đòi hỏi quyền kiểm soát trại tù binh này.

* **Tin Nga:** Tập hợp của phe chống đối để chống Poutine.

Tất cả các phe đối lập tại Nga đang tìm cách liên kết với nhau để chống đối Poutine gian lận phiếu bầu trong kỳ bầu cử Tổng Thống vừa qua của nước Nga. Cuộc bầu cử này theo kết quả chính thức được công bố là 63.6% ủng hộ Poutine nhưng đồng thời cũng tai tiếng vì sự gian lận trắng trợn của phe cầm quyền. Với sự cộng tác của thủ hạ, Poutine nắm giữ quyền hành trong tay từ nhiều năm. Tương lai cũng không sáng sủa gì cho phe đối lập. Ông Poutine chính thực là một Nga Hoàng tuy không cần mặc long bào.

* **Tin Ai Cập:** Phụ Nữ Đi Chỗ Khác Chơi !

Đảng PLJ, parti politique des frères musulmans chủ trương phế bỏ Hội Đồng Phụ Nữ để thay thế bằng một cơ quan ít quyền lực, giới hạn người phụ nữ trong phạm vi gia đình mà thôi. Đảng này cũng kết án Quy Ước chống kỳ thị phụ nữ của Liên Hiệp Quốc.

Không biết đến bao giờ người phụ nữ trong các quốc gia Trung Đông mới có thể được đối xử như những phụ nữ tây phương.

*** Tin Do Thái-Ả Rập.**

11 người Palestiniens đã tử thương, gần 20 người khác bị trọng thương khi quân đội Do Thái oanh tạc vùng Bande de Gaza. Sự căng thẳng giữa Do Thái và các quốc gia Ả Rập khác là một lò thuốc súng rất nguy hiểm cho nhân loại, vì thảm họa chiến tranh thứ 3 có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nếu chiến tranh xảy ra, và nếu vũ khí nguyên tử được sử dụng, Nhân Loại có nguy cơ diệt vong.

*** Tội Ác Chiến Tranh tại Lybie: Cả hai bên đều phạm tội.**

Phe Kadhafi đã phạm nhiều tội ác trong chiến tranh nhưng phe nổi loạn chống Kadhafi cũng có bàn tay nhuộm máu dân lành. Ông Philippe Kirsch, chủ tịch ủy ban điều tra tội ác tại Lybie đã kết luận như vậy. Những cuộc bom của OTAN làm thiệt mạng ít nhất là 60 thường dân. Số bị thương lên đến 55 người. Có thể trong thực tế, con số nạn nhân cao hơn nhiều. Ngay cả cái chết của Kadhafi cũng rất mù mờ và có thể kể như một tội ác vì lúc đó, Kadhafi đã bị thương và không chống cự. Ủy ban đã đòi hỏi bản giao nghiệm tử thi của nhà độc tài này nhưng không ai cung cấp cho họ tài liệu quý báu đó.

*** Tin Bahrein: Bác sĩ bị bắt và ra toà vì đã săn sóc các người bị thương trong phe chống đối.**

Trong quốc gia nhỏ bé này, phe cầm quyền thuộc nhóm Sunnite và do gia đình Al-Khalifa cầm đầu. Dân chúng, đa số thuộc phe chiite, xuống đường biểu tình. Nhà vua bèn gọi viện trợ quân sự từ các xứ Arabie Saoudite và Emirats. Họ đàn áp thẳng cánh. Trên 40 người tử thương. Các bác sĩ làm việc tại nhà thương Salmaniya thấy người bị thương, không lẽ không cứu. Thế là họ bị bắt ra toà và bị kết án từ 5 đến 15 năm tù. Những người còn

lại bị bắt buộc tuyên bố là không có người nào bị thương vì quân đội trấn áp.

Kết luận là độc tài, thì ở Trung Đông hay Việt Nam, chúng nó giống nhau như 2 giọt nước.

*** Tin Syrie: 50 người chết thảm. Kofi Annan đến Damas.**

Tại Syrie, các bộ hạ của Bachar al-Assad bắt đầu đào ngũ. Họ gồm 6 ông Tướng, 4 ông Tá. Tuy nhiên Assad được Nga ủng hộ. Do đó, bọn cầm quyền gia tăng sự bắn giết tại Homs, Hama và Idleb. Ông Kofi Annan của ONU họp với các ngoại trưởng các xứ Ả Rập để tìm biện pháp. Ông cũng họp với ngoại trưởng Nga, ông Serguei Lavrov để thương thuyết với Nga. Lịch sử chỉ là một cuộc tái lại những sự kiện mới xảy ra cho Lybie.

*** Tin Canada: Sinh viên vẫn xuống đường phản đối tăng học phí.**

Các cuộc xung đột đang xảy ra giữa các sinh viên và các cảnh sát có nhiệm vụ giữ an ninh. Nhiều sinh viên đã bị thương. Những trái lựu đạn gây diếc tai đã được ném vào đám đông. Loại lựu đạn này có tên là flash-bang. Khí giới này chỉ làm bằng carton, không có kim khí, vậy mà cũng gây ra thương tích cho nhiều sinh viên.

TIN VIỆT NAM – NKQ tóm tắt

*** Lý do vì sao VN nhiều tiến sĩ thối: VN phát hiện đường dây thi hộ, làm bằng giả cho quan chức nhà nước**

Theo tin trên Global Post ngày 19/3, gần 200 cán bộ quan chức nhà nước thuê người thi dùm chứng chỉ quốc tế Anh ngữ TOEFL và TOEIC với giá từ 4 tới 7 triệu tiền Hồ. Có 6 người thuộc trường đại học Lạc Hồng Biên Hòa bị khởi tố trong đường dây gian lận bằng cấp này. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai hứa sẽ “xử lý nghiêm” các cá nhân gian lận bằng cấp. Nạn gian lận bằng cấp khó kiểm soát trong xã hội Việt Nam có liên quan đến đội ngũ cán bộ, lãnh đạo nhà nước.

*** Lại cái trò đốt cháy để hôi của, phi tang: Kho hàng Cảng Hà Nội cháy to**

Khoảng 7 giờ 40 đêm 10-03, kho của công ty Giang Linh, trên đê Nguyễn Khoái, Hà Nội, đoạn gần cầu Vĩnh Tuy đã phát cháy lớn từ kho hàng chứa xe đạp nhựa trẻ em rồi lan nhanh sang các

kho hàng chứa chẵn độm, khung sắt ... đến nỗi chính quyền phải điều động cả trăm binh sĩ thuộc Quân khu Thủ đô và cảnh sát giao thông tham gia cứu hỏa. Điem bị cháy gồm cả kho chứa xe máy vi phạm giao thông của công an Hà Nội, kho chứa tang vật của công an Hà Nội !.

* **Trả thù đến cả Cộng sự của Cha Lý**

Tòa án tỉnh Nghệ An trong phiên xử ngày 6/3 vừa tuyên án 5 năm tù Bà Võ Thị Thu Thủy, 50 tuổi và ba năm tù ông Nguyễn Văn Thanh, 28 tuổi, về tội liên hệ với Linh mục Nguyễn Văn Lý để “chống phá Đảng và Nhà nước”. Báo Nhân Dân, cơ quan ngôn luận của VC nói bà Thủy “móc nối” với Linh mục Nguyễn Văn Lý sau khi tham gia vụ đòi đất ở giáo xứ Tam Tòa, tỉnh Quảng Bình năm 2009.

Tội danh ‘Tuyên truyền chống nhà nước’ đã được CSVN sử dụng để bỏ tù nhiều nhân vật chống đối, nhưng bị các tổ chức nhân quyền chỉ trích là “mơ hồ và thường bị diễn giải tùy tiện”.

* **VC Tiếp tục báng bổ tôn giáo -Giáo hội Phật giáo phản đối video clip**

Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam vừa gửi công văn phản đối bạo quyền CS về việc chúng dùng hình ảnh Thánh tăng Phật giáo trong một video clip cổ súy việc sử dụng bao cao su.

Video clip hoạt hình do một nhóm sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền Hà Nội thực hiện. Trong video có đoạn cho thấy bốn thầy trò Tam Tạng được Phật tổ trao... thùng bao cao su để giúp người đời chống SIDA/Aids. Video clip này đã được trao giải xuất sắc trong một cuộc thi vào đầu tháng 2/2012 và được báo chí trong nước ca ngợi là “sáng tạo”, “thu hút khán giả trẻ”.

Hiện cơ quan quản lý văn hóa CSVN chưa có phản hồi chính thức về công văn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gửi hôm 17/3.

* **“Lý thuyết gia” hết ý kiến**

Lữ Phương, “lý thuyết gia Marxist”, từ trong nước và trong một cuộc phỏng vấn của BBC đã cho rằng: *Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay không hề “liên quan” gì tới Chủ nghĩa Marx, mà chỉ đang “lợi dụng” chủ thuyết này trong việc xây dựng một thứ “chủ nghĩa tư bản man rợ, rùng rú.”*

Phương khẳng định chủ nghĩa Marx “đích thực” không có quan hệ gì đến thực tiễn Việt Nam trong suốt chặng đường lịch sử nhiều chục năm qua và hiện nay. “Nhà nghiên cứu” nhấn mạnh những ai “mượn” chủ nghĩa Marx “chân chính” như lâu nay vẫn làm ở Việt Nam để giành quyền lãnh đạo đất nước chỉ là “ngộ nhận hoặc lừa dối, huyễn hoặc” mà thôi. Ở phần cuối của cuộc trao đổi với BBC, Lữ Phương khẳng định vấn đề của Việt Nam hiện nay là “chống chủ nghĩa tư bản man rợ” để xây dựng một “chủ nghĩa tư bản văn minh.”

* **Mua máy bay dõm của Nga: Máy bay Sukhoi gặp nạn khi bay thử**

Một chiến đấu cơ chuẩn bị được giao cho Việt Nam, chiếc Su-30MK2 đời mới của Nga đã gặp nạn hôm 28/2 khi bay thử một tuần trước đây làm hai phi công bị thương. Trung tá Valeriy Kirillin bị gãy 3 cái xương sườn và đại úy Aleksey Gorshkov chỉ bị thương nhẹ. Đây là một trong bốn chiếc Su-30MK2 mà Nga sẽ giao hàng cho CSVN trong năm 2012. Hồi tháng 2/2011, Việt Nam ký hợp đồng mua của Nga 12 chiếc Su-30MK2. Bốn chiếc đầu được giao vào tháng 6/2011, bốn chiếc tiếp theo giao vào tháng 1/2012 và bốn chiếc cuối sẽ được giao hết trong năm nay. Trước đó, Việt Nam cũng đã mua và nhận đủ 12 chiến đấu cơ Su-30.

* **Đàn áp đối lập liên miên: Ts Nguyễn Xuân Diện và nhà văn Nguyễn Tường Thụy bị câu lưu**

Trong bối cảnh dư luận Việt Nam vẫn còn rất công phẫn trước sự kiện ngày 22/2 vừa qua, ngư dân một tàu cá của Quảng Ngãi bị tàu chiến Trung Quốc dùng vũ lực uy hiếp, đánh đập, lục soát và tịch thu tài sản, ngày 7/03/2012, công an đã câu lưu tiến sĩ Nguyễn Xuân Diện và blogger Nguyễn Tường Thụy và đưa về trụ sở Công an Hà Nội. Việc này xảy ra một ngày trước một cuộc họp nhân ngày quốc tế phụ nữ 8/3, tại một nhà hàng ở Hà Nội quy tụ nhiều nhân sĩ, trí thức, cán bộ lão thành đã từng tham gia các cuộc biểu tình ở Hà Nội phản đối Trung Quốc nhưng rất nhiều an ninh mật vụ đã đến đây để theo dõi.

* **Tướng Không Tư chỉ huy Tổng cục An ninh II**

Bộ trưởng Công an VC Trần Đại Quang vừa quyết định bổ nhiệm Trung tướng Hoàng Không Tư làm quyền Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh II,

phụ trách an ninh nội địa và đặc biệt là thông tin-truyền thông. Tổng cục trưởng Phạm Dũng được Nguyễn Tấn Dũng điều sang làm Thứ trưởng Nội vụ, kiêm Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ, để dễ bề đàn áp, kềm kẹp, lũng đoạn tôn giáo. Tư đã từng tham gia chỉ đạo nhiều vụ án quan trọng liên quan an ninh quốc gia, như vụ đàn áp người Thượng ở Tây Nguyên và vụ bắt giữ Tiến sỹ Luật Cù Huy Hà Vũ tại Thành Hồ.

*** Việt Cộng phản đối Hoa Kỳ về việc thông qua dự luật nhân quyền**

Phát ngôn viên Bộ Ngoại giao CSVN Lương Thanh Nghị đã phản đối việc Ủy ban Đối ngoại Hạ Viện Mỹ vừa thông qua dự luật « Nhân quyền Việt Nam » mang số H.R. 1410 ngày 07/03/2012. Dự luật này hạn chế các khoản viện trợ của Mỹ cho Việt Nam, trừ phi chính quyền Hà Nội đạt tiến bộ trong lãnh vực nhân quyền.

Phát ngôn viên Bộ Ngoại giao CSVN vẫn đưa ra luận điệu cũ rích là: dự luật nói trên đã đưa ra những thông tin “*sai trái, thiếu khách quan*” về tình hình thực thi nhân quyền ở Việt Nam.

*** Đà Nẵng cầu kết với Mafia VN gia tăng áp lực lên giáo xứ Côn Dầu**

Năm 2010, chính quyền Đà Nẵng phá hủy nhà thờ Côn Dầu và nghĩa trang của giáo xứ thành lập cách nay 135 năm để...xây khách sạn và khu giải trí. Khoảng 200 gia đình đã chấp thuận ra đi vì bị ép buộc, vì tin theo lời hứa đền bù và giúp tái định cư của chính quyền. Nhưng rồi hai năm qua họ vẫn chưa có đất, chưa có nhà. Vì thế, 100 gia đình còn lại nhất định không chịu ra đi.

Nay bọn Công an đe dọa sẽ dùng vũ lực trục xuất những ai chống lại lệnh cưỡng chế. Cán bộ VC và công an đã đến tận nhà những giáo dân từ chối thi hành lệnh cưỡng chế ban hành cách nay hai năm để hăm dọa. Được biết, tập đoàn chủ đầu tư xây khu du lịch tại Côn Dầu có nhiều công ty con « *chuyên đánh hàng lậu* » qua đường dây « *xã hội đen Việt Nam tại Ukraina* ». Hiện nay đất Côn Dầu đã được rao bán lại với giá cao gấp 30 lần tiền bồi thường cho nạn nhân bị cưỡng chế.

*** VN sẽ xuất cảng gạo nhiều nhất thế giới?**

Theo hãng tin Reuters, Việt Nam sẽ xuất cảng 7.2 triệu tấn gạo trong năm 2012, con số kỷ lục từ trước đến nay.

Trong khi đó, năm nay sản lượng gạo xuất cảng của Thái Lan dự đoán sẽ giảm đột ngột nên tạo cơ hội lớn cho xuất cảng gạo của Việt Nam. Thái Lan dự đoán chỉ xuất được nhiều nhất là 7 triệu tấn gạo do giá gạo nước này tăng cao sau khi chính phủ của họ can thiệp về giá để hỗ trợ cho hàng triệu nông dân nghèo. Do đó, tính từ đầu năm đến nay thì xuất cảng gạo của nước này đã giảm xuống một nửa so với cùng kỳ năm ngoái, từ 2,15 xuống còn 1,07 triệu tấn. Xuất cảng gạo VN tăng nhiều nhưng nông dân có được khá hơn không hay đô la sẽ chảy hết vào túi các quan tham và xì thầu từ Bắc vào (vội vã vào, vơ vét về) ?. Lượng gạo bán để nuôi Tàu đã tăng lên gấp 3 lần.

TIN CỘNG ĐỒNG VN HẢI NGOẠI

*** Bác sĩ trẻ gốc Việt được bổ nhiệm vào Ủy ban Cố Vấn Tổng thống Mỹ**



Tổng thống Barack Obama vừa bổ nhiệm một bác sĩ trẻ gốc Việt - Tiến sĩ-Bác sĩ Nguyễn Thanh Tùng, giáo sư y khoa của Đại học California-San Francisco, vào Ủy ban Cố vấn cho Tổng thống chuyên trách về người Mỹ gốc Châu Á-Thái Bình Dương. Người Việt như thế đã có tiếng nói trong chính quyền Mỹ. Bác sĩ Nguyễn Thanh Tùng cùng gia đình sang Mỹ tị nạn chính trị từ năm 1975 và hiện định cư tại San Jose, bang California. Anh tốt nghiệp trung học ưu hạng và được học bổng toàn phần trong thời gian học cử nhân triết tại Harvard. Ra đại học, anh chuyển sang học y khoa. Sau khi tốt nghiệp bác sĩ từ đại học nổi tiếng Stanford, anh được mời về giảng dạy tại Đại học California-San Francisco từ năm 1997 tới nay, vừa dạy, vừa chăm sóc bệnh nhân, và miệt mài trong công tác nghiên cứu.

*** Về VN cưới vợ hãy coi chừng: Bác sĩ Việt Nam phẫu thuật ‘phục hồi’ trinh tiết cho phụ nữ**

Một bác sĩ tại một y viện tư nhân ở Hà Nội đề nghị làm phẫu thuật tái tạo màng trinh miễn phí để mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3. Trước ngày Quốc tế Phụ nữ, bác sĩ Thi Kim Dung loan báo y viện tư nhân của bà sẽ dành một ngày làm phẫu thuật miễn phí cho phụ nữ để các phụ nữ này được xem như vẫn còn trinh tiết. Bà nói thủ tục nhanh chóng và đơn giản và nhiều người sẵn sàng trả tiền dù phí tổn từ khoảng 300 đến 350 đôla. Thủ tục này đang ngày càng phổ biến. Bác sĩ Dung nói cách đây 5 năm thì mỗi tháng bà có 1 hay 2 khách hàng nhưng giờ đây con số này lên tới khoảng 30 khách.

*** Bác sĩ sang làm từ thiện tại Việt Nam bị trộm**

Một nhóm 5 bác sĩ Mỹ cơ trộm lên vào trộm nhiều đồ cá nhân trên chuyến tàu hỏa tới Lào Cai. Tuy nhiên, một cán bộ cấp cao ngành Xe Lửa VN nói rằng cũng cần phải xem có mất trộm thật hay mất trộm giả. Từ California người ta nghi ngờ rằng, chưa chắc nhóm 5 bác sĩ này đã bị trộm viếng, mà có thể chính công an CSVN giả làm trộm để tịch thu hết các máy ảnh, điện toán Ipad, điện thoại... để dò xem có thực họ chỉ thăm Lào Cai, hay là muốn móc nối với các nhà hoạt động tôn giáo đang bị cấm ở vùng này.

*** Một thiếu niên đạp xích lô ở Việt Nam trở thành khoa học gia nguyên tử ở Mỹ**



Võ Tá Đức ngày còn ở trại tị nạn

Tiến sĩ Võ Tá Đức hiện công tác tại Phòng thí nghiệm Quốc gia Los Alamos, một trong hai phòng thí nghiệm của Mỹ chuyên nghiên cứu chế tạo các loại vũ khí nguyên tử và là một trong các viện nghiên cứu đa ngành lớn nhất thế giới. Cậu bé đạp

xích lô ở Việt Nam ngày nào giờ đây đã góp công nghiên cứu sáng chế ra những máy móc, thiết bị dò tìm nguyên tử đang được ứng dụng để ngăn ngừa các hình thức vận chuyển nguyên tử bất hợp pháp vào biên giới Hoa Kỳ.

Ngày còn ở VN, là con trưởng trong gia đình 11 anh chị em, năm lên 14 tuổi, cậu bé Võ Tá Đức đã trở thành lao động chính trong nhà vì gia cảnh khó khăn. Ba cậu làm thợ nề, nhưng do bệnh tật nên bị mất sức lao động. Mẹ Đức tảo tần buôn bán lật vật chạy bữa qua ngày. Hằng ngày, sau giờ tan học, Đức ăn vội cơm trưa rồi cuốc chiếc xe xích lô rong ruổi khắp mọi góc phố ở Tuy Hòa để kiếm tiền phụ cha mẹ nuôi 14 miệng ăn trong gia đình. (trích tin VOA).

*** TT Obama vinh danh Sinh viên gốc Việt tại Tòa Bạch Ốc**



Sáng lập viên tổ chức bất vụ lợi “Swipes for the Homeless,” Thạch “Tak” Nguyễn, cựu sinh viên đại học UCLA vừa được Tổng Thống Mỹ Barack Obama vinh danh là một trong năm cá nhân xuất sắc trong chương trình “Champions of Changes” tại Tòa Bạch Ốc. Đây là chương trình do chính tổng thống Obama phát động từ năm 2011, với hàng ngàn người nộp đơn. Tòa Bạch Ốc chọn ra 15 người vào chung kết. Sau đó, công chúng chọn ra năm người xuất sắc nhất. Tak Nguyễn là người gốc Việt duy nhất trong năm người này. Kể từ khi thành lập năm 2009, tổ chức “Swipes for the Homeless” của « Tak » Nguyễn đã nhận được khoảng 25,000 pound thực phẩm giúp người vô gia cư. Thạch Nguyễn vốn sinh ra trong một gia đình đồ võ và cha mẹ ly dị nhưng đã phấn đấu vươn lên để có được thành quả như ngày nay.



Cộng-Đồng Người Việt Quốc-Gia Vùng Montréal

Communauté Vietnamienne au Canada, Région de Montréal

6767, Côte des Neiges #495, Montréal, QC, H3S 2T6, Canada

Tél: (514) 340-9630 Fax: (514) 340-1926

Website: www.congdongvietnam.ca Email: cdvietnam@hotmail.com

BIÊN BẢN BUỔI ĐẠI HỘI ĐỒNG BẤT THƯỜNG NGÀY 25-3-2012

Tham chiếu :

- * Điều 8, 9 Nội Quy của Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montréal, ngày 19-6-1994 được tu chính ngày 3-5-2009 .
- * Biên bản buổi họp ngày 20/ 02/ 2012 của Ban Giám Sát và Ban Chấp hành , quyết định triệu tập Đại Hội bất thường để tu chính Nội Quy
- * Thông cáo ngày 22/ 02/ 2012 v/v mời toàn thể hội viên tham dự Đại Hội Đồng bất thường ngày 25-3-2012

Ngày giờ tiến hành buổi họp : 13 giờ , ngày 25-3 -2012

Địa điểm : Trụ sở Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montréal

Địa chỉ : 6767 Côte des Neiges – Phòng họp : Grande salle (Đại sảnh)

Chương trình buổi Đại Hội :

- 13g00 Kiểm soát tình trạng hợp lệ các hội viên hiện diện
- 13g 15 Nghi lễ chào quốc kỳ Canada và quốc kỳ VNCH - Phút mặc niệm

Sau phần nghi lễ, Ban tổ chức tiến hành kiểm túc số hiện diện, do chưa đủ 1/5 tổng số hội viên hợp lệ, chấp hành đúng theo điều 9 Nội quy, ban Tổ chức chờ đúng 30 phút sau giờ khai mạc:

Số hội viên hợp lệ hiện diện lúc bấy giờ là 51 người.

Tổng cộng có : 51 hội viên (cử tri) hợp lệ

Chủ Tọa Đoàn đại hội

Chiều điều 10 của Bản Nội Quy, Ban tổ chức mời :

BS Đào Bá Ngọc, GS Vũ Văn Thái và GS Nguyễn Bá Hoa vào Ban chủ tọa

BS Đào Bá Ngọc Chủ tịch Ban Chấp Hành Cộng đồng làm Chủ tọa đại hội .

Cô Nguyễn Thanh Vân, Tổng thư Ký BCH, làm thư ký đại hội

Thuyết trình viên trong Phiên họp Đại hội bất thường Tu chính Nội Quy là :

TS Lê Minh Thịnh.

Đúng 13g 45, Bác sĩ Đào Bá Ngọc chào mừng tất cả quý hội viên hiện diện và tuyên bố khai mạc phiên họp Đại hội bất thường :

Kính thưa quý vị Niên trưởng. . .
- Quý thân hữu hội viên,

Chúng tôi lần tìm lại những trang lịch sử xây dựng Cộng đồng của các bậc tiền bối, từ buổi ban đầu Hội Việt Kiều Canada vùng Montréal tiến lên thành Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Canada vùng Montréal. Bản Nội Quy đầu tiên được hình thành vào tháng 3 năm 1976. Qua hai lần tu chính năm 1982, 1989 đến lần tu chính thứ 3 vào ngày 19-6-1994 thành bản Nội quy chúng ta thi hành cho đến ngày nay. Bản Nội Quy này được tu chính bổ túc điều 8a và 8b trong phiên họp Đại hội đồng bất thường ngày 3-5-2009 (tu chính lần thứ 4) là bản Nội quy hiện hành.

Những nhiệm kỳ vừa qua của Ban chấp hành (BCH) - CĐ NVQG đã gặp phải nhiều khó khăn về tài chính, đặc biệt hơn hết là việc xin tài trợ của chánh quyền.

Chánh quyền đòi hỏi chúng ta phải nộp Bản Nội Quy để cứu xét . Chánh quyền rất chú ý đến các hoạt động đa chủng tộc.

Do đó, hôm nay chúng tôi đề nghị xin tu chính Nội quy hiện hành để theo kịp sự tiến hoá của thời cuộc, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Cộng đồng.

LS Nguyễn An Lạc cho biết sẽ soạn thảo Bản Nội Quy mới bằng pháp ngữ để trình lên Chính Phủ. Bản Nội Quy này sẽ là tài liệu hợp pháp và chính thức.

Trước khi đại hội thảo luận và biểu quyết, chúng tôi mời thuyết trình viên TS. Lê Minh Thịnh trình bày những ưu và nhược điểm trong bản Nội quy hiện hành, nêu lên những chương, những điều cần tu chính.

Phương pháp làm việc được hội trường chấp thuận là: Thuyết trình viên đọc lên từng điều của mỗi chương, nêu ra những khác biệt giữa điều cũ và dự kiến (dự thảo) đề nghị tu chính, có chiếu lên màn ảnh cho cử tri dễ đọc, tiếp theo là các cử tọa thảo luận, phát biểu ý kiến, sau đó ông chủ tịch của Ban chủ tọa đại hội, dung hoà, đúc kết thành ý kiến chung và đưa lên biểu quyết, chấp thuận .

Phản phát biểu ý kiến :

Một ngày trước ngày Đại hội, Ban tổ chức đã nhận được những ý kiến đề nghị rất bổ ích, rất xây dựng của BS Từ Uyên (ghi 6 trang giấy in), G.S Lê văn Mão (2 trang giấy in) và nhân sĩ Trần văn Thanh. Một lần nữa chúng tôi chân thành cảm ơn quý ân nhân đã có nhiệt tâm với sự sinh tồn của Cộng đồng.

Phiên họp Đại hội hôm nay, được rất nhiều ý kiến đóng góp thảo luận của quý vị như: BS Từ Uyên, ông Trần văn Thanh, GS Lê văn Mão, BS Bùi Thế Cầu, LS Nguyễn An Lạc, Th S Nguyễn Đình Cường, ông Nguyễn Thu Lương, ông Lê Ngọc Diệp, DS Lâm Xuân Quang, ông Phan văn Ninh, BS Phùng văn Hạnh, BS Nguyễn Như Thành, ông Dương Bình, bà Lâm Hồng Hà, bà Đặng Thị Danh, bà Đức và còn nhiều quý vị khác nữa. Tuy ý kiến có khác nhau nhưng tất cả đều trong tinh thần chân thành xây dựng lợi ích chung, và sự lớn mạnh của Cộng Đồng.

Theo phương pháp làm việc nêu trên, sau phản phát biểu ý kiến dồi dào, BS Đào Bá Ngọc, chủ tọa buổi đại hội, dung hòa, lấy ý kiến chung đưa lên cử tọa biểu quyết từng điều một .

Biểu quyết :

Tất cả cử tọa đều đồng ý biểu quyết bằng cách đưa tay

Bằng phương pháp làm việc như đã nêu trên, **Đại Hội Đồng biểu quyết chấp thuận Bản tu chính Nội Quy (mới)**

Chương I : Danh Xưng, Tôn chỉ :

- Điều 1 : Danh xưng

- Điều 2 : Tôn chỉ - Mục đích - Chủ trương
- Chương II : Hội viên
 - Điều 3 : Điều kiện gia nhập
 - Điều 4 : Các thành phần hội viên
 - Điều 4 bis :
- Chương III : Tổ chức và Điều hành
 - Điều 5 , Điều 6 , Điều 7 , Điều 8 , Điều 9 , Điều 10 , Điều 11
- Chương VII :
 - Đại Hội Đồng biểu quyết : **bãi bỏ điều 48**
- Chương IX :
 - Điều 52 : Đại Hội Đồng biểu quyết chấp thuận (thông qua)

Tất cả những Chương, Điều chưa đưa lên tu chính, Đại Hội Đồng biểu quyết đồng ý để Ủy Ban soạn thảo Dự thảo Tu chính Nội Quy tiếp tục làm việc cho kịp Kỳ Đại Hội Bầu cử vào tháng 6 năm 2012 sẽ biểu quyết hoàn chỉnh bản Nội Quy mới.

Đến đây , không có cử tọa nào còn muốn phát biểu ý kiến nữa . Ông chủ tọa Đào Bá Ngọc, thay mặt chủ tọa đoàn phiên họp đại hội bất thường chân thành cảm ơn tất cả các hội viên cộng đồng đến tham dự đầy đủ phiên họp hôm nay, đã đóng góp nhiều ý kiến xây dựng rất bổ ích tạo bầu không khí thân thiện nhưng không kém phần sôi nổi trong khi phát biểu ý kiến, đưa kết quả buổi đại hội đến thành công mỹ mãn . Và ông cũng không quên cảm ơn Ban tổ chức đã chuẩn bị rất chu đáo cho buổi họp hôm nay.

Phiên họp Đại hội bất thường tu chính Nội Quy với kết quả tốt đẹp được kết thúc vào hồi 16g30 ngày 25-3- 2012.

BS Chủ tọa

Đào Bá Ngọc

Thuyết trình viên

TS Lê Minh Thịnh

Thơ ký

Nguyễn Thanh Vân.

Đính kèm :

* Bản dự thảo Nội quy với những Chương, Điều được Đại Hội bất thường hôm nay biểu quyết chấp thuận.

HỘI CHỢ TẾT NHÂM THÌN 2012

tại MONTREAL

** MINH ĐỨC



Lễ Chào Quốc kỳ

Mỗi năm, sau khi cùng người bản xứ đón mừng năm mới Dương lịch, thì gia đình người Việt Nam xa xứ cùng với đồng hương mà đại diện là Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montréal (CĐNVQGM) chuẩn bị đón mừng Tết truyền thống của dân tộc. Dầu cách xa quê hương, người Việt Nam luôn luôn hướng về quê cha đất tổ, sắp sang năm mới, gởi lời hỏi thăm chúc mừng Phước lành tới tập, nói lên nỗi nhớ nhung càng làm gần thêm tình nghĩa, vẫn luôn duy trì những phong tục, lễ nghi, theo truyền thống từ xưa của ngày Tết Nguyên Đán là ngày lễ trang trọng và vui nhất có ảnh hưởng suốt cả năm mới.

Năm nay, Hội Chợ Tết Nhâm Thìn 2012 tại Montréal được CĐNVQG tổ chức tại Centre Charbonneau, 3000 đường Vial, Montréal vào ngày Chủ nhật 15-01-2012. Theo chương trình của Ban tổ chức, ngày Hội Chợ Tết bắt đầu từ 10 giờ sáng và bế mạc lúc 18 giờ chiều.

Hôm nay, trời trong sáng có ánh nắng, mặc dầu thời tiết buốt giá mùa đông của vùng “Mộng-Thế-An” (Montréal), đã có hơn 3 ngàn đồng hương

đến tham dự Hội Chợ.

Hội chợ Tết năm nay được hân hạnh tiếp đón quý vị quan khách: Ông Jean-Marc Fournier, Bộ trưởng Tư Pháp, đại diện Thủ hiến Québec, ông Alan De Sousa, Thị trưởng St. Laurent đại diện ông Đô trưởng Montréal, bà Barbara Pisani đại diện Tổng trưởng Di trú, Công Dân vụ và Đa văn hoá, ông Paul Leduc, Thị trưởng Brossard, ông Jean Francois Trần, cố vấn chánh trị của ông Jean –Marc Fournier, Tim Uppal, quốc vụ khanh đặc trách Cải tổ Dân chủ và dân biểu Mai Hoàng, đảng Tân Dân chủ ... cùng đại diện các hội đoàn tại Montréal.



Ban Tế lễ chào quan khách

Theo sự hướng dẫn chương trình của hai MC trẻ Xuân Long và Nhã Uyên, buổi lễ được khai mạc đúng theo nghi thức Chào Quốc kỳ Canada và Việt Nam Cộng Hoà và một phút mặc niệm. Quốc ca do ca sĩ Đoàn Chính, Ca đoàn thiếu nhi Em yêu Việt Nam và ca đoàn Nhạc Việt Trung Tâm Văn hoá Giáo Dục Hồng Đức đồng ca theo sự hướng dẫn của nhạc sĩ Lại Vũ Hán Dương.

Tiếp theo chương trình, Bác sĩ Đào Bá Ngọc, chủ tịch Cộng đồng và Ban tổ chức của Cộng đồng tiến hành lễ dâng hương tại bàn thờ Quốc tổ Hùng Vương và bàn thờ chiến sĩ trận vong.

Diễn tiến của chương trình như sau :

- B.s Đào Bá Ngọc và B.s Đỗ Quốc Bảo, Phó chủ tịch ngoại vụ Ban chấp hành cộng đồng ngỏ lời chào mừng cảm ơn quan khách, thân hào nhân sĩ cùng tất cả đồng hương hiện diện trong buổi lễ hôm nay. Đồng thời ông chủ tịch kêu gọi đồng bào gia nhập và tham gia sinh hoạt Cộng đồng vì số hội viên càng đông thì tiếng nói của cộng đồng càng mạnh để bảo vệ quyền lợi của chúng ta.

- Trong diễn từ của Đại diện Đô trưởng Montréal, ông Alan De Sousa, thị trưởng St-Laurent, Phó chủ tịch Ủy Ban Chấp hành Thành phố Montréal nồng nhiệt khen ngợi sự tiến bộ của Cộng đồng Người Việt đã tích cực tham gia hoạt động vào các lãnh vực xã hội và chánh trị.

- Diễn từ của ông Paul Leduc, Thị trưởng Brossard đã khen ngợi tinh thần sinh hoạt tập thể của cộng đồng nhất là trong các buổi lễ thượng kỳ Quốc gia Việt Nam Cộng Hoà.

- Trong lời phát biểu của ông Đại diện Thủ hiến Québec Jean Charest, Ông Jean-Marc Fournier, Bộ trưởng Bộ Tư Pháp đã nồng nhiệt ca tụng tinh thần đoàn kết của Cộng đồng người Việt tại Québec qua những buổi hội thảo về chánh trị, về Y tế...

- Trong lời chúc mừng năm mới của Đại diện Thủ Tướng Canada Stephen Harper, ông Tim Uppal, Quốc vụ Khanh, Bộ trưởng Cải cách dân chủ đã hoan nghinh tinh thần đoàn kết của Cộng đồng Người Việt tích cực hoà mình trong mọi công tác.

- Trong thông điệp chúc mừng, ông Jason Kenny, Tổng trưởng Quốc tịch, Di trú và Đa văn hoá, ông nói: “rất vui mừng làm việc chung với Cộng đồng người Việt tại Canada.. Tôi công nhận lá cờ vàng ba sọc đỏ là biểu tượng của người Việt Nam Cộng Hoà tại Canada... Đây là một cộng đồng vững mạnh, độc lập và đoàn kết”.

Kết thúc phần nghi lễ đón mừng Xuân mới lúc 1 giờ trưa bằng các tiết mục đốt pháo, múa lân và phân li xì các bao thơ đỏ mà các cháu nhi đồng rất vui mừng.

Tiếp theo là Chương trình văn nghệ (Có sự

tăng cường của MC Liên Hương và Bạch Tuyết) gồm các tiết mục rất sôi động và sự đóng góp của ban nhạc The Memories:

* Chuyện vui ngày Tết (LH&BT – NU&XL)

* Trống mừng Xuân: Hội trống & Vũ Lạc Việt

* Ca sĩ Đoàn Chính đơn ca 2 bài

* Nữ ca sĩ Mai Thi đơn ca 2 bài

* Liên đoàn hương đạo Việt Nam hợp ca : “Em là người Việt Nam”, “Việt Nam minh châu trời Đông”

* Các ca sĩ đến từ Hoa Kỳ hợp ca “Ly rượu mừng”

* Phần trình diễn của nam ca sĩ Tuấn Anh

* - nữ ca sĩ Lam Anh

* - nam ca sĩ Huy Vũ

* - nữ ca sĩ Quỳnh Vi

* Hợp ca “Giòng máu Việt Nam” của Ignace Lai với ca đoàn Nhạc Việt, ca đoàn Hội cựu học sinh trường Sinh Hoạt Văn Hoá Việt Nam

* Hợp ca & hợp tấu “Tiếng gọi non sông” của Ignace Lai và Lưu Bình với Hội trống & Vũ Lạc Việt, Ca đoàn Nhạc Việt, Ca đoàn Cựu học sinh trường Sinh Hoạt Văn Hoá Việt Nam.

* Đặc biệt là Phần trình diễn của phái đoàn văn nghệ Nhật Bản.

Một điểm son rất đáng mừng và rất đáng hoan nghinh là Hội chợ Tết Nhâm Thìn được thể hệ trẻ tham gia đông đảo, tích cực đúng với mong ước của Cộng đồng từ lâu nay “Tre già măng mọc”, được giới trẻ nối tiếp đảm nhận trách nhiệm duy trì phong tục cổ truyền của người Việt Nam.

Các gian hàng chợ Tết năm nay mang nhiều màu sắc vui tươi tiên bộ, hấp dẫn hàng ngàn lượt khách vui Xuân. Một vị cao niên tâm sự, tôi đi chợ Tết để nhớ lại mùa Xuân quê hương mà cũng để tìm lại những hình bóng bạn bè từ thuở xa xưa. Mỗi năm một lần đi chợ Tết tìm lại kỷ niệm ngày tháng cũ mang theo đi vào năm mới cho cuộc đời được ấm áp hơn như mùa Xuân nơi quê nhà.

Trước khi chia tay một ngày vui, Ban tổ chức ngỏ lời cảm tạ tất cả quý vị hiện diện hôm nay và nhất là cảm ơn tất cả thiện nguyện viên, các thân hữu, các hội đoàn và các đoàn thể vùng Montréal, quý vị đã góp phần tích cực cho sự thành công mỹ mãn ngày Hội chợ Tết Nhâm Thìn 2012.

Buổi lễ bế mạc lúc 18 giờ. -/_

**** MINH ĐỨC**

Cộng đồng người Việt Quốc Gia vùng Montréal trân trọng thông báo:

Ông Bộ trưởng Công-Dân-Vụ, Di-Trú, và Đa-Văn-Hóa Jason Kenney đã viết thư công nhận lá cờ Vàng - cờ Di sản và Tự do của cộng đồng người Việt tại Canada vào tháng 4 năm 2008. Mới đây, chúng tôi có xin lá thư năm 2008 và được ông trả lời, đồng thời xác nhận lại niềm vinh dự này trong lá thư gửi Cộng đồng người Việt Quốc Gia vùng Montréal ngày 1 tháng 12 năm 2011.

Chúng tôi hân hoan thông báo đến quý vị lá thư bằng Pháp ngữ của ông cùng với bản Việt ngữ. Chúng tôi chân thành cảm ơn Bộ trưởng Jason Kenney và chính phủ Canada vì sự công nhận này, Bà Barbara Pisani về những sự giúp đỡ của bà và Ông Cần Hùng-Việt đã dịch thuật và công chứng.

Ban Thông tin,
Cộng đồng người Việt Quốc Gia vùng Montréal

Bản Việt ngữ do Ông Cần Hùng-Việt dịch và công chứng:

Văn Phòng Bộ Trưởng
Bộ Công-Dân-Vụ
và Di-Trú

Ottawa, Canada K1A 1L1

OTTAWA

Ngày 1 tháng 12 năm 2011

Ông Thịnh Lê
Giám đốc Điều hành
Cộng đồng người Việt Quốc Gia vùng Montréal
6767 Côte-des-Neiges, phòng 495

Montréal, Québec, H3S 2T6

Thưa Ông,

Với tư cách một dân biểu kiêm Bộ trưởng Bộ Công-Dân-Vụ, Di-Trú và Đa-Văn-Hóa, tôi được vinh dự làm việc và hợp tác với cộng đồng Việt Nam tại Canada và nước ngoài, và tôi công nhận lá cờ vàng với ba sọc đỏ nằm ngang như một biểu tượng của cộng đồng Việt Nam tại Canada. Vào tháng tư năm 2008, tôi đã công bố chính phủ của chúng ta công nhận lá cờ này là một biểu tượng quan trọng của độc lập và sức mạnh của cộng đồng Việt Nam tại Canada, và của niềm tin vào sự đoàn kết quốc gia. Tất cả mưu toan bôi nhọ nó là một điều lăng nhục lớn đối với một trong những cộng đồng sắc tộc tại Canada và những tôn chỉ đa văn hóa.

Cộng đồng Việt Nam tại Canada là một cộng đồng hùng mạnh, độc lập, và đoàn kết. Lá cờ di sản và tự

do của Việt Nam, với ba sọc đỏ nằm ngang, tượng trưng cho những phẩm chất này - những phẩm chất mà tất cả người Canada tự hào công nhận ở những người gốc Việt.

Xin Ông nhận nơi đây tấm lòng trân trọng nhất của tôi.

[Chữ ký]

Bộ trưởng Jason Kenney, Đảng Bảo-thủ

Bộ Công-Dân-Vụ, Di-Trú và Đa-Văn-Hóa

TIN VUI THỂ THAO CỘNG ĐỒNG MONTRÉAL

Cộng đồng người Việt Quốc Gia vùng Montréal xin thông báo và chúc mừng các đấu thủ Câu-lạc-bộ Bóng bàn Việt Nam vùng Montréal (Club Pinpong Vietnamienne de Montréal – CPVM) đã đoạt 2 huy chương vàng và 1 huy chương bạc trong giải Championnat du Québec 2012 tổ chức tại Récréatif de Repentigny ngày 18-3-2012. Thành tích như sau:

1. Giải đơn nam, hạng 40 tuổi trở lên:

a. Huy chương vàng: Nguyễn Ngọc Bảo

b. Huy chương bạc: Đàm Thanh Liêm

2. Giải đơn nữ

a. Huy chương vàng: Lý Lệ Quân

Cộng đồng cầu chúc cho Câu-lạc-bộ ngày một thăng tiến.



Huy chương vàng Nguyễn Ngọc Bảo



Huy chương vàng Lý Lệ Quân

CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT QUỐC GIA VÙNG MONTRÉAL TRÂN TRỌNG THÔNG BÁO:

Cộng đồng NVQG vùng Montréal hân hoan chia vui với Gs. Bùi Tiến Rững về danh dự cao quý do Vị Toàn quyền Canada David Johnston trao tặng năm 2012, và cũng là sự đóng góp hữu ích của công dân gốc Việt vào đất nước Canada. Được biết, Gs. Bùi Tiến Rững là bào huynh của Gs. Bùi Tiến Đài hiện nghiên cứu và giảng dạy Đại học Concordia, Montréal.

Dưới thời VNCH, giáo sư Bùi Tiến Rững là giám đốc Trường Quốc Gia Kỹ Sư Công Nghệ, giám đốc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật (Sài Gòn), và đại diện Việt Nam tại Viễn Á Kinh Ủy Hội (ECAFE, Bangkok). Ra nước ngoài, trong gần 3 thập niên ông là giáo sư khoa học ứng dụng và làm khảo cứu về những phương thức tân tiến chế tác kim loại tại đại học Université du Québec à Chicoutimi (UQAC).

Qua 28 dự án lớn nhỏ, ông hợp tác với nhiều kỹ nghệ lớn tại Úc (Comalco), Pháp (Péchiney), Mỹ (Alcoa), Hung (Hungalu), Đức (AluNorf), Anh (Kittsgreen) và Tiểu Quốc Dubai (Dubal). Qua cơ quan Liên Hiệp Quốc UNIDO, ông tổ chức nhiều lớp đào tạo tại các viện khảo cứu khoa học ở Hung, Áo, Ấn và Dubai. Những dự án nghiên cứu nặng nhất, có ngân sách từ 1 đến 3 triệu Gia kim, với chương trình bao gồm nhiều luận án cao học và tiến sĩ, thường được thực hiện ngay tại Bắc Mỹ với sự hợp tác của các đại công ty, đáng kể nhất là Alcan, Noranda, Hydro-Québec, Alcoa (Pittsburgh), và ZTT (Texas). Được tài trợ từ chánh phủ Liên bang Canada và tỉnh bang Québec, ông điều khiển trong hơn 10 năm một giảng đàn khảo cứu (chaire de recherche) về chế tác kim khí, và sau đó thiết lập và điều khiển trong 13 năm một trung tâm nghiên cứu về kỹ thuật chế tác nhôm, tên là CURAL, tập

hợp 65 chuyên gia của 7 đại học Québec cùng với kỹ nghệ, trong có McGill, École Polytechnique, ETS, Laval, Sherbrooke, UQTR, Alcan và Institut des matériaux (IMI). Ông đã viết 132 bài khảo cứu đăng trong các sách và tập san chuyên môn và trong các phúc trình hội nghị, và hướng dẫn 18 luận án cao học, tiến sĩ, và 16 nghiên cứu sinh hậu tiến sĩ. Ông đã nhận 6 giải khoa học, trong đó có các giải của Canadian Institute of Mines (CIM), The Conference Board of Canada (CB), và The Metallurgical Society (TMS). Ông tham dự ban biên tập của 4 tập san chuyên khoa tại Canada, Mỹ và Pháp. Hiện ông đã nghỉ hưu, nhưng trong chức vị giáo sư danh dự vẫn tiếp tay với đại học trong các chương trình nghiên cứu và hướng dẫn sinh viên.

Ngày 27 tháng 2 vừa qua, trong một buổi lễ long trọng tại Dinh Toàn Quyền ở Ottawa để vinh danh những nhà khảo cứu hàng đầu của Canada, ông được Toàn Quyền David Johnston trao tặng giải Prix d'excellence en recherche, loại giải dành cho những thành quả đặc sắc về nghiên cứu khoa học ứng dụng với sự hợp tác của đại kỹ nghệ, vì thế nó còn mang tên là giải Synergie. Bằng danh dự được kèm theo một ngân phiếu 2 trăm ngàn gia kim, mà ông Rững cho biết sẽ được dùng để đẩy mạnh các hoạt động khảo cứu trong lãnh vực mà ông đã say mê xây đắp trong suốt cuộc đời đại học. Hiện diện trong buổi lễ có các cấp lãnh đạo đại học, và cũng do lời mời của Toàn Quyền Johnston, phía cộng đồng Việt Nam có sự tham dự của TS Lê Duy Cán, Ủy viên Ngoại vụ của Liên Hội Người Việt Canada.

Hình đính kèm:



Gs. Bùi Tiến Rững, Ts. Lê Duy Cẩn



*Gs. Bùi Tiến Rững, & Vị Toàn Quyền
David Johnston*



Những tin tức liên quan:

1. http://www.nserc-crsng.gc.ca/Prizes-Prix/Synergy-Synergie/Current-Actuels_eng.asp
2. http://www.nserc-crsng.gc.ca/Media-Media/NewsRelease-CommuniqueDePresse_eng.asp?

ID=340

SƠ LƯỢC VỀ VIỆC KÝ THỈNH NGUYỆN THƯ TẠI CANADA VÀ NHỮNG CON SỐ LIÊN QUAN

Ts. Lê Minh Thịnh

Ngày 23 tháng 2 năm 2012 vừa qua, Liên Hội Người Việt Canada đã khởi xướng chiến dịch Thỉnh Nguyện Thư (TNT), đề đồng bào Canada cùng với đồng bào Hoa Kỳ gióng lên tiếng nói “nhân quyền cho Việt Nam” đến chính giới hành pháp cũng như lập pháp tại Quốc hội Canada.

Khác với Tòa Bạch Ốc nơi - qua ePetition - nhận gần 150,000 chữ ký trên mạng internet từ cộng đồng người Mỹ gốc Việt, Quốc hội Canada vẫn yêu cầu người tham gia ký tên trên giấy, đồng thời ngôn từ và hình thức TNT phải được xem qua bởi văn phòng TNT của Quốc hội. Được biết, nếu đạt được tối thiểu 25 chữ ký, TNT có thể được một dân biểu liên bang đệ trình trước Quốc hội. Quy định về TNT của Quốc hội Canada khởi đầu từ năm 1910, và lần cuối cùng được cập nhật cách đây 10 năm.

Trái lại, sự tiện dụng của ePetition tại Hoa Kỳ đã lan nhanh sang Canada. Vì thế, nhiều đồng bào tại Canada cũng đề nghị làm ePetition. Thật ra, ePetition đã được áp dụng tại ngay nghị viện tỉnh bang Quebec [1] (Quebec National Assembly), một tỉnh bang pháp thoại có trên 33,000 người Việt định cư. Tại trang mạng này, một TNT đang thu hút trên 29,000 chữ ký liên quan đến việc “Hoàn thiện Luật về đền bù cho nạn nhân của tội phạm” (Bonification de la Loi sur l’indemnisation des victimes d’actes criminels) do dân biểu tỉnh bang Gilles Robert đệ trình.

ePetition cũng đang được đề bạt tại Quốc hội Canada. Dân biểu NDP Stewart Kennedy (đại diện vùng Burnaby-Douglas, British Columbia) người cổ súy ePetition đã phát biểu: “... ý kiến ePetition của của đảng NDP sẽ đem việc ký thỉnh nguyện thư sang thế kỷ thứ 21 [2]”. Mọi diễn tiến về việc đề đạt việc thực hiện ePetition tại Quốc hội Canada được tường thuật tại website của DB Kennedy [3].

Song song với việc kêu gọi đồng bào ký vào TNT trên giấy, khởi đầu Liên Hội Người Việt Canada cũng kêu gọi đồng bào gửi điện thư kèm thêm TNT báo cho dân biểu liên bang nơi mình cư ngụ biết để tăng sự hiểu biết của họ về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam, cũng như ủng hộ khi được đệ trình. Các anh chị trong Ban Thông tin Cộng đồng người Việt Quốc Gia vùng Montreal đã hỗ trợ bằng cách dùng webform để thu nhận tên họ, địa chỉ và mã bưu điện của người tham gia toàn Canada, đồng thời đã dịch TNT sang Pháp ngữ để nhiều người vùng pháp thoại khác cùng tham gia [4]. Từ mã bưu điện, ban TT dò ra tên họ và địa chỉ điện thư của người dân biểu muốn tìm, và chuyển lời kêu gọi ủng hộ TNT với sự đồng ý của người tham gia.

Một mặt, bản TNT trên giấy đã được DB vùng Ottawa Center là ông Paul Dewar nhận đạt trình lên Quốc hội khoảng đầu tháng Tư. Mặt khác, chúng tôi đã nhận được 374 điện thư kêu gọi 93 dân biểu liên bang ủng hộ.

Bảng 1: Thống kê về số điện thư kêu gọi và số dân biểu dùng mã bưu điện

	AB	BC	MB	NB	NS	ON	QC	Tổng cộng
Số thư kêu gọi	43	29	4	1	1	176	120	374
Số dân biểu	10	9	2	1	1	45	25	93

Ghi chú: AB – Alberta; BC – British Columbia; MB – Manitoba; NB – New Brunswick; NS – Nova Scotia; ON – Ontario; QC – Quebec. (Đến ngày 14-3 có 419 thư kêu gọi 93 dân biểu).

Bảng 1 cho thấy sự hiện diện của người Canada gốc Việt trên 93 trong số 308 địa hạt bầu cử tức 30%

số ghế tại Quốc hội. Nếu như toàn thể 93 dân biểu đều đồng cảm với chúng ta, sức mạnh của TNT cũng như sức mạnh của những điện thư kêu gọi của từng cá nhân, từng gia đình sẽ rất đáng kể.

Chúng tôi đã gửi được khoảng 1/4 số điện thư, và cho tới nay, một số dân biểu hưởng ứng tích cực. Vì đây là thời điểm các nhà hành pháp đang gặp dân chúng, các thương gia, cũng như công chức liên quan để hiểu rõ nhu cầu cũng như nguồn tài chánh, để thảo ra và đệ trình ngân sách quốc gia cho tài khóa 2012 – 2013, việc thông báo cho 93 dân biểu biết nguyện vọng cũng như những quan tâm xác đáng của người Canada gốc Việt về tình trạng nhân quyền tị tị tại VN, nhất là những chi tiêu và tài trợ của chính phủ Canada có thể ảnh hưởng đến Việt Nam ở thời điểm này là một hành động cần thiết.

Nếu TNT do Liên Hội khởi xướng với nhiều ngàn chữ ký, cộng với gần 400 điện thư nhấn gửi 93 dân biểu liên bang – trong trường hợp bi quan nhất - không thay đổi chính sách cũng như tài khóa của Canada đối với VN vào năm 2012, thì sự thực tập dân chủ này cũng cho thấy:

1. Sức mạnh chính trị đang hội tụ của cộng đồng Việt Nam tại Canada với gần 180,000 người.
2. Một bản đồ hành chính sơ khởi về những địa hạt chính trị nơi người Canada gốc Việt i) quen với hệ thống tin học; và ii) quan tâm đến hiện tình đất nước đang được hình thành.
3. Sự hiểu biết hơn của 93 dân biểu liên bang về tình trạng nhân quyền tại VN.

Hành động thực tập dân chủ qua TNT chính là ngọn lửa kêu gọi toàn thể đồng bào hải ngoại nói chung, và Canada nói riêng, cùng đoàn kết lại, dùng sức mạnh lá phiếu, quyền công dân và thương trú dân bản xứ để hỗ trợ cho công cuộc dân chủ hóa đất nước nơi quê nhà.

Tài liệu tham khảo:

[1] Signing an e-Petition

<http://www.assnat.qc.ca/en/exprimez-votre-opinion/petition/signer-petition/index.html>

[2] NDP tries to boost citizen engagement with e-petitions

<http://www.cbc.ca/news/politics/story/2012/02/17/pol-ndp-petitions.html?cmp=rss>

[3] <http://kennedystewart.ndp.ca/e-petitions>

[4] <http://vietnam.ca/vi/lien-hoi-nguoi-viet-canada-phat-dong-chien-dich-gui-thinh-nguyen-thu-toi-chinh-phu-canada-fr.html>

Cười Chời

* Quảng-cáo du-lịch

Trên bích-chương, một công-ty du-lịch Việt-nam quảng-cáo: "Đất nước chúng tôi có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp không thể tả, du-khách đã đến bkhông thể dời chân."

Không biết ai đó viết nguệch-ngoạc thêm mấy chữ: "Chẳng hạn như Hoàng-liên-son, nơi mà những người cải-tạo miền Nam được chỉ-định cư-trú một tháng, vậy mà có người đã ở lại mười năm và nhiều người khác vĩnh-viễn không về nữa."

* Tam tứ núi anh cũng trèo

"Em yêu,

Anh gửi thư này để xác-định một điều là anh yêu em tha-thiết. Trên đời này không có trở ngại nào ngăn được đôi ta. Để gặp em, dù tam tứ núi anh cũng trèo, thất bát sông anh cũng lội, tam thập lục đèo anh cũng qua. Cho dù phải lên rừng đánh nhau với cọp beo, lội xuống sông đọ sức với kinh ngạc, anh không hề lui bước. Dù có phải băng vào sa-mạc cát nóng hay dấn thân trên băng tuyết lạnh-lùng, anh không hề nhả mặt. Cho dù bão bùng, cho gió đông trốt xoáy, lửa đỏ, anh không bao giờ ngần ngại để đến với em.

Tái bút: Mi em ngàn lần. Nếu mai trời không mưa, anh sẽ đến thăm. Yêu."

BUỔI GẶP GỠ VỚI ÔNG PAUL DEWAR, DÂN BIỂU LIÊN BANG ĐẢNG TÂN DÂN CHỦ

Như Lan

Với sự hỗ trợ của Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Vùng Montreal (CĐNVQGVM) và Tiến sĩ Lê Duy Cán (Ủy viên Ngoại vụ Liên Hội Người Việt Canada), buổi gặp gỡ giữa ông Paul Dewar, Đương kim Dân biểu Liên bang Đảng Tân Dân Chủ (NDP) và đồng hương Việt Nam được diễn ra tại hai địa điểm vào ngày thứ năm 9 tháng 2, lúc 4 giờ 30 chiều tại Tổ Đình Từ Quang và 6 giờ tối tại Trung tâm Hốc Môn (Montreal) với sự hiện diện của Chủ tịch CĐNVQGVM Bác sĩ Đào Bá Ngọc, ông Vũ Văn Thái (Phó Chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam trên thế giới), Tiến sĩ Lê Duy Cán và một số thân hào nhân sĩ tại Montreal... Mục đích của buổi gặp mặt là để thông tin về việc ông Paul Dewar ứng cử vào vị trí lãnh đạo đảng Tân Dân Chủ trong cuộc bầu cử của đảng này vào ngày 24 tháng 3 sắp tới. Ông Dewar đặt hy vọng vào sự ủng hộ tích cực của cộng đồng Việt Nam. Bằng cách làm đơn gia nhập vào đảng Tân Dân Chủ, người Việt ủng hộ ông sẽ có thể bỏ phiếu bầu cho ông trở thành người thay thế ông Jack Layton. Nhờ đó, ông sẽ có cơ hội tiếp tục công việc tốt lành của mẹ ông là giúp đỡ Cộng đồng Người Việt tị nạn tại Canada.

Được biết ông Paul Dewar là con trai của bà Marion Dewar, Cố Đô Trưởng thành phố Ottawa, vị ân nhân của Cộng đồng người Việt tại Canada. Vào cuối thập niên 70, trước cảnh thương tâm của hàng trăm ngàn người Việt bỏ nước ra đi tìm tự do trên những chiếc tàu nhỏ bé, bị đói khát và cướp bóc trên biển cả để rồi bị nhiều quốc gia từ chối không cho tị nạn, bà Marion Dewar đã cùng một số tổ chức tôn giáo, các cơ quan dịch vụ và các cộng đồng sắc tộc khác đã vận động và khởi xướng "Chương trình 4000". Chương trình này, phát động năm 1979, nhằm đón nhận 4000 người tị nạn Đông Dương, phần lớn là thuyền nhân Việt Nam, đến định cư tại thành phố Ottawa. Từ đó chương trình đón nhận người Việt tị nạn lần lượt ra đời tại các thành phố khác. Chính phủ Canada đã gia tăng tiếp nhận người tị nạn Đông

Dương từ 8 ngàn lên đến 50 ngàn người, trong đó đa số là người Việt Nam. Kết quả có hơn 100 ngàn người Việt được định cư tại Canada trong những năm kế tiếp.

Ông Paul Dewar thừa hưởng những đức tính quý báu từ thân mẫu: thành thật, nhân từ và giữ chữ tín. Ông có cảm tình đặc biệt với người Việt Nam và luôn ủng hộ những đấu tranh cho nhân quyền và tự do dân chủ tại Việt Nam. Trong mấy năm qua, ông đã nhiều lần viết thư kêu gọi chính phủ Canada hỗ trợ và bênh vực những người vô cớ bị bắt giữ tại Việt Nam như Linh mục Nguyễn Văn Lý, Luật sư Lê Công Định và ông Nguyễn Tiến Trung. Điều này cho thấy ông sẽ là một nhà lãnh đạo rộng lượng và là nguồn hỗ trợ tinh thần mạnh mẽ cho người Việt Nam trong tương lai.

Buổi gặp gỡ tại Chùa Từ Quang và Trung tâm Hốc Môn là cơ hội hâm nóng lại tình thân hữu giữa ông Dewar và cộng đồng Việt. Ông Lê Minh Thịnh, một người tham dự buổi gặp mặt, cho biết cảm nghĩ: "Ông Paul Dewar là người có lòng nhiệt tình với Cộng đồng Việt Nam. Hôm nay tôi có dịp tham khảo những hình ảnh và tin tức cho thấy tấm lòng bác ái của bà Marion đối với người Việt Nam. Bà không còn nữa nhưng những đức tính cao quý đó đã truyền sang ông."

Tuy quyền tham gia vào các đảng phái chính trị và quyền bầu cử là sự tự do chọn lựa của mỗi người công dân nhưng mong rằng qua cuộc họp mặt thân mật này, đồng hương được biết thêm nhiều điều hữu ích và có thể mạnh dạn chọn lựa người lãnh đạo tương lai cho đảng Tân dân chủ.

Để có thể bỏ phiếu ủng hộ ông Paul Dewar, cần phải gia nhập vào đảng Tân Dân Chủ.

Xin ghi danh trên website này:

https://secure.ndp.ca/membership_f.php

hoặc tiếng Anh tại:

https://secure.ndp.ca/membership_e.php

Xem Hình ảnh trang sau



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5

Hình 1: Buổi họp mặt tại chùa Từ Quang

Hình 2: Hình lưu niệm tại chùa Từ Quang

Hình 3: Hình lưu niệm tại Trung Tâm
Hóc Môn

Hình 4: Ông Paul Dewar và BS Đào Bá Ngọc

Hình 5: GS Nguyễn Văn Phú, ông Vũ Văn
Thái, ông Paul Dewar và TS Lê Duy Cẩn

CÁCH MẠNG HOA LÀI

** NGUYỄN BÁ HOA



Những người biểu tình đang hò hét ở quảng trường Tahrir, thủ đô Cairo – Ai Cập

Mùa Xuân 2011, một làn gió cách mạng đã xô ngã một vài chế độ độc tài, toàn trị trong thế giới Ả Rập và ở châu Phi, giới báo chí thường hay thi vị hoá, hình tượng hoá các cuộc cách mạng, nên gọi cuộc cách mạng này là cách mạng Hoa Lài.

Khởi đầu biến chuyển này tại Tunisia, Bắc châu Phi, khi một thanh niên có học tên là Mohamed Bouazizi, 26 tuổi, vì tình trạng tham nhũng, bất công xã hội, sau khi tốt nghiệp Đại học không tìm được việc làm nên phải đi bán rau, trái cây để kiếm sống từng ngày nhưng rồi bị cảnh sát đuổi tát tai, chửi mắng, tịch thu xe bán rau, trái cây dạo của anh là phương tiện để nuôi gia đình vì không có giấy phép và nhất là không có tiền để hồi lộ. Trước cảnh bất công chồng chất trong xã hội, chàng thanh niên người Tunisia bị uất hận khôn khổ mượn ngọn lửa kết liễu đời mình trước trụ sở thành phố Sidi Bouzid (cách Thủ đô Tunis 265 km) vào ngày 17 tháng 12 năm 2010 để phản đối những bất công của nhà cầm quyền. Khi ngọn lửa đang bốc cháy, Mohamed Bouazizi hô to:

*“Chăm dirt nghèo đói,
chăm dirt thất nghiệp !”*

Anh chết vào ngày 4 tháng 01-2011.

Ngọn lửa hiến thân của Mohamed Bouazizi bùng sáng mạnh như tiếng sét xé tan sự im lặng sợ hãi vì bạo lực bao trùm 23 năm dài dưới chế độ độc tài bất công tàn ác, công an trị. Đến ngày 22 tháng 12 năm 2010 đã có gần cả triệu người, đa số là thanh niên, sinh viên, học sinh đã xuống đường khởi đi từ thành phố Sidi Bouzid nhanh chóng lan rộng đến khắp thành phố khác. Đặc biệt giới thanh niên, sinh viên đã tự động chuyển khẩu hiệu: “Chúng tôi hết sợ rồi” lên mạng lưới Twitter và Facebook tạo thành như vết dầu loang tỏa rộng trên toàn quốc.

Để ngăn chặn làn sóng chống đối của người dân, không cho những tổ chức chống đối liên kết thành thể đối trọng với nhà cầm quyền trong tình thế rối loạn trên cả nước, nhà độc tài Ben Ali đã ra lệnh thiết quân luật, đưa quân đội vào trấn giữ các nơi trọng yếu, mặt khác hứa hẹn nhiều điều để xoa dịu sự phẫn nộ của công chúng.

Nhưng đến ngày 15-01-2011, thay vì Ben Ali xuất hiện trên đài truyền hình, thì Thủ tướng Mohamed Ghannouchi đã lên tuyên bố rằng ông sẽ là người lãnh đạo đất nước Tunisia kể từ giờ phút này. Ghannouchi là cựu tổng trưởng tài chánh được cử giữ chức Thủ Tướng từ năm 1999. Trong lúc Thủ tướng Ghannouchi tuyên bố quyền lãnh đạo chánh phủ lâm thời của Tunisia, thì phi cơ chở nhà

độc tài Ben Ali và gia đình tẩu thoát đã đáp xuống Jed dah, thuộc Ả Rập Saudi.

Cuộc diện chánh trị như cuộc hí trường. Những sự việc vừa xảy ra chỉ nhắc lại một lần nữa một đặc tính chung của mọi chế độ độc tài bạo ngược, đó là cho tới ngay trước khi sắp sụp đổ chúng vẫn tỏ ra rất vững vàng, nhưng chúng là một chế độ bất bình thường, trái với lòng dân thì chúng sẽ bị bức tử một cách rất đột ngột.

Mohamed Bouazizi làm ngọn đuốc dẫn đường cho hàng triệu người công dân Tunisia vùng lên đập tan chế độ tàn ác của T.T. Zine El Abidine Ben Ali.

Mohamed Bouazizi trở thành Thánh Từ Đạo trong tâm trí mọi người, tiêu biểu cho Cuộc Cách mạng Hoa Lài ở Tunisia.

Cuộc cách mạng Hoa Lài tại Tunisia, thêm một lần nữa, đã cho chúng ta tin tưởng rằng mọi chế độ độc tài đang trị đi ngược lại nguyện vọng của nhân dân trước sau gì cũng bị sụp đổ, bởi những cuộc đột biến xảy ra từ sự căm phẫn tột cùng của toàn dân.

Từ một vùng đất xa xôi Bắc Phi, người dân xứ Tunisia bất bình vì chế độ độc tài tàn ác, tham nhũng đã quyết định vùng lên làm cho ngọn lửa Mohamed Bouazizi thành những ngọn đuốc lịch sử chiếu rọi, chẳng những bùng sáng trên đất nước Tunisia mà còn lan tràn khắp các nước Trung đông. Toàn dân quyết dùng ngọn lửa Bouazizi để xóa đi chế độ độc tài tham nhũng dã man, để chấm dứt nghèo đói, chấm dứt thất nghiệp. Người dân Tunisia đã làm rạng danh sự hy sinh của Bouazizi chống chế độ tham nhũng dã man, ngọn lửa lịch sử Bouazizi như một thông điệp gửi đến thế giới: *Chết có ý nghĩa hơn là sống nô lệ*. Người dân Tunisia tiếp bước của Bouazizi và họ bắt đầu được sống một cuộc đời có ý nghĩa. Những bài học của Tunisia, Ai Cập đủ để chúng ta thấy sự kỳ diệu lịch sử của sức mạnh nhân dân đồng tâm đứng lên lật đổ chế độ độc tài tàn bạo, để xây nền tự do dân chủ.

Từ đầu năm 2011 đến nay, làn sóng biểu tình của người dân đứng lên đòi Nhân quyền, Dân chủ đã dồn dập nổ lên tại các nước như Tunisia, Algérie, Yemen, Syria, Ai Cập... Tại Á châu, làn sóng dân chủ hoá, tuy phát triển chậm nhưng cũng đạt được kết quả tiến bộ tốt, đặc biệt là nước Miến Điện. Từ cuối năm 2010 đến nay, đất nước Miến

Điện đã có tổ chức tổng tuyển cử, mặc dù các nước phương Tây đánh giá rất thấp công tác này; lãnh đạo đối lập, khôi nguyên giải Nobel Hoà Bình bà Aung Sann Suu Kyi được trả tự do, tập đoàn quân sự cầm quyền tự giải tán, một chánh phủ “dân sự” được thành lập mặc dầu Tổng Thống Thein Sein và các thành viên quan trọng trong chánh phủ này là những cựu tướng lãnh. Chánh quyền dân sự có một số cải cách mới, bãi bỏ một số chánh sách kiểm duyệt báo chí, ban hành luật biểu tình, luật đình công, công nhận quyền lập công đoàn. Tổng Thống quyết định đình chỉ dự án xây dựng đập thủy điện Myitsone trên sông Irawaddy, một con đập thủy điện lớn do Trung quốc tài trợ... Tuy nhiên Miến Điện vẫn còn chịu ảnh hưởng nặng nề của Trung quốc.

Theo giới phân tích, nhà cầm quyền Trung Quốc cũng lo ngại ảnh hưởng cuộc cách mạng Hoa Lài trong thế giới Ả Rập lan sang Trung Quốc, đặc biệt từ đầu năm 2011 qua internet nhà cầm quyền Bắc Kinh đã mở chiến dịch bắt giữ giam cầm các nhà chánh trị ly khai. Từ đó đến nay các nhà ly khai Trung quốc đã bị bịt miệng.

Thấy người rồi nghĩ đến đất nước ta, chúng ta tin tưởng rằng mọi chế độ độc tài, tham nhũng, tàn bạo đi ngược nguyện vọng của người dân, sớm muộn gì cũng bị sụp đổ do lòng dân phản nộ, tức nước vỡ bờ. Trong thời gian qua những nhà dân chủ tranh đấu tại Việt Nam đã tạo những chuyển động lớn trong toàn dân. Vấn đề là chúng ta, những người Việt Nam có quyết tâm tạo được lịch sử nhanh chóng như Tunisia và các nước ở Bắc Phi hay không, quyết định đó nằm trong ý chí, phát từ nhịp đập của mạch máu yêu nước chân chính của mỗi người chúng ta quốc nội cũng như hải ngoại, vì tự do có cái giá phải trả của nó, không phải van xin mà được (Freedom is not free).

Nhìn xa rồi lại nhìn gần, chúng tôi nhớ đến thời gian vào tháng 2 năm 1998, Hội Ái hữu trường Petrus Ký vùng Montréal do ông Trương Thái Tôn làm Hội trưởng và Hội Ái hữu cựu nữ sinh Gia Long, Montréal do Bà Lê thị Hương làm Hội trưởng, hai hội đã hợp tác với nhau xuất bản **Đặc San Xuân Mậu Dần 1998**. Tập báo Xuân đơn sơ, kỹ thuật ấn loát chưa cao nhưng đó là biểu tượng sự đoàn kết thân thiết giữa hai Hội của hai trường Trung học. Một điểm son đáng hoan nghinh nữa là

Gia Long áo Tím và Gia Long áo Trắng đã đoàn kết gắn bó trong tinh thần tương thân, tương trợ.

Nội dung tờ báo, ngoài những bài của quý vị giáo sư khả kính, còn những bài khác phần nhiều ghi lại những kỷ niệm “*nhớ đâu hơn trường xưa*”, hoặc là “*Học sinh là người Tổ quốc mong cho mai sao*”. Chúng tôi xin nói đến các cuộc biểu tình của sinh viên, học sinh trong thời kỳ chống thực dân Pháp, thập niên 1950 (chi tiết đã ghi trong bài “Nhớ Trường xưa” - Hồ Hoa Nguyên)

*** Biến cố Trần văn Ôn,**

Thông thường quen gọi là “**vụ trò ÔN**”

Cuối năm 1949 đầu năm 1950, tình hình chánh trị tại Sài Gòn rất gay go, việc bắt bớ, biểu tình, bãi khóa thường xảy ra khiến việc học hành ở các trường không được diễn tiến suông sẻ bình thường. Trước đó học sinh vài trường đã bãi khóa phản đối chánh phủ, một số học sinh bị bắt trong đó có các nữ sinh trường trung học Gia Long. Liên tiếp sau đó, nhiều đoàn học sinh trung học, tăng cường bởi một số sinh viên tập hợp biểu tình đông đảo trước dinh Gia Long (đường Gia Long) là trụ sở của chánh phủ. Họ trưng biểu ngữ yêu cầu chánh phủ thả hết sinh viên, học sinh bị bắt từ trước và bảo đảm an ninh học đường. Cũng nên biết có một lần vào tháng 11 năm 1949, khoảng 2 hay 3 giờ chiều, có 6 người lạ mặt xông vào trường Petrus Ký, hai người đi thẳng vào lớp Troisième année B trong giờ Pháp văn của giáo sư Nguyễn văn Hai, mấy người còn lại đứng canh chừng bên ngoài. Hai người vào lớp kêu tên hai học sinh trong lớp này. Họ bắt một trong hai học sinh đó lên đứng cạnh vách tường gần bàn giáo sư, họ đọc to bản án tử hình cho mọi người nghe. Sau khi đọc xong bản án, một trong hai tên này dùng súng lục bắn chết người học sinh trước sự kinh hoàng của giáo sư Hai và tất cả học sinh lớp Troisième année B. Người học sinh bị bắn tên là Minh (theo sách Trường trung học Petrus Ký và NGDPTVN của G.S Nguyễn Thanh Liêm).

Sự xáo trộn chánh trị :

* Thiếu tướng Nguyễn văn Xuân thành lập nội các ngày 02-06-1948. Đến ngày 06-01-1950, thiếu tướng Nguyễn văn Xuân xin từ chức, Tổng trưởng ngoại giao Nguyễn Phan Long được ủy

nhiệm thành lập Chánh phủ.

Đến ngày 17-01-1950 nội các được thành lập xong và ngày 22-01-1950 mới lên Đà Lạt trình diện Quốc Trưởng Bảo Đại.

Thủ hiến Nam Việt Trần văn Hữu thời kỳ này không có một chút thực quyền. Các vụ bắt bớ, đàn áp biểu tình đều do Cảnh sát Đặc biệt Miền Đông (Police Spéciale de l' Est- PSE. của Pháp) thực hiện. Thời bấy giờ người dân nghe tới PSE là sợ xanh mặt. Thực dân Pháp kéo dài thời gian, mãi đến 10-3-1950 mới chịu bàn giao Sở Cảnh sát, còn ngành tình báo vẫn thuộc cơ quan An Ninh Pháp. Mấy tháng sau, ông Nguyễn Phan Long từ chức, Quốc Trưởng Bảo Đại cử ông Trần văn Hữu thay thế thành lập nội các chánh phủ ngày 06-05-1950. Những cuộc biểu tình chống đối, đấu tranh thường xuyên xảy ra.

Trở lại biến cố Trần văn Ôn, sáng ngày 09-01-1950 một đoàn học sinh tập hợp trước Bộ Giáo Dục yêu cầu trả tự do cho tất cả sinh viên, học sinh đã bị bắt, Bộ trưởng Bộ Giáo Dục tuyên bố không có thẩm quyền giải quyết, đó là thuộc thẩm quyền của Thủ Thủ Tướng. Đoàn học sinh biến thành đoàn biểu tình tiến đến dinh Thủ Tướng ở đường Gia Long, yêu cầu Thủ tướng tiếp phái đoàn đại diện sinh viên học sinh. Trước yêu sách của đoàn biểu tình, Chánh phủ không có lời giải thích chi cả. Sau đó, một số học sinh đã leo qua rào vào được bên trong. Trước khí thế hùng hậu mãnh liệt của đoàn biểu tình, Thủ tướng phải ra hành lang tiếp phái đoàn. Trong khi đó số người từ các nơi kéo đến ủng hộ cho đoàn biểu tình càng lúc càng đông chật các nẻo đường. Lực lượng cảnh sát lập tức căng ra khắp nơi chặn đường các đoàn người hỗ trợ. Tình hình càng lúc càng căng thẳng, đoàn học sinh biểu tình và người hỗ trợ chiếm cả lòng đường viết khẩu hiệu, căng biểu ngữ giữa hai hàng me bên đường. Đồng bào ủng hộ đoàn biểu tình, tiếp tế bánh mì, nước uống ... Đến khoảng 2 giờ chiều một lực lượng cảnh sát rất đông dùng dùi cui, súng đàn áp, dùng xe chữa lửa (xe vòi rồng) xịt nước vào đoàn biểu tình làm cho một số người bị thương nặng. Có một tài liệu khác cho biết đến khoảng 1 giờ trưa, tên cò Bazin, trưởng ty Đặc cảnh Miền Đông, ở bót Catina, đầu đường Tự Do, trước Nhà thờ Đức Bà, dẫn lính của hắn đến tăng cường lực lượng cảnh sát mở cuộc tấn công tàn bạo gây

nhiều thương tích cho học sinh, đoàn người biểu tình chạy tán loạn, vô số guốc dép, xe đạp nằm ngổn ngang, nhiều người bị thương bê bê máu. Trong số những người bị thương nặng có Trần văn Ôn, học sinh ban Tú Tài trường Petrus Ký bị trúng một viên đạn chết tại chỗ .

Trong cơn hỗn loạn, học sinh giành được xác Trần văn Ôn, đem về trường Petrus Ký tân liệm và cử hành đám tang. Thành lập một uỷ ban lo việc lễ tang gồm đại diện các trường Trung học công lập và tư thục. Chủ tịch Uỷ ban là anh Nguyễn Minh Mẫn, học sinh Ban Tú Tài . Anh Mẫn rất hoạt bát, xông xáo, dễ tạo được thiện cảm với mọi người. Bên trên Uỷ ban có một Ban Cố vấn, đứng đầu là một Luật sư ...

Biến cố xảy ra vào thời gian giáo sư Lê văn Kiêm làm Hiệu trưởng trường TH Petrus Ký, là nhà mô phạm hiền hoà, lớn tuổi, ít nói nên Giáo sư chỉ giữ thái độ im lặng chấp nhận. Giám đốc Nha Học Chánh Nguyễn Thành Giung cũng đành im lặng.

Toà Đô chánh Sài Gòn cấp giấy phép đặc biệt cử hành tang lễ suốt 4 ngày 10,11,12 và 13 - 01-1950, đến ngày 14-01-1950 thì làm lễ an táng, cấp giấy phép mai táng ở nghĩa trang Chợ Lớn (trước sân Vận động Thống nhất, bây giờ xây dựng chung cư Nguyễn văn Thoại). Đám tang Trần văn Ôn được tổ chức long trọng chưa từng có. Suốt 4 ngày tang lễ từ sáng sớm đến chiều tối, nhiều người tập nập trên đường Cộng Hoà (tên cũ là đường Nancy) để đến trường Petrus Ký phúng điệu. Họ đi riêng từng người hay đi chung với đoàn thể, di chuyển bằng mọi phương tiện . Hàng vạn đồng bào các giới... đã bãi công, bãi thị ... Họ đến từ các vùng gần như An Phú Đông, Bà Điểm, Hóc Môn, Bình chánh , Củ chi ... các vùng xa như Bến Súc (Bình Dương), phái đoàn học sinh các nơi như Mỹ Tho, Cần Thơ ...

Trong phạm vi nhỏ như Sài Gòn - Chợ Lớn, người đi phúng điệu có thể tự động đến. Nhưng trong một địa bàn rộng lớn, người đến phúng điệu quá đông đòi hỏi sự huy động sắp xếp có trật tự nhịp nhàng và qui định ngày giờ đến và đi của các phái đoàn.

Tất cả những người đi phúng điệu Trần văn Ôn gồm mọi tầng lớp xã hội, già trẻ: học sinh các trường tiểu học do Thầy cô giáo hướng dẫn, học

sinh các trường trung học công hay tư, tự ý nghỉ học để đến dự tang lễ, giới bình dân ở nhà quê, phu xe, khuân vác, giới tiểu thương, giới công nhân thợ thuyền được nghỉ có lương... Đặc biệt, giới thương lưu, trí thức như nhà Bác-vật Lưu văn Lang, bác sĩ Trần văn Đỗ, bác sĩ Trần Kim Hữu v.v. mà người dân Sài Gòn đều biết tiếng, có nhiều giáo sư, bác sĩ, dược sĩ và luật sư cũng đến dự tang lễ Trần văn Ôn. Các tràng hoa cườm treo ở các tiệm đều bán hết sạch, các hàng hoa tươi cũng không đủ hoa để kết tràng.

Sáng thứ bảy 14-1-1950 cử hành lễ an táng, Khu đại lộ Cộng Hoà đến đường Trần Bình Trọng là cả rừng người và biểu ngữ.

Biểu ngữ mang những câu :

“ Sống trong cái chết ”

“ Anh hùng tử, chí hùng nào tử ”

“ Một trò Ôn ngã xuống, một ngàn trò Ôn khác đứng lên ”

v.v. . .

Tất cả các tầng lớp xã hội đều có mặt. Đoàn người đưa đám tang đi bộ dài hơn 5 cây số từ trường Petrus Ký đến nghĩa trang Chợ Lớn. Đặc biệt trong đám tang này, sinh viên, học sinh tự đảm nhiệm trật tự mà không một việc gì đáng tiếc xảy ra. Trước khi hạ huyệt, nhiều bài điệu văn nầy lựa chọn về đấu tranh được đọc lên.

Sau cái chết của Trần văn Ôn, giới trí thức Sài Gòn đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo, trường Collège Le Myre de Vilers ở Mỹ Tho bãi khoá dài dài đến cuối năm học 1949-1950. Theo tin tức, ở Hà Nội , một số trường Trung học học sinh nghỉ học và đánh điện tín để chia buồn.

Tự trung, tang lễ của Trần văn Ôn thành công mỹ mãn và chứng tỏ **dân tộc Việt Nam rất đoàn kết trước biến cố.**

Ngày nay, thời đại khoa học tiên bộ, kỹ thuật cao, rồi đây giới trẻ Việt Nam sử dụng, khai thác những lợi điểm của điện thoại di động. E mail, Internet, Facebook, Twiter ... để liên lạc, huy động tổ chức vào thời điểm thích hợp đông đảo quần chúng, các tầng lớp nhân dân đứng lên để đòi hỏi dân chủ hoá đất nước Việt Nam, như cuộc Cách mạng Hoa Lài ở những quốc gia Bắc Phi.-/-

**** NGUYỄN BÁ HOA**

CUỘC CHIẾN BỐN MƯƠI NĂM TRƯỚC MÙA HÈ ĐỎ LỬA (1972)

Trần Gia Phụng

Mùa hè đỏ lửa là tên một quyển bút ký chiến tranh của nhà văn Phan Nhật Nam, ghi lại những trận đánh khốc liệt vào mùa hè năm 1972. Hôm nay, bốn chục năm sau, xin sơ lược trở lại những trận đánh ghi dấu một thời oanh liệt của quân đội Việt Nam Cộng Hòa (VNCH).

1. NGUYỄN NHÂN

Tháng 5-1971, bộ Chính trị đảng LĐ Bắc Việt Nam đưa ra “quyết định thể tiến công chiến lược trên chiến trường miền Nam, đánh bại chính sách Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ, giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trong thế thua.” (Bộ Quốc Phòng CHXHCNVN, Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam (1944-1975), Hà Nội: Nxb. Quân Đội Nhân Dân, 2005, tr. 644.) Ngoài lý do đã được tiết lộ trên đây, nguyên nhân việc CSVN mở cuộc tấn công năm 1972 có thể phỏng đoán là: Thứ nhất, sau cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân thất bại, CSVN phải ra nghị quyết 9 cho quân đội CS ở trong Nam nghỉ dưỡng và tránh đụng độ với quân đội VNCH. (Nguyễn Kỳ Phong, “Hành quân Lam Sơn 719: Nguồn gốc và khuyết điểm”, điện báo Talawas ngày 12-6-2008.) Trong khi đó quân đội VNCH mở những cuộc hành quân lớn đánh qua Cao Miên (4-1970 đến 2-1971) và Hạ Lào (1971), nắm thế chủ động trên chiến trường.

Sau khi đưa thêm nhiều sư đoàn để bổ sung lực lượng ở trong Nam, CSVN quyết định tái phát động hành quân, nhằm giành lại thế chủ động trên chiến trường. Tháng 12-1971, Nicolai Podgorny, chủ tịch nhà nước Liên Xô, đến Hà Nội và hứa hẹn gia tăng viện trợ không hoàn lại các loại vũ khí hạng nặng. Đầu năm 1972, Liên Xô gởi qua các chiến xa T-54, T-55, PT-76, đại bác 130 ly, 150 ly, đại bác phòng không 57 ly, hỏa tiễn chống chiến xa AT-3 Sagger, hỏa tiễn địa không SA-7 Strela. (Nguyễn Đức Phương, Chiến tranh Việt Nam toàn tập, từ trận đầu (Áp Bắc - 1963) đến trận cuối (Sài

Gòn - 1975), Toronto: Nxb. Làng Văn, 2001, tr. 550.)

Thứ hai, về phương diện quân sự, CSVN thất bại trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân, nhưng về phương diện chính trị, CSVN đã gây chấn động lớn đến dân chúng và chính trường Hoa Kỳ trong năm bầu cử tổng thống 1968. Tổng thống Lyndon Johnson phải bỏ cuộc, không ứng cử tổng thống lần thứ hai. Richard Nixon, ứng cử viên đảng đối lập đánh bại ứng cử viên đảng đương quyền, lên làm tổng thống. Ngày 24-6-1970, thượng viện Mỹ bãi bỏ “Nghị quyết vịnh Bắc Việt”, giới hạn quyền của tổng thống gởi quân ra nước ngoài. (John S. Bowman, The Vietnam War, Day by Day, New York: Mallard Press, 1989, tr.166.) Đây là thời cơ thuận tiện để CS mở cuộc tấn công, nhất là sau cuộc họp giữa Kissinger và Chu Ân Lai vào tháng 7-1971, CSVN được biết thêm tin chắc chắn người Mỹ sẽ rút quân, bỏ rơi VNCH.

Năm 1972 cũng là năm bầu cử tổng thống ở Hoa Kỳ. Vấn đề Việt Nam rất nhạy cảm với cử tri Mỹ. Có thể vì vậy, CSVN tung đại quân tấn công VNCH nhằm tạo ra một chấn động mới, thúc đẩy dân chúng Hoa Kỳ đòi hỏi chính phủ Hoa Kỳ chẳng những nhanh chóng rút quân mà chấm dứt hẳn sự can thiệp vào Việt Nam.

Thứ ba, CSVN mở các chiến dịch 1972 nhằm tăng cường uy thế của phía CSVN trong hòa hội đang tiếp diễn tại Paris. Trong hòa hội Paris, CS đòi giữ nguyên trạng sau khi ngưng bắn. Vì vậy, CS mở cuộc tấn công nhằm lấn đất giành dân. Cũng trong dự thảo hiệp định Paris, CSVN đòi hỏi quân đội và vũ khí nước ngoài không được nhập vào VNCH sau khi hiệp định được ký kết. Vì vậy CSVN tìm cách hủy diệt các đơn vị cũng như quân nhu quân dụng quân đội VNCH, để VNCH yếu hẳn sau khi ngưng bắn. Trái lại, toàn khối CS bí mật tiếp tục viện trợ cho Bắc Việt qua đường bộ ở biên giới giữa Việt Nam với Trung Quốc, mà không ai có thể kiểm soát được.

2.- DIỄN TIẾN CHIẾN CUỘC

Theo quyết định của bộ Chính trị đảng LĐ, quân đội CSVN mở chiến dịch đại quy mô, tấn công ở cả bốn quân khu VNCH: Quảng Trị và Thừa Thiên ở Quân khu I (từ 30-3-1972); Kontum ở Quân khu II (từ 30-3-1972); Bình Long ở Quân khu III (1-4-1972); Định Tường, Kiến Tường ở Quân khu IV (10-6-1972). Cộng sản đặt tên cho các cuộc hành quân trên đây lần lượt là: chiến dịch Trị Thiên, chiến dịch Bắc Tây nguyên, chiến dịch Nguyễn Huệ, và chiến dịch Đồng bằng sông Cửu Long. Phía VNCH, gọi chung cuộc chiến năm 1972 là “mùa hè đỏ lửa”, phát xuất từ tên quyền ký sự chiến trường là Mùa hè đỏ lửa, của nhà văn Phan Nhật Nam. Về phía Hoa Kỳ, thì cuộc chiến năm 1972 được gọi là Easter Offensive.

*** Mặt trận Quảng Trị ở Quân khu I (từ 30-3-1972):** CSVN gọi đây là chiến dịch Trị Thiên. Lực lượng CS gồm ba sư đoàn Bộ binh (304, 308, 324), hai trung đoàn độc lập (27 và 48), bốn tiểu đoàn BB Quân khu Trị Thiên, Đoàn đặc công 126 và 10 tiểu đoàn đặc công, hai trung đoàn xe tăng (202, 203), bảy trung đoàn pháo binh, ba sư đoàn pháo phòng không (365, 367 và 377), bốn tiểu đoàn tên lửa, phòng không và lực lượng vũ trang địa phương. (Trung Tâm Tự Điển Bách Khoa Quân Sự, Tự điển bách khoa quân sự Việt Nam, Hà Nội: Nxb. Quân Đội Nhân Dân, 2004, tr. 202.)

Đối đầu với lực lượng hùng hậu này, về phía VNCH có hai sư đoàn Bộ binh là Sư đoàn 1 đóng ở Huế và Sư đoàn 3 (thành lập tháng 10-1971) đóng ở Quảng Trị, hai lữ đoàn TQLC (147, 258), ba thiết đoàn (20, 11, 17), một số tiểu đoàn Địa phương quân, một số đơn vị Pháo binh, và về sau tăng cường thêm hai lữ đoàn Dù (1 và 2). Chiến cuộc tại vùng Quảng Trị có thể chia thành ba giai đoạn: Thứ nhất: Mở đầu, ngày 30-3-1972, CSVN xua quân vượt vĩ tuyến 17, xâm phạm vùng phi quân sự, tấn công các căn cứ tiền đồn dọc đường số 9, chiếm căn cứ Carroll ngày 2-4-1972. Trung tá Phạm Văn Đính, trung đoàn trưởng Trung đoàn 56 BB, thuộc Sư đoàn 3 BB, đầu hàng địch tại căn cứ này.

Cũng ngày 2-4-1972, tổng thống Nixon ra lệnh cho Hạm đội 7 oanh kích những nơi quân đội Bắc Việt tập trung tại vùng phi quân sự, vừa bằng phi cơ vừa bằng chiến thuyền đậu dọc duyên hải Quảng

Trị. Ngày 6-4-1972, hai oanh tạc cơ Mỹ bị hỏa tiễn SAM-2 bắn rơi. SAM-2 là vũ khí Liên Xô mới trang bị cho Bắc Việt. Khi đến Đông Hà, CSVN bị chặn đánh dữ dội. Trước tình hình căng thẳng, bộ Tổng tham mưu VNCH tăng phái thêm ba liên đoàn BĐQ 4, 5, 6 cho Quân đoàn I.

Thứ hai: Ngày 26-4, CSVN tiếp tục tấn công, chiếm Đông Hà ngày 28-4, áp lực nặng nề Quảng Trị. Ngày 30-4, chuẩn tướng Vũ Văn Giai, tư lệnh Sư đoàn 3 BB, họp cùng các sĩ quan chỉ huy, quyết định chuyển quân khỏi Quảng Trị, nhưng trung tướng Hoàng Xuân Lãm, tư lệnh Quân đoàn I ra lệnh tử thủ Quảng Trị. Lệnh tử thủ đến sau khi các đơn vị thuộc Sư đoàn 3 đã chuyển quân. Trong khi đó, CSVN đưa một cánh quân khác tiến qua A-Shau (A Sao), bao vây các căn cứ Bastogne và Checkmate, đe dọa Huế. Ngày 1-5-1972, CSVN chiếm thành phố Quảng Trị, tiến quân tới bờ bắc sông Mỹ Chánh. Thành phố Huế hoảng loạn. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu liền cử trung tướng Ngô Quang Trưởng, tư lệnh Quân đoàn IV, ra giữ chức tư lệnh Quân đoàn I, thay trung tướng Hoàng Xuân Lãm. Tướng Trưởng tái lập an ninh thành phố Huế, tái phối trí lực lượng phòng thủ.

Thứ ba: Ngày 8-6-1972, các lữ đoàn TQLC cùng các lữ đoàn Dù vượt sông Mỹ Chánh, phản công ra hướng bắc, mở đầu giai đoạn thứ ba của cuộc chiến Quảng Trị. Từ ngày 13-9, quân VNCH tái chiếm Quảng Trị, và treo cờ lên cổ thành Quảng Trị ngày 16-9-1972. Quân đội VNCH tiếp tục tảo thanh quân CS. Tuy chống cự mãnh liệt, quân CS dần dần rút lui, nhưng vẫn chiếm giữ vùng phía bắc sông Thạch Hãn. Sau biến cố Quảng Trị, thiếu tướng Nguyễn Duy Hình được đề cử thay thế chuẩn tướng Vũ Văn Giai, chỉ huy Sư đoàn 3 BB-VNCH.

*** Mặt trận Kontum ở Quân khu II (từ 30-3-1972):** CSVN gọi cuộc hành quân này là chiến dịch Bắc Tây nguyên. Lực lượng CS gồm hai sư đoàn Bộ binh (320 và 2), bốn trung đoàn BB (24, 28, 66, 95), hai trung đoàn pháo binh, trung đoàn đặc công 400, sáu tiểu đoàn pháo phòng không, một tiểu đoàn xe tăng, một đại đội tên lửa, cùng lực lượng vũ trang địa phương. (Trung Tâm Tự Điển Bách Khoa Quân Sự Hà Nội, sđd. tr. 157.) Phía VNCH, tại Quân khu II lúc đó, có hai sư đoàn Bộ binh (22 và 23), hai lữ đoàn Dù, 11 tiểu đoàn BĐQ Biên phòng và Địa phương quân.

Chiến cuộc Kontum có thể chia thành hai giai đoạn. 1) Vào đầu tháng 4-72, quân CS uy hiếp các căn cứ phía bắc Kontum. Ngày 11-4, quân CS tấn công căn cứ Charlie. Trung tá Nguyễn Đình Bảo, tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 11 Dù tử trận. Ngày 21-4, CS tràn ngập căn cứ Delta. Charlie và Delta là hai căn cứ hỏa lực nằm về phía tây của căn cứ Võ Định. Căn cứ Võ Định cũng không giữ được. (Võ Định nằm trên quốc lộ 14, phía bắc Kontum và phía nam Tân Cảnh.) Ngày 24-4, quân CS chiếm các căn cứ Tân Cảnh và Dakô II ở phía bắc Võ Định. Quân CS tiếp tục tấn công các căn cứ khác ở vùng này, nhưng không chiếm được căn cứ Ben Het do các tiểu đoàn 72 và 95 BĐQ trấn giữ. Ngày 10-5-1972, thiếu tướng Nguyễn Văn Toàn, phụ tá hành quân Quân đoàn I, được cử làm tư lệnh Quân đoàn II, thay thế thiếu tướng Ngô Dzu. 2) Từ 14-5-1972, quân CS tập trung tấn công vào Kontum. Có khi quân CS chiếm được trại Ngọc Hồi ở Kontum, hậu cứ của Thiết giáp và căn cứ tiếp vận, nhưng đã bị đẩy lui ngay. Sư đoàn 2 Sao Vàng bị B52 gây thiệt hại nặng, sau đó phải giải thể. Vào cuối tháng 5-1972, mặt trận Kontum yên tĩnh trở lại. Quốc lộ 14 giữa Kontum và Pleiku được khai thông.

Sau Kontum, CSVN tấn công Bình Định cũng thuộc Quân khu II vào đầu tháng 6-1972, chiếm các quận Tam Quan, Hoài Nhơn và Hoài An, Tuy nhiên, vào cuối tháng 7-1972, quân đội VNCH tái chiếm ba quận này.

***Mặt trận An Lộc (Bình Long) ở Quân khu III (1-4-1972):** CSVN gọi cuộc hành quân này là chiến dịch Nguyễn Huệ. Lực lượng CS gồm ba sư đoàn Bộ binh (5, 7, 9), ba trung đoàn BB (24, 71, 205), trung đoàn đặc công 429 (7 tiểu đoàn), 1 trung đoàn và 1 tiểu đoàn pháo binh, 2 tiểu đoàn xe tăng thiết giáp, 4 tiểu đoàn pháo phòng không, 20 tiểu đoàn và 63 đại đội bộ đội địa phương. (Trung Tâm Tư Điển Bách Khoa Quân Sự Hà Nội, sđd. tr. 186.)

Phía VNCH, Quân khu III có ba sư đoàn Bộ binh 5, 18 và 25, một lữ đoàn Dù, năm liên đoàn BĐQ, một lữ đoàn Thiết kỵ, Liên đoàn 81 Biệt cách Dù, và các đơn vị Địa phương quân. Phòng thủ chính bên trong An Lộc là sư đoàn 5 BB do đại tá Lê Văn Hưng chỉ huy. (Đại tá Hưng lên chuẩn tướng tại mặt trận An Lộc. Ông đã cam kết: “Khi nào tôi còn, An Lộc còn.”)

An Lộc là tỉnh lỵ tỉnh Bình Long, nằm trên quốc lộ 13, án ngữ giữa Sài Gòn và mặt khu 708 của CSVN trên đất Cao Miên. Cộng sản dự tính đánh chiến An Lộc để làm lễ ra mắt chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam vào ngày 20-4-1972. (Nguyễn Đức Phương, sđd. tr. 569.) Nhằm tạo thế nghi binh, từ 1-4-1972 một số đơn vị CS tấn công các căn cứ phía bắc Tây Ninh. Ngày 4-4-1972, sư đoàn 5 CS tiến về Lộc Ninh (tỉnh Bình Long), phía bắc An Lộc, và chiếm được Lộc Ninh ngày 8-4-1972.

Sau khi chiếm Lộc Ninh, quân CS tiến xuống phía nam, đe dọa An Lộc. Cuộc chiến An Lộc kéo dài từ 8-4-1975 đến ngày 12-6-1972. Ngoài sư đoàn 5 CS, một cánh quân khác của CS, sư đoàn 7 CS xuất phát từ biên giới Cao Miên, đi vòng qua An Lộc, phong tỏa quốc lộ 13 phía nam An Lộc. Trong khi đó, sư đoàn 9 CS cũng từ biên giới Cao Miên, đánh thẳng vào phía tây An Lộc. Như thế cả 3 sư đoàn CS đánh kẹp An Lộc vào giữa. Quân CS vừa pháo kích dữ dội, vừa sử dụng xe tăng T-54 và BTR-60 dẫn đầu, tiến chiếm phía bắc thành phố An Lộc, đồng thời chiếm các căn cứ trên quốc lộ 13, phía nam An Lộc, để chặn đường tiếp tế của quân đội VNCH.

Quân đội VNCH dàn ra đối phó với hai trận tuyến của CS. Một mặt quân phòng thủ An Lộc chiến đấu anh dũng, chặn đứng và đẩy lui các cuộc xung phong của quân CS ngay tại An Lộc. Một mặt các đơn vị VNCH khác cương quyết giải tỏa quốc lộ 13, nhằm tiếp ứng An Lộc. Ở cả hai mặt trận, hai bên giăng co từng tấc đất, từng ngôi nhà. Quân CS sử dụng chiến thuật “tiền pháo hậu xung”, pháo kích dữ dội trước khi xung phong. Quân VNCH biết rõ cách đánh này, nên sau mỗi đợt CS pháo kích, liền chuẩn bị sẵn sàng để nghênh chiến.

Bên cạnh đó, Không quân đã yểm trợ tích cực cho Bộ binh VNCH chiến đấu. Ngoài việc oanh kích các nơi tình nghi quân CS trú đóng, Không quân VNCH phụ trách chuyển vận quân đội, thả tiếp liệu (lương thực, nước uống, quân nhu, quân dụng), tải thương binh. Vừa vì thời tiết xấu, vừa vì bị súng phòng không của CS bắn phá, việc tiếp liệu có khi ít hiệu quả, một số kiện hàng không đến tay quân đội VNCH mà lọt vào tay quân CS. Hơn nữa, vì bị bắn phá dữ dội, các trực thăng tải thương hoạt động rất khó khăn, và nhiều trực thăng bị bắn rơi.

Trong khi đó, những phi vụ B-52 Hoa Kỳ liên tiếp dội bom nặng nề xuống chiến trường, giúp đánh tan các đơn vị CS chung quanh An Lộc, phá vỡ các kho vũ khí do CS mới chuyển từ miền Bắc Việt Nam.

Riêng tại thị trấn An Lộc, kể từ 8-4-1972, quân CS tấn công tất cả 7 lần. 1) Trong lần đầu, ngày 13-4-1972, quân CS dùng chiến xa T-54 tiến vào An Lộc. Dù đã bắn cháy 7 chiếc, quân VNCH phải lui về phòng thủ phía nam thị trấn. 2) Ngày 14-4, quân CS xung phong lần thứ hai. Quân VNCH ẩn nấp trong các cao ốc, hầm trú ẩn, sử dụng súng M72, súng B40 và B41 (hai loại này tịch thu được của quân CS), chống trả và gây hư hại nặng các loại xe tăng CS. Ngày 16-4, Liên đoàn 81 Biệt Cách Dù được đưa đến An Lộc, tăng cường lực lượng phòng thủ ở đây. 3) Ngày 18-4, quân CS tấn công An Lộc lần thứ ba. Nhờ sự yểm trợ của Không quân, nhất là B-52, quân CS bị chặn đứng. 4) Sáng sớm 21-4-1972, CS pháo kích 2,000 trọng pháo đủ loại vào thị trấn và mở 4 mũi tấn công. Đêm 22 rạng 23-5, quân CS gia tăng tấn công, nhưng bị đẩy lui khi các chiếc xe tăng của CS bị bắn cháy. 5) Sáng 11-5-1972, quân CS tấn công An Lộc lần thứ 5, với chiến xa T-54 dẫn đầu. Hai bên cận chiến. Suốt ngày 12-5, quân đội VNCH đẩy lui lần nữa cuộc tấn công của CS. 6) Chinh đón lại đội ngũ, ngày 14-5, CS tấn công tiếp ở các mặt đông bắc, tây và nam. Trong ba ngày giao chiến, số binh sĩ cả hai bên tử trận lên đến 600 người. Các chiến sĩ Biệt cách Dù phải lập một nghĩa địa bên cạnh chợ An Lộc để an táng. (Sau khi An Lộc được giải tỏa, trước nghĩa trang này có hai câu đối: “An Lộc địa, sử ghi chiến tích / Biệt cách Dù vị quốc vong thân.”) 7) CSVN dự tính tấn công ngày 19-5 để kỷ niệm sinh nhật Hồ Chí Minh, nhưng bị B-52 dội bom chặn đứng. Ngày 23-5, quân CS mở bốn đợt tấn công vào phòng tuyến quân đội VNCH ở phía nam thị trấn An Lộc. Lần này, những cuộc tấn công của CS yếu ớt nên đều bị đẩy lui.

Từ đây vòng đai bảo vệ An Lộc mở rộng dần, trong khi quân đội VNCH ở ngoài cũng dọn được đường vào An Lộc. Ngày 8-6-1972, quân bên trong và bên ngoài An Lộc bắt tay được với nhau. Ngày 12-6-1972, chuẩn tướng Lê Văn Hưng tuyên bố trên đài phát thanh: “An Lộc hoàn toàn giải tỏa.”

Mặt trận các tỉnh ở Quân khu IV (10-6-1972): CSVN gọi cuộc hành quân này là chiến dịch Đồng Bằng Sông Cửu Long. Lực lượng CS gồm 2 sư đoàn Bộ binh (5 và C30b), 3 trung đoàn Bộ binh chủ lực thuộc Quân khu 8 (1, 88, 320), 1 trung đoàn và 2 tiểu đoàn pháo binh, ba tiểu đoàn đặc công, 7 tiểu đoàn và 14 đại đội địa phương. (Trung Tâm Tư Điển Bách Khoa Quân Sự Hà Nội, sđd. tr. 170.) Về phía VNCH, có hai sư đoàn BB (7 và 9), một liên đoàn BĐQ, hai trung đoàn Thiết giáp, một liên đoàn Đặc nhiệm Hải quân, năm đại đội Tuần Giang và Địa phương quân.

Cuộc tấn công của CS tại đồng bằng sông Cửu Long lần này diễn ra trong ba giai đoạn: 1) Quân CS tấn công căn cứ Long Khốt (thuộc tỉnh Long An) và thị xã Mộc Hóa (thuộc tỉnh Kiến Tường). Tấn công nhiều lần nhưng thất bại, quân CS phải rút lui ngày 14-6. 2) Trong tháng 7-1972, quân CS tấn công phía bắc và nam đường số 4 thuộc hai tỉnh Kiến Tường và Mỹ Tho. 3) Từ 6-8 đến 10-9, quân CS tấn công Bến Tre, Chợ Gạo, Gò Công, nhưng đều bị đẩy lui.

KẾT LUẬN

Tính đến tháng 9-1972, thiệt hại về nhân mạng về phía quân đội CSVN lên đến khoảng 100,000 quân; và phía VNCH khoảng 50,000 quân. Một số thống kê khác cho thấy CSVN thiệt hại 70,000 quân trong khi VNCH 30,000. (Nguyễn Đức Phương, sđd. tr. 587.) Người ta ghi nhận thêm sau khi CSVN thất bại trong các chiến dịch 1972, ở Bắc Việt, đại tướng Võ Nguyên Giáp bị người phụ tá là đại tướng Văn Tiến Dũng thay thế, nắm thực quyền trong bộ Quốc phòng Bắc Việt Nam.

Các cuộc tấn công của CSVN vào năm 1972 nói chung không thành công, và bị quân đội VNCH đẩy lui ở khắp bốn mặt trận. Những trận đánh vào mùa hè đỏ lửa cho thấy khi còn được trang bị đầy đủ, dầu số quân ít hơn, quân đội VNCH cũng đủ sức để đẩy lui những cuộc tấn công vũ bão của đối phương. Trong cuộc chiến vào mùa hè này, cộng sản chỉ gây được tiếng vang về chính trị trên thế giới để đẩy mạnh cuộc vận động ngoại giao.

TRẦN GIA PHỤNG (Toronto, 19-02-2012)

ĐÒI NỢ BÁC HỒ

* Huỳnh khắc Sử*

Nội dung cẩm nang Mác-Lê

« Không có gì quý hơn độc lập, tự do ». Đó là câu danh ngôn của Ông Hồ Chí Minh. Trong thời gian tranh đấu chống thực dân Pháp, ông lập đi lập lại câu nói này mỗi khi cần thiết, nhằm kêu gọi lòng yêu nước của toàn dân đứng lên chống thực dân xâm lược, giành lại sự độc lập cho đất nước, dân ta được tự do, no cơm ấm áo. Mao Trạch Đông cũng vậy. Lúc hô hào toàn dân lật đổ chánh quyền Tưởng Giới Thạch, ông tuyên bố với dân chúng rằng ông sẽ đem lại cho nhân dân chế độ dân chủ, người dân sẽ được tự do ngôn luận, hội họp, tín ngưỡng... Hồ Chí Minh và Mao Trạch Đông cùng một môn phái võ thuật Cộng sản Quốc tế, họ học cùng thầy Mác- Lê. Kỹ thuật tranh đấu hai người giống nhau. Họ có cùng một quyển cẩm nang dùng để tranh đấu giành độc lập, đề lên thiên đường cộng sản.

Trong những năm đầu tiên sống trên đất Pháp, sau khi đọc xong « quyền luận cương về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thực dân » của Lénine, ông Hồ viết trên tờ báo Humanité: Đây rồi, đây là con đường giải phóng chúng ta. Chủ nghĩa Lénine không những là cẩm nang cho chúng ta, nó còn là mặt trời rực sáng dẫn cho chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, cộng sản chủ nghĩa. Khi Staline mất, nhà thơ Tố Hữu có làm 2 câu thơ đề tôn sùng nhà độc tài số một Nga Xô:

“Thương cha, thương mẹ thương con. Thương mình, thương một, thương ông, thương mười. Họ thương Staline 10 lần hơn cha mẹ mình!

Quyển cẩm nang mà Lénine biếu cho ông Hồ, gồm những phương thức làm sao lật đổ chế độ tư bản, chẳng hạn như : đấu tranh giai cấp, xữ dụng bạo lực để triệt hạ đối lập, tuyên truyền dối trá... Karl Marx viết bạo lực là bà « đỡ đẻ » của cách mạng. Còn Mao Trạch Đông thì « quyền lực phát xuất từ họng súng ». Nói một cách tổng quát, mọi

thủ đoạn, mọi hành động dù tội tệ bất nhân đến đâu, đều được CS xem là tốt, miễn sao nhằm phục vụ chủ nghĩa Mac-Lê. (La fin justifie les moyens). Bây giờ ta xem quyển cẩm nang này được đảng CS VN áp dụng ra sao đối với dân tộc VN ?

Áp dụng cẩm nang Mac-Lê

Thật vậy, ai ai cũng đồng ý rằng, « không có gì quý hơn độc lập, tự do », như ông Hồ nói. Lúc làm chủ tịch chánh phủ lâm thời năm 1945, ông dùng bốn chữ vàng « *độc lập tự do* » để kêu gọi toàn dân đoàn kết chống thực dân Pháp. Quả thật đây là một tuyệt chiêu nhắm vào khát vọng của toàn dân, nên mọi người đứng lên tham gia vào Mặt trận Việt Minh, sẵn sàng chết để giành lại cho đất nước được độc lập, dân tộc được tự do, phú cường. Còn độc chương nào hơn ! Ngay cả vua Bảo Đại cũng từ bỏ ngai vàng để theo ông, tuyên bố: « thà làm công dân một nước độc lập, hơn là làm vua một nước nô lệ ». Những chàng thanh niên yêu nước, những nhà trí thức, sẵn sàng đứng lên dù phải hiến thân cho Tổ Quốc, đáp lại lời kêu gọi ông Hồ. Sợ bị nhân dân chống đối, ông Hồ **che dấu thân phận CS** của mình, Đảng CS Đông Dương được đổi thành Đảng Lao động Đông Dương. Ngay vua Bảo Đại, cũng thú nhận rằng ông không biết ông Hồ là người Cộng sản, trong quyền hồi ký của ông.

Phong trào đấu tố **Xô Viết Nghệ Tĩnh** vào năm 1931 cũng do quyển cẩm nang Lénine mà ra, với hậu quả bao nhiêu người dân vô tội bị giết chết, mặc dầu sau đó ông có nhận lỗi của mình. Rồi 20 năm sau, ở miền Bắc, hình ảnh kinh hoàng của những vụ đấu tố trong chương trình **cải cách ruộng đất** trước Tòa án nhân dân, cũng như trong cuộc **cách mạng văn hóa** cũng thất bại nặng nề vì giết hại quá nhiều, khoảng nửa triệu người, Trường Chinh chánh thức chịu trách nhiệm, và xin lỗi nhân dân.

Cũng y như vậy, các chương trình ác ôn đó đã được sử dụng trên đất Trung Quốc dưới thời Mao

Trạch Đông. Trong thời gian tranh đấu, để tìm được sự hậu thuẫn của dân chúng, Mao cũng cổ vũ tự do dân chủ như ông Hồ. Mao dùng thủ đoạn kết hợp tạm bợ với các đảng khác rồi tiêu diệt nắm trọn quyền vào năm 1949. Mao cũng thực hành chương trình **cải cách ruộng đất, trăm hoa đua nở, cách mạng văn hóa...** gây ra bao nhiêu nạn nhân vô tội. Một chuyên viên nghiên cứu về Trung Quốc, ông Michel Bonnin, gọi thủ đoạn này là: *“dân chủ để phục vụ độc tài”*.

Nghệ thuật tuyên truyền láo khoét của CS thật là tinh vi mang lại cho họ nhiều kết quả. Đối với họ, nó có sức mạnh còn hơn súng đạn. Nhờ vậy, năm 1954, CSVN đã thắng trận Điện Biên Phủ. Năm 1975, họ đã chiếm cả Miền Nam, thống nhất lãnh thổ. Đảng CS đã che giấu ngay cả với đảng viên mình, lừa dối họ, nói rằng miền Nam bị Mỹ Ngụy bóc lột, nhân dân nghèo nàn, cần phải được giải phóng.

Chủ nghĩa xã hội theo màu sắc Trung Quốc

Nếu nói rằng cầm nang Mac-Lê đã giúp cho CS tranh chiếm được quyền hành, thì trên lãnh vực kinh tế, quyền cầm nang dạy cho họ những bài học tai hại, làm cho dân chúng nghèo khổ.

Sau khi Mao chết, **Đặng Tiểu Bình** được phục hồi chức vụ vào năm 1977. Khởi đầu từ 1979, năm Ông cho VN một bài học bằng cách cho 600 000 quân đánh thẳng vào phía Bắc VN, thay đổi hẳn chánh sách kinh tế Trung Quốc. Ông **khuyến khích người dân làm giàu**. Giàu có dưới thời Ông được coi là một danh dự, được trọng vọng, chứ không bị coi là một điều xấu, bị đầu tở như dưới thời cách mạng văn hóa của Mao. Ông rất thực tế, không nặng về lý thuyết, giáo điều. Khi nói về chính sách kinh tế mới của Ông, người ta hay nhắc câu nói con mèo của ông: **«Mèo đen mèo trắng, cái đó không quan trọng, miễn sao bắt chuột được là mèo tốt»**. Với Ông, không cần phân biệt tư bản hay CS, miễn sao đem lại no cơm ấm áo cho dân là tốt. Ông bắt đầu mở cửa rước nền kinh tế thị trường vào Trung Quốc. Ông chủ trương canh tân kỹ nghệ, khuyến khích nhân dân phát triển kinh tế. Đường lối mới này, lúc đầu cũng bị phe bảo thủ công kích, nhưng sau cùng ông đã thành công và đưa Trung Quốc ra khỏi những năm dài đen tối dưới thời Mao Trạch Đông. Theo kế hoạch của Đặng, Trung Quốc phải cần đến năm 2050 để hoàn thành chương trình 3 bước phát triển kế hoạch kinh tế. Nếu Mao Trạch Đông đã hết lòng xây dựng *chủ*

nghĩa xã hội theo công thức Mac-Lê, thì Đặng Tiểu Bình xây dựng *« chủ nghĩa xã hội theo màu sắc Trung Quốc »* Tuy nhiên về mặt chánh trị, Ông vẫn tiếp tục khép kín cánh cửa tự do dân chủ.

Lý thuyết Mac-Lê bị khai tử trên các nước Âu Châu

Nhận thấy lý thuyết Mac-Lê không đem lại kết quả tốt, **Mikhail Gorbachev**, Tổng Thống Liên Xô vào năm 1988, can đảm khai tử lý thuyết Mac-Lê. Đường lối mới của ông đưa ra gọi là **« tái cấu trúc »** (perestroika) nghĩa là sửa lại cơ cấu kinh tế, chánh trị của Liên-Xô, và chánh sách **« minh bạch hóa »** (glasnost) tức là không dấu diếm sự thật. Trong thời gian gần 2 năm, từ 1989-1991, các chánh quyền CS Đông và Trung Âu nối tiếp nhau sụp đổ, dưới áp lực đòi hỏi tự do của người dân, thay vào đó bằng thể chế dân chủ như các nước Tây phương. Như nước Tiệp Khắc chỉ trong vài ngày xáo động là đã thay đổi từ chế độ độc tài CS sang chế độ dân chủ, nên gọi là **« cách mạng nhung »**.

Trong thời gian 30 năm dài chống Pháp, chống Mỹ, do sự khéo léo trong kỹ thuật đi dây nghiêng qua ngã lại cho vừa lòng cả 2 đàn anh Trung Quốc-Liên xô, mà Đảng CSVN chiếm được miền Nam VN. Cho tới ngày 17/2/1979, 600 000 quân Trung Quốc tấn công miền Bắc VN. Lý do bên trong, là vì CSVN tiến đánh Cam Pu Chia nhằm lật đổ chánh quyền Pol Pot, đưa con cưng được Trung Quốc hết lòng che chở, để tạo lên một chánh quyền thân VN. Dĩ nhiên việc này đã được sự đồng ý của Liên Xô. Bị Bắc phạt, Quân đội VN chống trả mãnh liệt, Trung Quốc thiệt hại rất nhiều nên không dám tiến sâu vào nội địa. Sau đó họ rút quân về, lấy cớ là đã dạy cho VN một bài học. Đặng Tiểu Bình còn cho biết thêm, là có thể có một bài học thứ hai. Điều này cho thấy rằng, hai nước có cùng một ý thức hệ XHCN không đủ để giải quyết những tranh chấp có tính cách dân tộc. Và từ đó, tức từ năm 1979, sau 30 năm hợp tác thân mật giữa Việt-Nga-Hoa, bây giờ VN chỉ còn một đàn anh là Liên-Xô, còn Trung Quốc bị coi là kẻ thù có mưu đồ bành trướng bá quyền hướng về phương Nam cho tới khi khối CS Âu Châu tan rã vào năm 1989. Điều này làm cho CSVN và CS Trung Quốc thấy cần phải siết chặt hàng ngũ, gần lại với nhau, để bảo vệ sự sống còn của hai nước. Cho nên, hai bên làm bạn thân trở lại. Luồng gió mát dân chủ do Mikhail Gorbachev thổi từ Âu Châu bị các chiến xa Trung Quốc chặn

lại tại Quảng trường Thiên An Môn vào đầu tháng 6/1989. Tại đây, hàng triệu sinh viên biểu tình đòi tự do dân chủ. Hàng vạn người bị CSTrung Quốc sát hại. Mặc dù phong trào đòi tự do bị tan rã, nhưng hơn một vạn người hy sinh đó, luôn luôn vẫn là một ngọn lửa ngấm cháy có thể bộc phát bất cứ lúc nào khi thời cơ đến, để đốt cháy độc tài đảng trị Trung Quốc. Do đó, luồng gió « cách mạng nhưng » đã không thổi đến VN. Dân tộc ta đã mất đi một cơ hội bằng vàng !

Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Sau khi thống nhất đất nước năm 1975, CSVN thực hiện **chánh sách tiến mau, tiến mạnh tới chủ nghĩa xã hội, theo mô hình Liên Xô**, như phát triển kinh tế quốc doanh, hoặc công tư hợp doanh, thương mại tư nhân bị dẹp bỏ... Đánh giá kết quả của đường lối này vào năm 1981, cuốn Lịch Sử Đảng viết: «Nền kinh tế, xã hội nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng ...» Cho nên, CSVN bắt đầu cởi mở chút ít. Nhờ vậy, nền kinh tế có phần khá hơn, nhất là trong lãnh vực nông nghiệp, và công nghiệp, mặc dù nạn lạm phát còn trầm trọng.

Trước khi Đại hội VI của Đảng CSVN, Bí thư Đảng Nguyễn văn Linh đã qua Mạc tư Khoa, có lẽ ông ta đã được Gorbatchev khuyến cáo và chấp nhận thay đổi theo đường lối mới của ông. Khi trở về, Đại hội CS quyết định tiếp tục đường lối cải cách kinh tế, gần giống như mô hình Perestroika của Gorbatchev, bằng cách công nhận tất cả thành phần kinh tế, bố trí lại cơ cấu sản xuất, xóa bỏ cơ chế quan liêu, bao che... Sợ bị ảnh hưởng domino luồng gió dân chủ Âu Châu 1989, phe bảo thủ CSVN thắng thế. Có lẽ e ngại Nguyễn văn Linh theo đường lối Gorbatchev, nên Đỗ Mười, người chủ trương trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê, được bầu vào chức vụ Tổng Bí Thư và Đại Hội VII họp vào tháng 3/1991 quyết định: *Đảng CS vẫn là chủ duy nhất đất nước, VN chưa thể có chế độ đa đảng.*

Về kinh tế, chánh phủ VN phỏng theo mô hình đàn anh Trung Quốc, chẳng hạn như ngành công nghiệp và nông nghiệp phải được phát triển theo kỹ thuật hiện đại, việc tuyển chọn nhân viên tùy theo khả năng chuyên môn, không dựa theo người có thành tích trong Đảng như trước đây... CSVN gọi đường lối mới này là một **nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa**. Kết quả là trong những năm đầu, giới tư bản ngoại quốc sẵn

sàng bỏ tiền vào để hưởng sự đổi mới. Tổng Sản Lượng Quốc Nội (GNP) tăng trưởng, nạn lạm phát cũng được kiềm chế. Hoa kỳ bãi bỏ lệnh cấm vận đối với VN. Năm 1999, hai nước Việt-Mỹ ký kết một thỏa ước thương mại, hai bên đều được hưởng quy chế tối huệ quốc...

Dân tộc VN đã cho ông Hồ vay những gì?

Thời gian 30 năm chiến tranh, người dân chấp nhận hy sinh tất cả, từ **hạnh phúc gia đình, đến tự do cá nhân**, không dám đòi hỏi điều gì. Sau khi thống nhất đất nước, họ mong đợi được đền bù lại những gì mà họ đã hy sinh, nhưng không thấy. Họ chỉ thấy nghèo đói, lạm quyền, bất công, tham nhũng, bắt bớ, tù đày. Michel Tauriat, một tác giả người Pháp có ghi lại những tệ hại này trong quyển sách của ông, xuất bản 1997, với tựa đề: *« Hồ sơ đen của CSVN »* (VN, le dossier noir du communisme), trong đó Ông viết : Ngày ấy các bạn VN của tôi đã khóc. Họ đã khóc, kể cả những người không khóc vào ngày 30/4/1975, khi Sài Gòn đầu hàng. Thật tội nghiệp cho thân phận của dân tộc VN, họ thiếu thốn đủ điều từ miếng cơm đến tự do, công bằng...!

Tự do dân chủ ở đâu?

Một nhà trí thức nổi tiếng Trung quốc, Ông Liang Qichao, mà Mao Trạch Đông lúc còn ngồi ghế nhà trường hãnh diện khoe với bạn bè, là mình thuộc lòng tư tưởng cấp tiến của ông, có viết rằng: « Đời sống và tự do là 2 yếu tố căn bản để cho con người thành một con người thực sự. Nếu mất tự do, không còn là con người nữa ». Tự do là một quyền thiêng liêng của con người. Mọi người có một cuộc sống riêng tư không muốn công an dòm ngó, theo dõi. Tự do ngôn luận, *tự do chọn người thay mặt mình trông coi việc nước...*

Điều 4 Hiến Pháp CSVN có ghi: **Đảng CSVN là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội, vô điều kiện và không do dân bầu.** Như vậy là đảng CS độc quyền cai trị đất nước. Mà đất nước là của chung cả dân tộc VN, chứ đâu phải của riêng Đảng CS. Dân tộc VN ngày nay, có đến 88 triệu người. Đảng CS được bao nhiêu, 3 triệu ? Với một thiểu số như vậy, họ có tư cách gì để cai trị toàn dân VN? Theo lẽ phải của thánh hiền, theo lương tâm con người, sự áp đặt đơn phương đó, có công bằng, có dân chủ không? CS sẽ trả lời: có dân chủ, đó mới là « dân chủ chân chính » theo định nghĩa của CS. Chắc chắn cái trò độc tài này sẽ gặp sự chống đối mãnh

liệt của những người can đảm, dám làm. LS Lê thị Công Nhân, người còn ở trong nước, bị tù đầy nhiều lần, đã dùng một câu hát được nhiều người biết để chế diễu Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng: « Anh Dũng ơi, con đường anh đi đó, con đường anh theo đó, có đúng sao hay anh? ». Hồi tức là trả lời. Con đường Dũng đi là con đường độc tài, dân chúng chống đối. Ta đã thấy và sẽ thấy nhiều sự bất bớ, tù đầy, đàn áp càng ngày càng nhiều hơn nữa, cho tới một lúc nào đó sức ép sẽ bùng nổ.

Một số chuyên gia nghiên cứu về CS có nói đến giải pháp **dân chủ hóa từng bước** (démocratisation progressive), để tránh một cuộc cách mạng đổ máu. Đại khái một giải pháp có những đặc điểm như sau: CSVN phải chấp nhận nguyên tắc đa đảng, gồm có đảng CSVN và nhiều đảng đối lập khác. Các đảng đối lập phải được toàn dân bầu lên trong cuộc phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 4 năm, được dành cho 40% tổng số ghế trong nhiệm kỳ thứ nhất của quốc hội. Như vậy, trong nhiệm kỳ thứ nhất chắc chắn đảng CSVN sẽ thành lập chánh phủ vì được bảo đảm đa số 60% số ghế. Kể từ nhiệm kỳ thứ 2, tất cả các đảng phải kể cả đảng CSVN phải được toàn dân bầu. Tìm được một giải pháp được 2 bên chấp nhận, là một điều vô cùng khó khăn, có lẽ ảo tưởng, vì có một số người CSVN còn đang say mê quyền hành, hưởng nhiều lợi lộc, nhất là vì Trung Quốc muốn VN tiếp tục xoay trong quỹ đạo Mác-Lê với mình.

Độc lập ở đâu?

Hai nước VN và Trung Quốc có ký kết với nhau về cách thức giải quyết những vấn đề quan trọng liên hệ đến hai nước bằng công thức «16 chữ vàng như sau: Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai». Đọc phần giải thích thế nào là **hợp tác toàn diện**, ta mới thấy rõ hơn là VN hoàn toàn tùy thuộc Trung Quốc. Những việc gì quan trọng, hai đảng sẽ thảo luận với nhau. Nói là thảo luận, nhưng thật sự là bên mạnh ra lệnh, bên yếu tuân theo. Như vậy, nắm được đảng CSVN, Trung Quốc đã nắm trọn được chánh phủ VN rồi. Nền độc lập dân tộc đâu còn nữa. Hãy xem một sự kiện sau đây sẽ thấy rõ điều đó. Lúc cơn bão cách mạng Đông Âu bắt đầu thổi mạnh, CSVN sợ chế độ bị lung lay, có đề nghị với Trung Quốc hai bên nên kết hợp lại để cùng nhau ngăn chặn cơn bão. Đề nghị này quả thật có lợi cho hai nước anh em theo chủ nghĩa Mác-Lê, vậy mà Trung Quốc từ chối, chỉ vì Đặng Tiểu Bình

lúc đó rất ghét VN. Họ coi thường ta. Ta bắt buộc phải nhường nhịn họ. Từ đó, ta mới hiểu được, việc chiếm biên giới phía Bắc VN, vụ mất Trường Sa, Hoàng Sa, vụ nhượng quyền khai thác bauxite Tây Nguyên... Đừng chờ đến khi họ mang quân tới đánh, mới gọi là xâm lược. Thật ra, hiện nay họ đã xâm lược rồi.

Hạnh phúc, công bằng ở đâu?

Nói chung, dân VN bây giờ ở thành thị cũng như ở thôn quê còn rất nghèo nàn, không có công ăn việc làm, nông dân, công nhân nghèo khó, thiếu ăn thiếu mặc, bất hạnh. Tuy nhiên, có một số người khá giả, rất giàu có nhờ dựa vào thế lực. Đại đa số những người này nằm trong đảng, nhất là từ khi chánh quyền áp dụng chánh sách kinh tế cởi mở, chánh sách **khuyến khích người dân làm giàu**, giống y như đường lối mới bên Trung Quốc. Khuyến khích người trong đảng làm giàu là mở rộng cửa cho nạn bè phái, đặc ân, hối lộ, tham nhũng, bất công. Ai mà cạnh tranh lại với người đang nắm nhiều quyền trong tay! Số người này làm giàu thật dễ dàng, mau chóng, phung phí xài tiền như nước, cho con đi du học. Xã hội VN bây giờ có thể chia làm 2 giai cấp: thật giàu và thật nghèo. Điều này làm ta nhớ đến câu nói của Đặng Tiểu Bình: Vé vào cửa xã hội chủ nghĩa rất cao giá. Không thể mọi người cùng một lúc vào được thiên đường giàu có, người đến trước, người đến sau. Sau là bao lâu? Người không vào đảng như vậy phải nghèo suốt cả... 3 đời! Cớ vớ việc làm giàu là chánh phủ CS nhắm vào thành phần các **con ông cháu cha** trong chánh quyền CS. Giàu có bây giờ là một vinh dự, không cần phải che giấu như trước đây, nên mọi người có chức quyền thi nhau kinh doanh làm giàu, kể cả tham nhũng, mua quan bán chức. Thật là một đường lối tệ hại, nhất là trong một nước chỉ biết bao che, khinh thường pháp trị. Quyền hành, tài sản quốc gia nằm gọn trong tay một số người. Họ chia trợn cho nhau cái bánh ngon, đâu có đến lượt người dân nghèo. Hãy nhìn xem các con cháu Nguyễn Tấn Dũng, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Nguyễn Chí Thanh, Nông Đức Mạnh, Võ Nguyên Giáp... Thật là khinh thường dư luận.

Ai ai cũng biết, người Mỹ từ lâu, nhất là giới trẻ, ước muốn có nhiều tiền, xe đẹp, vợ đẹp, nhà cao cửa rộng. Người ta gọi đó là **giấc mơ người Mỹ** (American dream). Có lẽ dựa vào đó, chánh quyền CSVN, tạo ra khát vọng làm giàu cho giới trẻ VN, có thể gọi là **giấc mơ người VN**. Nhưng

điểm khác nhau quan trọng giữa hai giấc mơ đó, là trong American dream chẳng những giàu tiền giàu bạc, mà còn giàu tự do, công bằng, giàu ngay từ lúc nước Mỹ mới lập quốc. Còn giấc mơ què quặt do CSVN tạo ra, chứa đầy bất công, độc tài, tham nhũng, giã dối! Giã dối. bởi lẽ khi tạo ra giấc mơ này, CS có ẩn ý muốn làm cho giới trẻ trở nên khao khát tiền bạc, công danh, thờ ơ vô cảm với lý tưởng công bằng, quên đi những điều chương tãi gai mắt của CS. Mới đây, vào tháng 11/2011, Tổng thống Mỹ, Ô. Obama trong bài diễn văn đọc tại Úc, có nói rằng: Giàu mà không có tự do dân chủ, cũng chỉ là một hình thức nghèo nàn. Không rõ Ông muốn nhắn câu này cho ai? Có lẽ là Trung Quốc. Sau cùng, chủ nghĩa Mác-Lê còn tác hại trên văn hóa VN. Đời sống của người dân luôn luôn bị công an theo dõi, nên *sợ hãi, phục tùng, an phận, luôn lách, nói dối*. Đó là những chứng bệnh, hậu quả tại hại của chủ nghĩa Mác-Lê.

Chắc chắn món nợ sẽ được trả

Như trên đã trình bày, CSVN nhờ áp dụng lý thuyết vô nhân Mác-Lê nên họ đã chiến thắng và chiếm được toàn nước Việt Nam. Họ tiếp tục dùng nó để bảo vệ chế độ độc tài đảng trị cho tới ngày nay. Tuy nhiên, để làm cho người dân được no cơm ấm áo, lý thuyết này đã đem lại cho những ngày đen tối cho dân tộc VN. Thấy rõ khuyết điểm tai hại đó, cách đây hơn 20 năm, Liên Xô, quê hương của Mác-Lê, cùng với tất cả các nước CS Đông Âu đã can đảm dứt khoát khai trừ chủ thuyết này, đưa con hoang mất dạy sanh trường tại Liên Xô. Trung Quốc và Việt Nam còn ngoan cố nâng niu nuôi dưỡng đứa con, bệnh hoạn, tật nguyên này cho tới khi nó chết, hoặc bị đầu độc, hoặc tự hủy diệt. Trung Quốc đặt tên mới cho nó: *xã hội chủ nghĩa theo màu sắc Trung Quốc*, còn VN đặt tên: *kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Nhiều chuyên gia chánh trị giải thích rằng với dân số quá đông, đất đai quá rộng, việc ổn định chánh trị Trung Quốc rất cần thiết cho sự phát triển kinh tế. Do đó họ hiểu được nếu CS Trung Quốc tiếp tục lâu dài đường lối phi dân chủ hiện thời. Còn ở VN ta, tại sao CS không khai trừ đứa con lai căng tật nguyên này, như các nước Đông Âu? Có lẽ một phần vì bị người anh phía Bắc buộc phải theo đường lối của họ, và một phần vì lòng ham quyền cố vị của những người đang cầm quyền. Dầu sao đi nữa, vì bị bệnh nan y, đứa con hoang mất dạy này sẽ chết sớm ở VN, sớm hơn ở Trung Quốc. Nhưng

chết bằng cách nào, và lúc nào? Thật là một câu hỏi khó trả lời vì có tánh cách thiên cơ bất khả lậu!

Vào năm 1945, lúc bắt đầu tranh đấu, ông Hồ long trọng tuyên bố không có gì quý hơn độc lập tự do. Ông có hứa với nhân dân rằng mục đích cuộc đấu tranh là đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc, công bằng cho họ. Ông chết sớm năm 1969, trước khi đất nước được đảng ông thống nhứt nghèo đói và bạo lực. Từ năm 1975 đến nay, 37 năm rồi, người dân tìm mãi tự do, dân chủ, công bằng, như ông long trọng cam kết với quốc dân, mà không thấy, chỉ thấy những điều ngược lại! Vậy thì **đàn cháu ngoan của Bác ở đâu?** Là thừa kế chánh thức, các người có bổn phận trả nợ cho Bác mình. Món nợ mà ông còn thiếu, chưa trả cho nhân dân từ khi đất nước được thanh bình, là **dân chủ, tự do, công bình**. Nếu không được trả, ông mang tiếng là người nói láo với dân tộc mình. Quốc dân có quyền đòi nợ ông nơi các người. Dù có bị Trung Quốc chen ép tới đâu đi nữa, các người cũng phải can đảm tự tìm ra cho mình một đường đi để trả xong món nợ. Chừng đó, dân tộc sẽ sống trong sự hài hòa, hai bên không còn chống đối, chửi bới nhau như ngày nay. Nhờ vậy, sức mạnh của 88 triệu người trong nước cộng với 3 triệu ở hải ngoại, sẽ tăng thêm gấp bội. Nếu nợ không được trả, vì các người tiếp tục tham quyền cố vị, vì khiếp sợ phục tùng mệnh lệnh người anh láng giềng, chừng đó nhân dân VN sẽ đứng lên đòi nợ, nhằm lật đổ chế độ CS đầy đầy bất công, để tìm lại tự do dân chủ, giống như những biến cố « **mùa xuân Á-Rập** » đã xảy ra năm 2011.

Huỳnh khắc Sĩ

Tài liệu tham khảo :

Vũ Quốc Thúc . Thời đại của tôi (cuốn I.2010 và cuốn II.2011)

Bùi Diễm . Gọng kìm lịch sử.2000

Tiêu thị Mỹ . Mưu lược Đặng Tiểu Bình.1996.

Minh Võ . Hồ Chí Minh : nhận định tổng hợp.1997.

Lâm văn Bé . Con cháu các cụ.12/2011

Michel Cormier . Les héritiers de Tianmen.2011

Alain Dubuc . Les démons du capitalisme.2009

Tài liệu tham khảo trên các trang mạng

ODA, FDI: NỢ CÔNG VÀ THAM NHƯNG Ở VIỆT NAM

Lâm Văn Bé

Tháng năm 1975, các dép râu nón cối từ Trường Sơn, từ các hầm hố chui ra, từ miền Bắc xã hội chủ nghĩa tràn vào miền Nam «Mỹ Ngụy». Những người chiến thắng ngồi chồm hổm trên xe, nuôi heo trên cao ốc, ngỡ ngàng trước cảnh sống tự do sung túc mà đã 30 năm họ chưa bao giờ được trông thấy. Họ vợ vệt của cái của người dân miền Nam, và trong hành trang mang về quê quán, ít nhất có ba bảo vật mà họ hằng mơ ước là chiếc xe đạp, chiếc đồng hồ và cái radio (đạp-đồng-đài). Từ năm ấy, Cộng Sản đã thống nhất nghèo đói và chế độ độc tài trên toàn cả nước Việt Nam.

Để cứu giúp Việt Nam thoát ra khỏi tình trạng chậm tiến và bần cùng, tháng 11 năm 1993, một số quốc gia phát triển và các quỹ tiền tệ quốc tế họp tại Paris để chấp nhận tài trợ cho Việt Nam với chương trình ODA và trước đó vài năm, một số doanh thương ngoại quốc cũng đã bắt đầu đem vốn đến Việt Nam đầu tư dưới dạng FDI.

Ngoại tệ ào ạt đổ vào Việt Nam. Một số hạ tầng cơ sở được trùng tu phát triển, các tòa nhà chọc trời của giới tư bản được dựng lên tại các thành phố lớn. Bộ mặt của xã hội chủ nghĩa đã nhanh chóng đổi thay cùng nhịp với sự thay hình đổi dạng của các cán ngố. **Một giai cấp mới tư bản đồ xuất hiện, làm giàu với một vận tốc phi mã bằng tham nhũng trên số ngoại tệ tài trợ và tài sản quốc gia**, khiến đất nước bên ngoài trông có vẻ «văn minh» hơn, nhưng che giấu bên trong một thực trạng phân cách giàu nghèo trầm trọng, số nợ công thêm chồng chất và vụ thất thoát 5 tỷ mỹ kim của công ty Vinashin là điển hình của chánh sách tham nhũng và bạo lực của Việt Nam hôm nay.

Bài viết đề cập đến một vấn đề tuy «đã nghe, đã đọc», nhưng những con số kinh hoàng sẽ giúp độc giả biết rõ hơn một hiểm họa đè nặng trên vai của nhiều thế hệ người Việt về những món nợ công mà tập đoàn tham nhũng cộng sản từ nhiều thập niên qua đã vợ vệt tận tình.

Phần 1 . ODA

ODA là chữ đầu của cụm từ **Official Development Assistance** là chương trình tài trợ của các nước giàu, các quỹ tiền tệ quốc tế giúp cho chính phủ các nước chậm tiến để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Số tiền tài trợ thường dưới hai hình thức là cho vay không phải hoàn lại, gọi là viện trợ và cho vay với lãi suất nhẹ, thường dưới 3%, thời gian cho vay dài hạn (30-40 năm) với ân hạn khoảng 10 năm. Trong thời gian 10 năm ân hạn chỉ phải trả tiền lời, đến năm thứ 11 thì mới bắt đầu phải trả lời lẫn vốn. Tùy theo tình trạng kinh tế của nước nhận tài trợ, số tiền viện trợ thường chiếm khoảng 20-25% trong tổng số tiền tài trợ.

Sự giúp đỡ này, tuy đem lợi ích cho các nước nghèo, nhưng cũng góp phần cho **các nước tài trợ** những lợi ích kinh tế, chính trị và chiến lược trong thời gian tài trợ và sau đó.

Về kinh tế, nước nhận tài trợ phải chấp nhận bỏ dần hàng rào quan thuế, dành ưu tiên cho hàng hóa của nước tài trợ. Trường hợp như VN là nước nhận nhiều tài trợ nhất của Nhật Bản, VN phải nhập cảng ưu tiên xe hơi và các dụng cụ, máy móc của Nhật. Tuy nước nhận tiền ODA, trên nguyên tắc, có toàn quyền sử dụng và quản trị các dự án tài trợ, nhưng trong thực tế, sự tham gia của các chuyên viên, nhiều khi cả nhân công của nước tài trợ trong

các giai đoạn chuẩn bị và thực hiện, là điều kiện cần thiết để dự án được dễ dàng chấp thuận. Ngoài ra, các nguyên liệu, trang bị cung cấp cho dự án cũng phải mua ưu tiên từ nước tài trợ, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí hành chánh được tính trong số tiền tài trợ hay viện trợ.

Về lãi suất cho vay, tuy ưu đãi, nhưng số tiền lời và vốn khi trả nợ tăng lên rất nhiều vì phải tính thêm tỷ lệ phá giá đồng bạc của quốc gia thiếu nợ. Một yếu tố khác còn tác hại hơn là nợ phải trả bằng USD, điều này sẽ đưa đến việc tăng nợ vì khác biệt hối suất giữa đồng tiền của nước cho vay và đồng tiền đổi ra là USD. Việt Nam nợ Nhật Bản nhiều nhất, đồng yen là đồng tiền mạnh, do đó khi đồng tiền yen tăng giá, VN phải trả phần phụ trội giữa đồng yen và đồng bạc VN, cộng thêm phần phụ trội giữa đồng yen và USD.

Về **chiến lược**, ODA là một lợi khí chính trị và an ninh quốc phòng cho nước cung cấp ODA, thí dụ như Hoa Kỳ cung cấp mỗi năm trên 5 tỷ ODA cho Do Thái và Ai Cập cốt là để bảo đảm sự có mặt của Hoa Kỳ trong vùng đất chiến lược này.

ODA Việt Nam

Cho đến nay, VN là một trong 5 quốc gia đứng đầu trên thế giới tiếp nhận ODA của 51 nhà tài trợ trong đó có 28 nhà tài trợ song phương (quốc gia tài trợ trực tiếp cho VN) và 23 nhà tài trợ đa phương (các quỹ tiền tệ, các cơ quan quốc tế). Ngoài các quốc gia thuộc khối OECD (Organisation for Economic Co-operation and Development gồm 34 quốc gia hậu kỹ nghệ và phát triển trên thế giới) còn có Trung Quốc và vài quốc gia khối Liên Xô cũ (Nga, Hung Gia Lợi, Serbia). Nhật là quốc gia tài trợ ODA nhiều nhất cho VN trong số các nhà tài trợ song phương, chiếm 30% trong tổng số ODA cho VN. Ngân Hàng Thế giới (WB=World Bank) đứng đầu trong số các nhà tài trợ đa phương với 14 tỷ USD, chiếm 20% ODA. Về viện trợ không hoàn lại, Pháp là quan trọng nhất, kế là Đan Mạch. Trung bình, mỗi năm VN nhận được khoảng 2 tỷ, những năm gần đây tăng lên đến hơn 5 tỷ. **Cho đến cuối năm 2011, tổng số tài trợ cam kết cho Việt Nam lên đến hơn 64 tỷ USD, số giải ngân hơn 34 tỷ, chiếm 53% tổng số ODA cam kết** (theo Vụ Kinh Tế đối ngoại, Bộ Kế hoạch Đầu tư).

Trong phiên họp giữa các nhà tài trợ và VN ngày 6 tháng 12 năm 2011 tại Hà Nội, Bộ Trưởng

Kế hoạch Đầu tư Bùi Quang Vinh đã tuyên bố : *«Tổng đầu tư xã hội vẫn còn phải tăng lên do nước ta còn nghèo đang phát triển, nhu cầu về hạ tầng rất lớn và **nợ công** ở mức cao hiện nay, **tiết giảm đầu tư công** từ ngân sách nhà nước là một trong những biện pháp mà chính phủ quyết tâm theo đuổi.*».

Nợ công mà ông bộ trưởng đề cập đến là mối lo âu không phải cho chính phủ của ông mà cho cả nhiều thế hệ người Việt. Đại diện của Ngân Hàng Thế Giới (WB) tại VN đã tuyên bố trong hội nghị là *«Tổng số nợ công của VN ước lượng bằng 57% GDP trong đó nợ chính phủ là 46%, nợ được chính phủ bảo lãnh là 11%. Ngoài ra, còn phải kể thêm nợ của khu vực ngoài quốc doanh bao gồm các khoản vay của doanh nghiệp nhà nước và tư nhân không được chính phủ bảo lãnh lên đến 11%»*. (Báo cáo của NHTG tại Hội Nghị các nhà tài trợ cho VN, 6/12/2011). **Như vậy, theo WB, tỷ lệ mắc nợ của VN đến cuối năm 2011 là 68%.**

Nhưng theo tiến sĩ Lê Đăng Doanh, nguyên Viện Trưởng Viện Quản Lý Kinh tế Trung ương ở Hà Nội, tổng số nợ công của VN cao hơn rất nhiều so với con số của WB ước tính. *«VN hiện nay đang nợ 15 quốc gia và 8 tổ chức quốc tế, chưa kể các ngân hàng thương mại và các tư nhân nắm các trái phiếu mà chính phủ phát hành bằng ngoại tệ trị giá 1 tỷ mỹ kim trong năm 2010. Tính đến năm 2010, VN nợ nước ngoài 32,5 tỷ, chiếm 42,2% GDP và số nợ này tăng thêm hàng năm, chỉ trong 5 năm từ 2005 đến 2010, nợ nước ngoài của VN đã tăng gấp đôi. Năm 2011, nợ công là 58,7% GDP. Ngoài nợ của chính phủ vay, chính phủ còn bảo lãnh nợ cho một số công ty quốc doanh như vậy **tính tổng số nợ công và nợ của công ty quốc doanh thì nợ của VN đã trên 100% GDP**»* (nguồn : VN nợ nước ngoài 32,5 tỷ. BBC ngày 15/8/2011).

Theo khuyến cáo của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), tỷ lệ vay nợ của một quốc gia không nên vượt quá 50% của GDP để bảo đảm sự ổn định của nền kinh tế. Tuy nhiên, tiềm năng kinh tế, mục đích vay nợ và cách sử dụng nợ là điều quan trọng hơn. Trường hợp một số quốc gia có tỷ lệ vay nợ cao so với GDP như Nhật Bản 200%, Pháp 87%, Canada 82%, Hoa kỳ 69% nhưng vẫn được xem là những quốc gia có nền kinh tế vững mạnh bởi lẽ họ vừa là con nợ mà cũng vừa là chủ nợ. Ngoài

ra, cơ cấu kinh tế, tài nguyên thiên nhiên, trình độ nhân lực và kỹ thuật của các quốc gia này đảm bảo sự phát triển kinh tế và dĩ nhiên khả năng trả nợ. Trái lại, một số quốc gia khác như Ý, Hy Lạp có nợ công cao (Hy Lạp : 135%, Ý : 120%) vừa bị khủng hoảng tiền tệ, hỗn loạn kinh tế trong mùa hè 2011, bởi lạm phát, cơ cấu sản xuất yếu kém và dân chúng mất niềm tin về khả năng lãnh đạo của chính phủ. *(Những thống kê trên dựa vào The Economist. The Global debt clock)*

Đối với VN, bởi lẽ nợ công đã vượt quá «ngưỡng an toàn» mà tiềm năng kinh tế cũng như khả năng quản trị còn yếu kém, đặc biệt tham nhũng đã trở thành một quốc nạn, vấn đề nợ công đang là một đe dọa lớn cho sự ổn định kinh tế xã hội và là một gánh nặng cho nhiều thế hệ phải trả món nợ này.

1- Tổng số nợ công VN

Bảng 1 : Số nợ công của VN năm 2010

Cơ quan	Tổng số (tỷ USD)	% GDP
Economist	50.7	51.7
Factbook of CIA	32.8	57.1
World Bank	35.1	56.6
Bộ Tài Chính VN	32.5	42.2

Về tổng số nợ công của VN, các thống kê công bố những con số không hoàn toàn giống nhau bởi định nghĩa nợ công và phương pháp sưu tập dữ liệu không giống nhau, nhưng các cơ quan quốc tế đều đồng thuận trên một điểm là tỷ lệ nợ công của VN đã vượt quá 50% GDP vào năm 2010.

Riêng với VN, Bộ Tài Chính công bố chỉ có 42.2% bởi lẽ VN là một trong số rất ít quốc gia trên thế giới không công nhận nợ của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là nợ công. Điều cũng dễ hiểu vì sinh hoạt kinh tế của VN chủ yếu dựa vào các DNNN, chính phủ phải bơm tiền thường xuyên cho các DNNN vì làm ăn luôn thua lỗ do tham nhũng và lãng phí.

Hiện nay, VN có 4200 DNNN được nhà nước bỏ vốn đầu tư 100% hay một phần. Với các doanh nghiệp được nhà nước bỏ vốn một phần thì phải

đi vay vốn ở các ngân hàng trong nước hay ngoài nước theo nguyên tắc **tự vay tự trả**, chính phủ không có trách nhiệm gì về số nợ này. Về điểm này, đảng Cộng Sản VN thực mưu mô khi lập ra các DNNN **trách nhiệm hữu hạn một thành viên**, không có Hội Đồng Quản Trị, chỉ giao cho một thành viên làm chủ mà không ai khác hơn là bề đảng. Sau khi đi vay vung vít, chia nhau tâu tán tài sản của công ty rồi khai lỗ, phá sản, quỵt nợ, nói vắn vè theo ngôn từ cộng sản là khoan nợ. Vụ kiện của công ty Elliot Advisors tại Tòa Án Anh Quốc khởi tố công ty nhà nước Vinashin đòi phải trả 600 triệu mà Vinashin đã vay hồi năm 2007 với sự «ủng hộ» (support) của chính phủ, nhưng chính phủ từ chối trả nợ vì ủng hộ không phải là bảo lãnh (co-sign). Đó là trò chơi chữ trong các văn kiện pháp lý và các diễn từ, sở trường của cộng sản.

Đoạn văn sau đây đăng trong báo điện tử «An Ninh Thủ Đô», cơ quan thông tin của TP Hà Nội khiến người đọc phải kinh hoàng như cái tựa. «**Hiện nay cả nước có trên 1200 DNNN là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Trong năm 2009, theo báo cáo của Chính phủ gửi Quốc Hội ngày 1-11-2010 thì nợ của 81/91 tập đoàn, tổng công ty nhà nước (chưa tính Vinashin) là 813 435 tỷ đồng (khoảng 40 tỷ USD) Nếu tính cả nợ Vinashin, theo báo cáo của Bộ Tài Chính là 86 000 tỷ đồng (khoảng 4.3 tỷ USD) thì nợ của khu vực DNNN đến 2009 không kể 10 tập đoàn, tổng công ty chưa có số liệu đã lên đến 54.2% GDP năm 2009....Theo số liệu của Ngân Hàng Thế Giới, hiện các DNNN chiếm tới 60% tín dụng của ngân hàng, đặc biệt, mức nợ của DNNN đang chiếm đến 70% nợ xấu các ngân hàng. Tính đến hết tháng 8-2011, nợ xấu toàn ngành ngân hàng ở mức trên 76 000 tỷ đồng (khoảng 3.5 tỷ USD) và có xu hướng tăng**» (Nguồn : Những con số kinh hoàng /An Ninh Thủ Đô 26/11/2011). **Chú thích :** con số bằng mỹ kim trong dấu ngoặc là của người viết.

Đó là một trong những lý do giải thích tại sao nợ của các doanh nghiệp nhà nước không được chính phủ kể là nợ công, và tuy mắc nợ đã hàng chục năm, VN chỉ mới ban hành «Luật Nợ Công» vào năm 2009 và vẫn đứng bên ngoài của những luật lệ tài chính quốc tế. Những dự án tái cấu trúc DNNN, bài trừ tham nhũng do thủ tướng Nguyễn

Tân Dững hô hào mà các chuyên viên kinh tế thành tín như Bùi Ngọc Sơn cho là hiện tượng «tráo đầu lừa lau cho sạch», vụ kiện Vinashin và những scandales tham nhũng ODA liên tục xảy ra từ nhiều năm nay và vẫn tiếp diễn đã làm mất uy tín VN trên thị trường tín dụng thế giới. Alain Cany, Chủ Tịch Phòng Thương Mại Âu châu tuyên bố: *Niềm tin của giới đầu tư châu Âu đối với VN đang suy giảm* (BBC 1/12/2011. VN bớt hấp dẫn với nhà đầu tư)

2- Nợ công tăng với tốc độ lũy tiến

Nợ công VN tăng rất nhanh, chỉ trong 10 năm, từ 2001 đến 2010, số nợ công đã tăng từ 8.5 tỷ đến 50.7 tỷ, đặc biệt những năm gần đây, mỗi năm tăng từ 5 đến 10 tỷ.

Theo ước tính của báo kinh tế *The Economist*, tổng số nợ công của VN vào năm 2010 là 50.7 tỷ USD, chiếm 51.7% GDP. Nếu tính theo lợi tức đồng niên trung bình của mỗi người dân là 1160 USD theo thống kê của WB, thì năm 2010, mỗi người dân VN phải nợ 50% trên lợi tức đồng niên. Nhưng phải hiểu rằng hơn 70% người Việt sống ở nông thôn, lợi tức rất thấp, VN hôm nay có 23% người dân sống dưới ngưỡng nghèo tuyệt đối theo chỉ số của WB (1.25 USD/ngày). Theo Bộ Xã Hội và Thương Binh Việt Nam, ngưỡng nghèo năm 2011 áp dụng ở thành phố là 6 triệu đồng /năm (300 USD) và ở nông thôn là 5 triệu đồng (250 USD), như vậy, hiện nay tỷ lệ nợ công đã gấp 4 lần lợi tức đồng niên của người nghèo. Với khuynh hướng gia tăng nợ lũy tiến, vào năm 2020, người nghèo phải làm việc 10 năm mới đủ để trả nợ công một năm. Ngoài ra, cũng cần biết là ODA dành ưu tiên cho các quốc gia nghèo, và khi mức lợi tức đồng niên của quốc gia đạt đến mức trên 1000 đồng, như trường hợp VN hôm nay, số tiền viện trợ sẽ giảm xuống và số tiền cho vay sẽ tăng lên trong tổng số tài trợ, lãi suất ưu đãi cũng cao hơn, Việt Nam sẽ phải đối diện với nợ công chồng chất trong những năm tháng sắp đến mà không biết bao nhiêu thế hệ mới trả hết.

Bảng 2 : Nợ công tính theo GDP và lợi tức đầu người từ năm 2001 đến 2010

	Tổng số (tỷ USD)	Dân số (triệu)	Nợ/người (USD)	% GDP	Lợi tức/ người	% lợi tức
2001	8.5	79.7	107	26.7	410	26.1
2002	12.8	80.6	159	37.6	430	37
2003	15.4	81.5	189	40.4	480	39.3
2004	18.5	82.4	225	42.3	550	41
2005	22.2	83.3	267	43.7	630	42.3
2006	26.7	84.2	317	45.4	700	45.2
2007	33.3	85.1	395	48.9	790	50
2008	40	86	464	48.9	920	50.4
2009	45.1	86.8	521	51	1030	50.5
2010	50.7	87.6	579	51.7	1160	50

Nguồn :The Global Public debt clock 2010
World Bank : GNI per capita /Atlas method

3- Hiệu quả và hậu quả của ODA

Trong gần 20 năm qua, kể từ 1993, tuy ODA đã giúp cho VN trùng tu và phát triển một số hạ tầng cơ sở, giảm bớt tỷ lệ dân số nghèo đói, nhưng những thành quả của ODA mang lại cho VN xét ra khiêm

tồn hơn so với số nợ quá cao mà VN phải trả. Lý do của tình trạng này phát xuất từ cả hai phía, từ phía các quốc gia tài trợ ODA và từ phía Việt Nam.

*** Về phía các quốc gia tài trợ ODA**, vì những thuận lợi và quyền lợi cho họ, nhiều dự án tài trợ không nhất thiết phù hợp với ưu tiên nhu cầu kinh tế và xã hội của VN.

- Các số dự án rất tập trung vào một số ngành, thí dụ như riêng ngành giao thông chiếm đến 64% dự án trong đó có 8 quốc gia tài trợ. Sự kiện này tạo ra tình trạng quá tải trong việc quản trị các dự án, nhất là ở các địa phương mà khả năng nhân lực còn yếu kém và tệ nạn tham nhũng, phép vua thua lệ làng làm thất thoát công quỹ.

- Sự phân phối ODA cũng không đồng đều, nhiều địa phương nghèo cần nhiều đến ODA thì lại ít nhận được ODA. Bảng thống kê sau đây xác nhận tình trạng nghịch lý này.

Bảng 3 . Phân phối ODA theo vùng

Vùng	% vốn ODA	US\$/đầu người
Trung du và miền núi Bắc Bộ	8.07	33.98
Đồng bằng sông Hồng	13.69	18.42
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	12.82	52.46
Tây Nguyên	4.43	21.86
Đông Nam Bộ	15.62	25,4
Đồng bằng sông Cửu Long	9.36	11.19
Liên vùng	36.01	

(Bộ Tài Chánh. Báo cáo đánh giá các chương trình dự án ODA giai đoạn 2000-2007)

Bảng thống kê cho thấy Vùng Trung du và miền núi Bắc bộ, vùng Tây Nguyên và vùng Đồng bằng sông Cửu Long là những vùng nghèo khó, nhưng lại nhận được ít ODA hơn vùng trù phú nhất của VN là vùng Đông Nam Bộ.

- Một phần lớn viện trợ không phải nhận được bằng tiền mà bằng dịch vụ. 65% ngân khoản viện trợ được tính trên tiền thuê chuyên gia cố vấn và 35% trên chi phí quản lý (11% đào tạo nhân viên, 8% hội thảo, 5% khảo sát, 5% thông tin và 6% chi phí sinh hoạt). Thì ra, tiền viện trợ trong gần như tất cả các dự án là chi phí hành chánh và quản trị có lợi cho phía nhà tài trợ và sự lạm dụng, tham nhũng trong các mục này là điều dễ xảy ra trong hệ thống công quyền nhà nước Việt Nam. Tiền sĩ Bùi Kiến Thành (con của BS Bùi Kiện Tín, chuyên gia kinh tế người Mỹ gốc Việt, có thời làm cố vấn kinh tế cho Võ văn Kiệt lúc VN mới bắt đầu mở cửa) cho biết *Nhật buộc thuê kỹ sư Nhật, có trường hợp đắt hơn giá thị trường 20-30% (info.vn.kinh-te/chinh-sach/)*.

*** Về phía Việt Nam**, tệ nạn tham nhũng, thiếu khả năng quản trị và lãng phí tiền tài trợ là những yếu tố quan trọng nhất trong việc sử dụng ODA.

- Vấn đề tham nhũng luôn là đề tài trong các phiên họp giữa VN với các nhà tài trợ. Trong phiên họp ngày 29/11/2011 tại Hà Nội, đại sứ các nước tài trợ đã có những chỉ trích trực tiếp và nghiêm khắc với Ủy Ban Chống Tham Nhũng Việt Nam. Đại sứ Thụy Điển và Tân Tay Lan yêu cầu VN phải đẩy mạnh tinh thần minh bạch, có sự tham dự của các tổ chức dân sự độc lập trong Ủy Ban Chống Tham Nhũng. Đại sứ Canada phát biểu là tham nhũng vẫn chưa giảm bớt và quyền tiếp cận thông tin phải là quyền đương nhiên của người dân và báo chí chứ không phải là một đặc ân. Đại diện Liên Hiệp Âu Châu (EU) cho biết luật lệ chống tham nhũng và thực tế có một khoảng cách lớn. Đại diện Ngân Hàng Á Châu, nhà

tài trợ đa phương thứ hai sau WB thì quyết liệt hơn với chính phủ VN: *“Tham nhũng đã tác động đầu tư công từ lúc lập dự án tới khi phát triển dự án. Đánh giá của chúng tôi cũng cho biết các dự án từ trung ương đến địa phương đều có khiếm khuyết, thông đồng nhau trong việc đấu thầu. VN đang có dự án giảm đầu tư công, nhưng tôi cho rằng phải giám sát những đầu tư công”*.

(Nguồn : Người đứng đầu tham nhũng còn chưa nhiệt tình. Dantricom.vn ngày 29/11/2011).

Thực là nhục nhã khi các nhà tài trợ, sau nhiều lần cảnh cáo, đã không kèm giữ được ngôn ngữ ngoại giao trước một con nợ không biết xấu hổ như VN.

Về điểm này, trong khi báo cáo của chính phủ luôn có những từ ngữ muôn thuở như «triển khai tốt, đánh giá cao, tiến độ vượt bậc...» một số các kinh tế gia có thành tín, ưu tư với vận mệnh đất nước đã công khai nói lên thực trạng nghiêm trọng của nợ công.

Tiến sĩ Bùi Kiến Thành, trong cuộc phỏng vấn báo Tiền Phong, có đoạn ông đã nói : *«... Ở VN có vấn đề cực kỳ nghiêm trọng là nạn tham nhũng và rút ruột các công trình đầu tư từ nợ công. Theo báo cáo của Quốc Hội, công trình nào cũng bị rút ruột 5, 10, 20 thậm chí đến 30%. Con đường người ta làm chạy được 20-30 năm thì mình làm chỉ chạy được 3-4 năm đã phải đào xới lên sửa chữa... Nếu nợ công tiếp tục tăng cao mà mình không có khả năng trả nợ thì có thể dẫn đến vỡ nợ như Hi Lạp...»*. (Nợ công là đại họa . Tienphongonline ngày 03/11/2011)).

Chẳng những phẩm chất xấu mà chi phí lại quá cao. Tiến sĩ Nguyễn Xuân Thành, giảng viên chương trình Kinh tế Fulbright nêu lên một trường hợp điển hình . *« Không kể các chi phí bồi thường đất, chi phí xây đường cao tốc TPHCM - Long Thành dài 55km với 4 làn đường tốn 930 triệu USD, tức 17 triệu USD cho mỗi km, trong khi đó, chi phí ở Mỹ chỉ có 1.4 triệu tức 5.6 triệu cho 4 làn. Ở Trung Quốc và Nigeria chỉ có 1 triệu. Chi phí ở VN quá cao, gấp 3 lần ở Mỹ khiến cho một dự án, dù cho có hiệu quả kinh tế vẫn có nguy cơ khó trả nợ và tăng nhiều nợ công »* (Nguồn : Làm con đường tốn gấp 3 lần Mỹ. VNexpress, 21/10/2011).

Tiến sĩ Vũ Thành Tựu Anh, Giám Đốc nghiên cứu Chương Trình Giảng Dạy Kinh Tế Fulbright

đã có nhận định tổng thể về ODA và nợ công của VN như sau : *«Theo tôi, nợ công của ta hiện nay có nhiều rủi ro. Rủi ro lớn nhất xuất phát từ việc đầu tư kém hiệu quả. Rủi ro thứ hai là một bộ phận rất lớn nợ công của doanh nghiệp nhà nước chưa được đưa vào thống kê nợ công. Rủi ro thứ ba là nợ công tăng quá nhanh trong khi thâm hụt ngân sách luôn ở mức rất cao »*.

Về rủi ro thứ nhất, ông Anh có nêu lên một thí dụ điển hình về việc sử dụng ODA theo quyền lợi chính trị của phe nhóm, của địa phương, bất chấp quyền lợi tối thượng của quốc gia. Đó là dự án xây Bệnh viện cấp vùng ở tỉnh Tiền Giang để giảm tải bệnh viện trung ương, và tuy dự án đã thành hình chờ thực hiện nhưng bị đột ngột cắt bỏ vì nhu cầu và nguyện vọng của dân cư vùng Đồng Bằng sông Cửu Long không đủ trọng lượng trước áp lực của một nhóm quyền lực khác muốn sử dụng đầu tư này cho địa phương được ưu ái và mạnh thế hơn. (Thanhnieonline.vn ngày 10/1/2012).

Những quan điểm của các kinh tế gia uy tín trên nói lên một thực trạng là các cấp lãnh đạo cộng sản đã sử dụng ODA như một phương tiện để làm giàu cho cá nhân và phe đảng.

Chuyện khôi hài là chánh phủ đi vay nợ của ngoại quốc để rồi đem cho vay lại trong nước, dùng tiền tài trợ với lãi suất kém đem cho các doanh nghiệp và địa phương vay với lãi suất cao hơn để lấy lời. Với quan niệm tiền tài trợ là tiền cho không, hay phải chờ đến 30-40 năm sau mới trả, các người có chức có quyền tranh nhau để lập dự án, tỉnh nào cũng lập sân bay, đường xa lộ, nhà máy làm đường tuy không phải là vùng đất trồng mía, nhà máy chế biến thủy sản ở vùng đất trồng lúa. Tiền ODA là của trời cho để các cấp lãnh đạo chia chác qua các dự án để sinh lợi trong chốc thời và khi quản trị kém vì thiếu khả năng, vì luật lệ chồng chéo không rõ ràng, các công ty vỡ nợ, các người trách nhiệm đổ lỗi cho nhau rồi giựt nợ.

Dân chúng không biết ODA là gì, chính phủ xem ODA là một bộ phận của ngân sách nên quản trị như tài sản quốc gia, mặc tình phung phí và vơ vét, và các nhà tài trợ, vì nguyên tắc không can dự vào nội tình chính trị của nước tài trợ, đành bất lực nhìn tài sản của nhân dân họ đóng góp để phát triển

các dân tộc nghèo lại rơi vào tay các nhà tỷ phú tham nhũng. Tuy đã biết vậy mà vẫn tài trợ, có khi còn tăng thêm tài trợ như Nhật Bản và WB, vấn đề nghịch lý này không thuộc đề tài phân tích của bài viết này.

-Về chuyện kém khả năng quản lý làm trì trệ dự án, gia tăng chi phí và chậm giải ngân, trường hợp điển hình là WB tài trợ cho tỉnh Bắc Giang một chương trình xóa đói giảm nghèo, nhưng phải chờ đến 2 năm mới đào tạo đủ cán bộ. Chuyện cầu đường đang xây hay sau khi khánh thành thì bị hư sập là chuyện quá quen thuộc đối với người Việt Nam, khiến Quốc Hội phải báo động và nêu lên con số thất thoát vì tham nhũng và sửa chữa lên đến 30%. Dĩ nhiên, trong một quốc gia mà dân biểu được chỉ định thì chuyện Quốc Hội lên tiếng là chuyện trang trí hay chỉ là tiếng nói lạc điệu của những đảng viên bất mãn vì không được chia phần.

Nợ công và tham nhũng đã đến hồi báo động, nhưng không phải chỉ liên hệ đến nguồn tài trợ ODA mà còn liên quan đến đến một khối ngoại tệ khác của tư bản ngoại quốc đổ vào Việt Nam để đầu tư gọi là FDI.

Phần 2 . FDI

FDI là chữ tắt của Foreign Direct Investment là chương trình ngoại quốc đầu tư trực tiếp vào Việt Nam sau khi Việt Nam ban hành luật đầu tư nước ngoài năm 1987 và sau khi Mỹ bỏ cấm vận VN vào tháng 2/1994 dưới thời Clinton. Lúc ban đầu, từ 1988 đến 2003, FDI thường hoạt động với số vốn đầu tư nhỏ, khoảng 10 triệu USD một dự án, chủ yếu liên doanh với các công ty nhà nước hay giữa các công ty nước ngoài đầu tư vào VN. Kể từ sau năm 2003 khi chính phủ VN tu chính luật đầu tư giành nhiều ưu đãi cho đầu tư nước ngoài, hình thức đầu tư 100% vốn ngoại quốc bắt đầu và cho đến nay khoảng phân nửa là liên doanh với VN và phân nửa là sở hữu hoàn toàn của ngoại quốc. Số vốn cam kết cho mỗi dự án cũng tăng lên hàng trăm triệu, có khi hàng tỷ USD.

Bảng 4. Đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép 1988-2010

Năm	Vốn đăng ký (triệu USD)	Vốn thực hiện (triệu USD)
1988-1990	1 601	
1991-2000	43 922	19 462
2001-2005	20 720	13 853
2006	12 004	4 100
2007	21 347	8 030
2008	71 726	11 500
2009	23 107	10 000
2010	18 600	11 500
Tổng số	213 627	78 445

Nguồn : Thống kê VN. Đầu tư nước ngoài

Qua bảng thống kê trên, FDI tăng nhiều từ năm 2001 đến 2008 nhưng từ 2009 thì sụt giảm mạnh vì khó khăn kinh tế vĩ mô của VN. Theo Bộ Kế hoạch Đầu tư, năm 2011 số vốn đăng ký là 14,7 tỷ, chỉ bằng 74% năm 2010 và hi vọng năm 2012 sẽ kèm giữ ở mức này. Điều đáng lưu ý là tổng số vốn đăng ký từ khi FDI bắt đầu năm 1988 cho đến năm 2010 là 213.6 tỷ USD, nhưng thực hiện chỉ có 78.4 tỷ, như vậy tỷ lệ giải ngân chỉ có độ 1/3 trên số vốn đăng ký, điều đó cho thấy FDI không hiệu quả trong việc đầu tư ở VN.

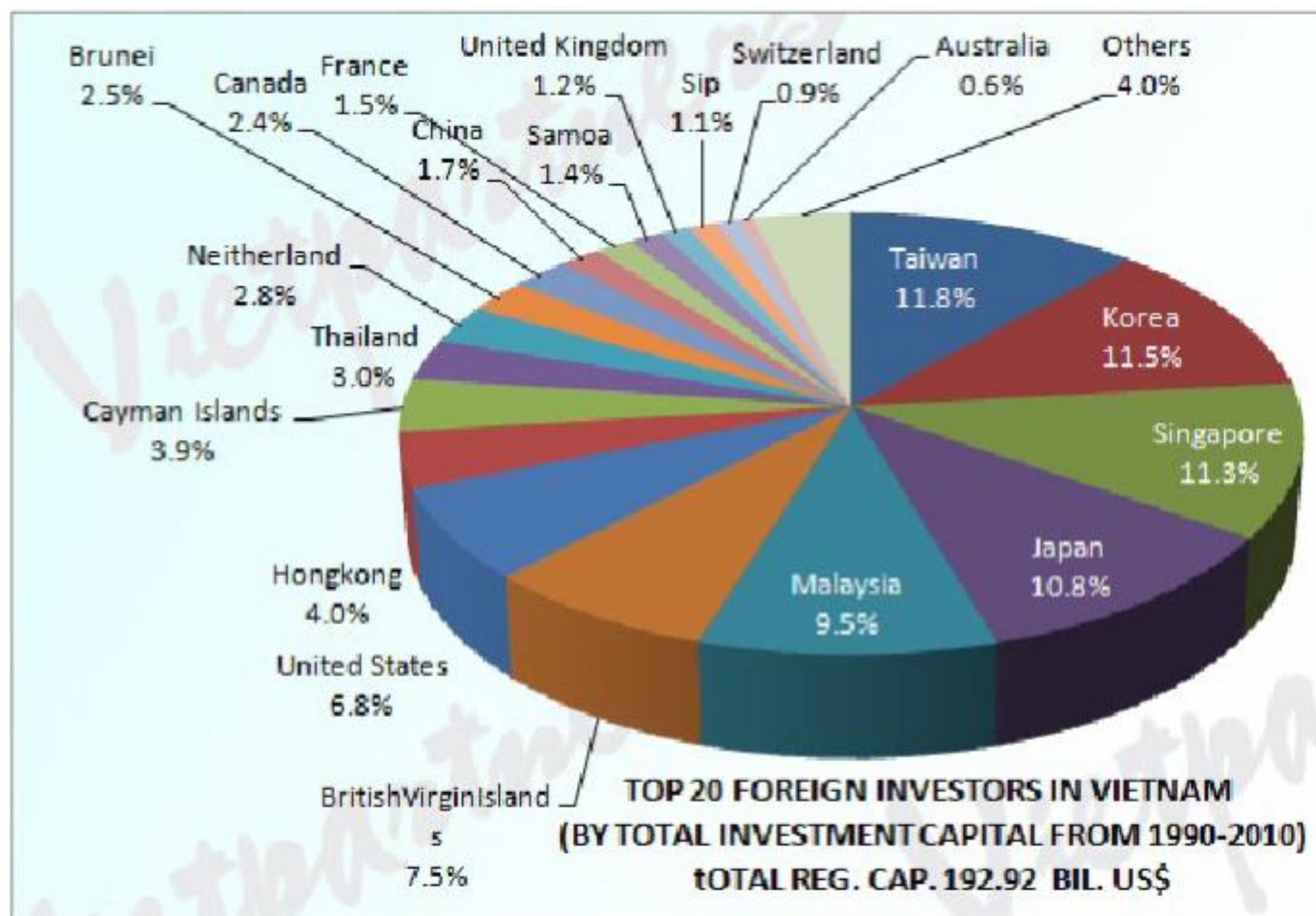
Một cách cụ thể hơn, hiệu quả của đầu tư thường được đo lường bằng chỉ số ICOR (Incremental Capital Output Rate), chỉ số càng cao thì hiệu quả đầu tư càng thấp. Năm 2005, chỉ số ICOR doanh nghiệp của VN là 5, có nghĩa là phải bỏ ra 5\$ vốn đầu tư mới thu được 1\$ sản lượng, đến năm 2009 tăng lên đến 8, trong khi đó chỉ số ICOR của Trung Quốc là 4, Nhật và Hàn Quốc là 3.2, Đài Loan là 2.8. Riêng các công ty quốc doanh VN, chỉ số ICOR là 12, cao nhất thế giới (có nghĩa là đầu tư kém nhất thế giới). Theo khuyến cáo của WB, chỉ số tốt là 3.

1- Số quốc gia đầu tư FDI từ 1990-2010

Có khoảng 60 quốc gia và lãnh thổ đầu tư vào VN, trong đó 5 quốc gia ở Đông Nam Á là Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore, Nhật và Mã Lai đứng

hàng đầu chiếm 55% tổng số FDI. Đầu tư Hoa Kỳ chỉ tăng nhiều từ sau khi VN với Hoa Kỳ ký kết hiệp định thương mại Việt-Mỹ năm 2001, số đầu tư của Hoa Kỳ tăng nhanh về số dự án và số tiền cho mỗi dự án, thường vài trăm triệu.

công tác giao phó. Năm 2011, công ty Nokia đã ký kết với VN thiết lập một nhà máy sản xuất điện thoại di động tại tỉnh Bắc Ninh với số vốn đầu tư 2 tỷ USD và khi dự án hoàn tất, nhà máy này sẽ là nhà máy thứ tư quan trọng ở Á Châu. Nhưng Nokia



Nguồn : FDI Việt Nam

2- Hiệu quả và hậu quả của FDI

Tuy FDI đã đóng góp vào GDP từ 13.3% năm 2000 đến 18.7 năm 2008 (theo Niên giám Thống kê 2008), giúp VN thoát ra khỏi tình trạng lạc hậu kinh tế, nhưng FDI cũng tạo ra những hậu quả không nhỏ trong một số lãnh vực, do đó FDI không phải là một nguồn ngoại tệ hữu hiệu để người Việt Nam đặt hết niềm tin.

- FDI thường đầu tư chủ yếu vào các ngành sản xuất loại lắp ráp, những sản phẩm gia dụng. Do đó, số tiền đưa vào VN để đầu tư lại trở ra ngoài để mua nguyên liệu, bộ phận rời, chính phủ mất thuế nhập cảng, và tư bản đồ lợi dụng để rửa tiền. Phương thức này chẳng giúp ích nhiều cho việc chuyển giao kỹ thuật, đào tạo chất xám cho chuyên viên VN.

Tuy nhiên, đối với các đại công ty thực tâm muốn kinh doanh, họ cũng phải bó tay vì VN không có sẵn một đội ngũ chuyên viên kỹ thuật đảm nhận

vấp phải một trở ngại lớn cũng như Intel trước đây khi thiết lập nhà máy trị giá 1 tỷ USD ở TPHCM là thiếu chuyên viên Việt Nam lành nghề. Báo cáo của Harvard Kennedy School đã viết : «*Với 2000 ứng viên, chỉ có 90 người đạt đủ tiêu chuẩn (5%) và sau cùng trong số này chỉ có 40 người có trình độ tiếng Anh đạt yêu cầu tuyển dụng. Intel xác nhận đây là kết quả tồi tệ nhất trong số các nước mà họ đầu tư*» (Memorandum Higher Education Task Force, November 2008, p.2).

Như vậy, khi ODA và FDI lập dự án và đem nhân viên vào VN làm việc, có khi là lạm dụng, có khi là chuyện chằng đặng dừng. Và ngay đối với loại kỹ nghệ lắp ráp, VN vẫn thiếu thợ chuyên môn. Cho đến nay, sau 20 năm, kỹ nghệ lắp ráp xe hơi chỉ đạt được 7% sản phẩm nội địa thay vì phải đạt được 30% theo như ước định vào năm 2006. Chính cơ cấu giáo dục đào tạo của chính phủ cộng sản là căn nguyên của tình trạng lạc hậu này.

- FDI có tạo công ăn việc làm cho khoảng 2 triệu công nhân VN tính đến năm 2010, nhưng không phải là nhân công mới tạo thêm mà chỉ là sự chuyển đổi từ các ngành thủ công nghệ, nông nghiệp. Điều tệ hại hơn là số nhân công này đa số là phụ nữ, giá nhân công rẻ, thậm chí còn lợi dụng dưới hình thức nhân công thử việc, học việc để dễ dàng sa thải, khỏi phải trả lương cao với thâm niên. Một số hãng xưởng thiết lập trên vùng đất nông nghiệp, phát sinh nạn chiếm đất, đầu cơ đất, làm công nhân điều đứng, mất nhà mất đất canh tác, khi bị thất nghiệp hay xí nghiệp đóng cửa vì làm ăn theo lối chộp giựt. **Trong viễn tượng này, FDI góp phần không nhỏ trong việc bần cùng hóa nông dân, gia tăng số người nghèo đói ở ven đô, hỗn loạn xã hội và tạo nên một giai cấp tỷ phú địa ốc mà đa số là đảng viên cộng sản hay họ hàng.**

- FDI đầu tư vào các ngành dễ sinh lợi mau chóng, đặc biệt ngành xây cất và địa ốc, chiếm 25% trong tổng số vốn FDI. VN hiện có khoảng 40 cao ốc tại Hà Nội và TPHCM là sở hữu 100% của ngoại quốc hay liên doanh với tư bản đô. Chỉ cần đan kể tòa nhà chọc trời cao nhất VN với 72 tầng ở Hà Nội tên là Keangnam Hanoi Landmark Tower là của tập đoàn tư bản Hàn Quốc, Bitexco Financial Tower 68 tầng ở TPHCM là của tập đoàn tư bản đô Bitexco. Từ năm 2006, tại TPHCM đã có những dự luật ngăn cấm việc xây cao ốc tại trung tâm thành phố để giảm bớt kẹt xe và ô nhiễm khí thải, nhưng chuyện luật lệ với cộng sản là trò đùa, FDI đang xây cất hay đang vẽ 30 dự án cao ốc trong những năm sắp tới cho TPHCM, Hà Nội, Đà Nẵng...

- Ngoài chuyện xây cao ốc, FDI chú tâm vào việc đầu tư ở những vùng thuận lợi giao thông, khí hậu tốt, có nhiều tài nguyên thiên nhiên trong khi những địa phương kém phát triển cần mở mang kỹ nghệ thì FDI lảng tránh. VN là quốc gia nông nghiệp, nhưng trong lãnh vực này, FDI chỉ tập trung vào một số ngành như chăn nuôi, chế biến thức ăn và trồng rừng. Về kỹ nghệ, tập trung vào các ngành khai thác như gỗ, khoáng sản, đặc biệt là thép, ciment, những ngành sản xuất làm tài nguyên cạn kiệt. Để trục lợi nhanh chóng, các công ty không chú trọng bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe nhân công, do đó khi FDI ra đi thì địa phương

phải lãnh đủ những hậu quả tai hại lâu dài mà lợi nhuận mang đến cho địa phương còn ít hơn các tổn thất để lại. Những vụ ô nhiễm các sông Thị Vải, sông Cầu, sông Nhuệ là điển hình.

- Các FDI có khuynh hướng sản xuất cho thị trường tiêu thụ VN thay vì để xuất cảng bởi lẽ dễ cạnh tranh với sản phẩm nội địa vì phẩm chất cao hơn, bán giá cao hơn và thu nhiều lợi nhuận. Làm như vậy, chẳng những FDI làm thương tổn các ngành kỹ nghệ, thủ công nghệ VN mà còn làm mất đi ngoại tệ xuất cảng, mục tiêu tối hậu khi cộng tác với FDI.

- Một số ngành mà FDI cạnh tranh nhau khai thác là cung ứng dịch vụ như resort, sân golf và đặc biệt là lập casino. Hiện nay, tại VN đã có 4 casinos hoạt động ở Đồ Sơn, Quảng Ninh (2) và Lào Cai. Một số dự án casinos có tầm vóc quốc tế với số vốn đầu tư 3-4 tỷ USD cho mỗi dự án **đang thực hiện hay sẽ thực hiện** trong thời gian sắp tới. Địa phương nào cũng muốn mở casino để hốt bạc, rửa tiền. Chỉ cần đan kể những dự án lớn: Hoàng Đồng (Lạng Sơn), New City (Phú Yên), Nam Hội An (Quảng Nam), Bà Rịa-Vũng Tàu với hai dự án Hồ Tràm Strip và Saigon Atlantic, Phú Quốc ở Khu Bãi Đá Chồng. Các dự án trên phần lớn do các quốc gia Á Châu đầu tư nhiều vào VN như Mã Lai, Singapore, Macau, Hồng Kong chủ trì. Hoa Kỳ và Canada cũng gia nhập vào kỹ nghệ này bằng dự án khu giải trí Hồ Tràm ở Xuyên Mộc (Cà Mau), đã bắt đầu khởi công từ tháng 8/2008 và dự trù hoàn tất năm 2015 sẽ có 5 khách sạn 5 sao, 2 casinos trong đó có 1 casino trên biển.

Tập đoàn Las Vegas Sands cũng đang thương lượng với các chóp bu cộng sản thành lập tại Saigon một đại khu giải trí gồm khách sạn, khu thể thao, casino, theo kiểu Las Vegas, dự án có thể lên đến 10 tỷ USD. Thành ủy TPHCM đã đồng ý, chỉ cần chờ Nguyễn Tấn Dũng bật đèn xanh. Vấn đề là Sheldon Adelson, chủ tịch của tập đoàn Las Vegas đòi phải cho dân VN «tiếp cận» với sông bạc. Chuyện sửa luật, đặt luật mới là chuyện dễ dàng nếu «các cụ» ăn chia sông phẳng với nhau. **Nhiều địa phương khác cũng lao nhao «chào mời» FDI đến xây dựng casino, đó là dấu hiệu sự trù phú của VN dưới mắt du khách ngoại quốc và Việt Kiều!**

- Nhiều doanh nghiệp FDI thu được nhanh

chúng nhiều lợi nhuận với những phương thức bất chính bằng cách thỏa hiệp với tham nhũng như khai gian vốn đầu tư, vay tiền của ngân hàng VN thay vì mang tiền vào, vay tiền của ngân hàng một số tiền cao hơn trị giá tài sản rồi khai phá sản hay bỏ trốn. Phần nữa số công ty FDI khai lỗ triển miên để xin miễn thuế và để chuyển giá, tình trạng mà giới doanh nghiệp VN gọi là «lỗ giả, lãi thật». Nhiều công ty bị rút giấy phép vì không thi hành cam kết, thí dụ như công ty liên doanh Bãi biển Rồng (Quảng Nam) của Vina Capital (Việt) và Global C&D (Mỹ) với số vốn cam kết là 4 tỷ USD, nhưng không chịu đóng ký quỹ 4 triệu, không bồi thường đất giải tỏa. Dự án Nhà máy thép và xây cảng Sơn Dương ở khu kinh tế Vũng Áng (Hà Tĩnh) với vốn đầu tư cam kết là 16 tỷ USD do Đài Loan liên doanh với VN, sau khi được chính quyền Hà Tĩnh trưng thu đất đai hàng ngàn mẫu giao cho công ty, chủ đầu tư lại đòi nhiều yêu sách mới như vay ngân hàng VN thay vì đem vốn vào, được giảm thuế... và sau cùng ngưng việc xây nhà máy năm 2010, nợ nhân công 4 tỷ đồng.

Trong cuộc thi đua những toan tính bất chính của FDI và tham nhũng, thành phần bị thiệt hại, tán gia bại sản vẫn là người nghèo, nông dân, bị mất đất, mất nhà khi các đại dự án bị hủy bỏ hay chậm lại. Chỉ cần đan kể vài đại dự án bị «bể» gần đây. Chỉ riêng tỉnh Phú Yên, có hai dự án đến hàng trăm tỷ USD: công ty SP Chemicals (Singapore) với dự án 11 tỷ, đặc khu kinh tế Phú Yên của Tập Đoàn Sama Dubai (các tiểu vương Á Rập) với dự án 250 tỷ. Ngoài ra, còn có dự án Nhà máy Thép Eminence (Mỹ) ở Thanh Hóa với vốn 30 tỷ, nhà máy thép Guang Lian (Đài Loan) ở Quảng Ngãi (5 tỷ), nhà máy thép Cà Ná (Ninh Thuận): 10 tỷ. Điểm cần lưu ý là số tiền nhiều dự án không lồ đến độ không tưởng (như dự án Sama Dubai), nhưng đó cũng là một lối lừa đảo của FDI để thu hút giới đầu tư trong nước với sự đồng lõa của cấp lãnh đạo cộng sản cốt để khoe thành tích, lừa dân cướp đất để bán cho FDI.

Hiện nay, tại VN có 65 dự án nhà máy gang thép (theo Vietnam Steel Corporation) đang thực hiện, sẽ thực hiện hay đã hủy bỏ. Trước đây, chỉ có nhà máy gang thép Thái Nguyên, có thời phải ngưng hoạt động vì không mua được quặng sắt, nay thì tỉnh nào ở miền Bắc cũng muốn có, thậm

chí Hà Tĩnh có 3 dự án, Thanh Hóa có 2 dự án. Lập nhà máy mà phải nhập cảng quặng sắt, các nhà máy phần lớn xa hải cảng, không có đường sắt chuyên chở, đó là lý do giải thích tại sao hai đại dự án ở Vũng Áng (Hà Tĩnh) và Eminence ở Thanh Hóa không tiến hành được sau khi chủ đầu tư đã vay các ngân hàng trong nước, được cấp hàng ngàn mẫu đất, xây cất qua loa để rồi ngưng dự án, đầu cơ đất..

Đó là một số mặt trái của tấm huy chương vàng về sự hợp tác kinh doanh của đảng cộng sản VN với FDI trong 20 năm nay. Vô quyết đây thì có móng tay nhọn, chánh phủ cộng sản VN đâu phải là siêu việt hơn các công ty FDI trong các mưu chước và ngang ngược.

Tuy nhiên, một số công ty tuân thủ theo các qui luật kinh doanh bắt đầu rút lui khỏi thị trường VN bởi những yếu tố thuận lợi mà họ nhắm vào lúc ban đầu không còn nữa cộng thêm với tình trạng tham nhũng lộng hành đã khiến họ mất niềm tin. Theo báo cáo năm 2010 của Cục Đầu Tư Nước Ngoài thuộc Bộ Kế hoạch Đầu tư, dựa theo sự khảo sát gần 1500 doanh nghiệp kỹ nghệ trong đó có 57% công ty có vốn FDI thì : *«động lực để các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào VN là khai thác thị trường và nguồn nhân công rẻ, nhưng những năm gần đây các yếu tố này đã mất dần sức hấp dẫn do trình độ nhân lực hạn chế trong khi nhu cầu tiêu dùng nội địa bị ảnh hưởng bởi khó khăn kinh tế. Chỉ có 8% trong số các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cho biết có ý định mở rộng đầu tư trong 3 năm tới »* (www.sggp.org.vn/kinhte/ FDI đang rút dần khỏi công nghiệp VN).

Về vấn đề mất niềm tin với luật lệ đầu tư VN, theo báo cáo *Doing Business in VN 2011*, Ngân Hàng Thế Giới xếp VN hạng 166 trong số 181 quốc gia về *chỉ số bảo vệ doanh nghiệp (Protecting investors)* liên quan đến các yếu tố như: thông tin trung thực cho cổ đông, khả năng các cổ đông kiểm soát Hội Đồng Quản Trị khi có hành động gian dối. Và khi phải giải quyết chuyện nợ nần trước tòa án VN, quả thật là nhiều khê. Về mục này, VN được xếp vào hạng 142. Bảng thống kê sau đây nói rõ điều này.

Bảng 5. Giải quyết nợ trước tòa án (Resolving insolvency)

	Việt Nam	Đông Nam Á	OECD
Thời gian (năm)	5	2.9	1.7
% thu tiền lại	16.5%	29.5%	68.2%

Nguồn : World Bank. Doing Business 2011: Measuring business regulations .

Các hoạt động của FDI vừa kể nhằm mục tiêu tự nhiên là đi tìm lợi nhuận, nhưng nếu có những lạm dụng gây tác hại cho nền kinh tế VN thì tác nhân cũng một phần phát xuất từ phía VN. Bởi lẽ luật lệ VN lỏng lẻo, cùng một luật mà mỗi cơ quan giải thích và áp dụng một cách khác nhau, chánh sách kinh tế thuộc loại «phi chánh sách» mà các quyết định thường dựa trên sức mạnh của phe đảng và sức nặng của phong bì, chưa kể các người cầm quyền là những người ít học, thiếu đạo đức thì làm sao mà ODA và FDI có thể mang lại phúc lợi trọn vẹn cho người dân được.

Phần 3. ODA, FDI và tham nhũng

Kể chuyện tham nhũng VN là vô tận, chúng tôi muốn thử tìm một con số khả dĩ ước lượng độ lớn của tham nhũng và lãng phí trong thời đại ODA và FDI. Ở VN có một cơ quan gọi là Ủy Ban Chống Tham Nhũng, nhưng đó chỉ là trình diễn vì trong một chế độ ai cũng tham nhũng thì ai kết tội được ai. Những con số của Ủy ban này thỉnh thoảng công bố là chuyện vẽ rồng vẽ rắn và những người bị đưa ra vành móng ngựa lãnh những bản án trọng trung là những kẻ bị thất sủng, làm ăn không khéo bị đem ra làm vật tế thần.

Về tỷ lệ tham nhũng, vài con số có thể kể đến. Trước tiên, lúc VN mới bắt đầu mở cửa, giới doanh thương muốn thông qua dự án thì phải tìm bà Mười Cẩm tên thật là Phan Lương Cẩm, vợ kế của Thủ tướng Võ văn Kiệt (bà vợ đầu đã chết trong chiến tranh). Tất cả dự án lớn nhỏ qua tay bà đều phải có «thủ tục đầu tiên» nhất định là 10% nên biệt danh của bà là Mười Cẩm. Năm 2008, khi công ty Nhật Bản PCI muốn thông qua một dự án do ODA Nhật tài trợ, Huỳnh Khắc Sỹ, sui gia của

Lê Thanh Hải, Thành Ủy TPHCM, đòi hồi lộ 15% sau sụt xuống 10%. Bị Nhật dọa cúp tất cả ODA, Nguyễn Tấn Dũng bắt buộc phải đưa Sỹ ra tòa. Như vậy, để được thông qua một dự án công, tỷ lệ hồi lộ chuẩn là 10%.

Trong những «lời qua tiếng lại» của một số đại biểu Quốc Hội, con số thất thoát vì tham nhũng xây cất xa lộ và sửa chữa lên đến 30% mà Tiến sĩ Bùi Kiến Thành có nhắc trong bài viết của ông . Nói tóm lại, dự án bắt đầu với 10% và kết thúc với 30% tham nhũng và thất thoát.

Trong số các nước tài trợ ODA cho VN có Phần Lan. Một nhóm chuyên viên nghiên cứu của United Nations University của quốc gia này đã làm một cuộc điều tra về tham nhũng bằng cách khảo sát chi tiết từ 2005 đến 2007 trên 1661 công ty lớn nhỏ ở VN. Bản báo cáo của trường đại học này có thể là tài liệu nghiên cứu khoa học nhất, cập nhật hóa nhất về tình trạng tham nhũng ở VN. Chúng tôi sử dụng một vài số thống kê sau đây liên quan đến tỷ lệ tham nhũng.

Bảng 6 : Độ lớn trung bình các loại hồi lộ của các công ty cho giới thẩm quyền(%)

Dịch vụ	Số công ty đóng tiền hồi lộ	% số tiền hồi lộ đã trả (trên trị giá dịch vụ)
Để có thông tin dịch vụ công	30%	10%
Để có được giấy phép	35%	7%
Để trốn thuế, giảm thuế	21%	10%
Để có hợp đồng chánh phủ	16%	15%
Để đối phó với quan thuế	25%	61%
Trung bình toàn thể		13%

Nguồn: Firm-level corruption in VN /John Rand. Helsinki : United Nations University, World Institute for Development Economic Research, 2010.

Từ những dữ kiện trên, chúng tôi phỏng định một tỷ lệ tham nhũng ở VN chiếm khoảng 20% của GDP. Ngoài ra, nếu sản lượng của ODA và FDI sung vào GDP, nhưng số tiền tài trợ ODA giải ngân (không kể tiền viện trợ, khoảng 20-25% số tài trợ) và số vốn FDI thực hiện (tức số vốn thực sự đầu tư) là những khối ngoại tệ khổng lồ mà tham nhũng VN xâu xé, chúng tôi cũng dùng tỷ lệ 20% áp dụng vào hai nguồn tiền này.

Bảng 7 . GDP, ODA giải ngân và FDI thực hiện từ 2001 đến 2010 (tỷ USD-số tròn)

Năm	GDP	ODA	FDI	Tổng số
2001	32.7	1.4	2.4	36.5
2002	35.1	1.3	2.6	39.0
2003	39.5	1.8	2.7	44.0
2004	45.4	1.8	2.8	50.0
2005	52.9	1.9	3.3	58.1
2006	60.9	1.8	4.1	66.8
2007	71.1	2.5	8.0	81.6
2008	91.1	2.6	11.5	105.2
2009	97.2	3.8	10.0	111.0
2010	106.4	3.5	11.5	121.4
T. số	632.3	22.4	58.9	713.6

Nguồn : Ngân hàng Thế giới (GDP và ODA); Thống Kê VN(FDI)

Tổng cộng GDP, ODA giải ngân và FDI thực hiện trong 10 năm (2001-2010) : 713.6 tỷ ; trung bình mỗi năm : 71.3 tỷ

Trung bình tham nhũng mỗi năm : 14.2 tỷ USD. (20% của 71.3 tỷ). Những năm đầu của thập niên thì số tiền tham nhũng ít hơn (thí dụ năm 2000 : 7.3 tỷ), những năm gần đây, bởi sản lượng tăng lên, số tiền tham nhũng cũng tăng theo (thí dụ năm 2010 : 24.3 tỷ).

Thay lời kết

ODA và FDI đã góp phần tạo ra những cảnh tượng và hình tượng đặc thù cho VN trong hai thập niên qua.

VN hôm nay có nhiều xa lộ, nhiều nhà chọc trời tối tân, nhiều con đường tráng nhựa và nhiều nơi có điện lực dẫn đến làng xã. Tuy nhiên, với đa số người dân trong nước, họ thờ ơ với những thay

đổi này, bởi họ vẫn quen thuộc với mái nhà dột, con đường lội nước. Cái cột điện dù cho ở trước nhà cũng là vật trang trí, mặc dù họ đã có đóng góp nhiều hơn giá tiền làm cái cột điện, và bởi họ không có tiền đóng gạo thì làm gì có tiền để mắc điện và trả tiền điện.

Một số người đi xa trở về, nhất là các Việt kiều khi nhớ lại cái thời xuôi ngược buôn bán chợ trời, lúc bị cầm tù phải lên rừng đốn củi đem về dựng chòi để ở, hay phải nằm trong đám lau sậy chờ giờ lên ghe để trốn chạy chế độ bạo tàn, thì hôm nay, sau khi đi du hí qua các thị thành, trở về đất định cư hết lời ca tụng đất nước hôm nay văn minh, giàu có hơn xưa. Họ có biết đâu đa số đồng bào của họ còn phải cam chịu sống lầm than trên vỉa hè, bên bờ kinh, và hơn 15 triệu người phải chấp nhận một lợi tức dưới 1,25 mỹ kim mỗi ngày, mức nghèo tuyệt đối theo chỉ số của Liên Hiệp Quốc.

VN hôm nay vẫn còn có cảnh dùng sức người thay trâu để bừa ruộng. Ngày mùng 6 tháng giêng năm nay, bà Hòe ở xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đã cùng với 3 cô con gái dùng sức người để bừa căn ruộng nhà vì không có tiền để mướn trâu.(www.khoahoc.net 4/2/2012))



Từ 20 năm qua, ODA và FDI đã đem ngoại tệ vào VN để giúp đỡ VN phát triển kinh tế và xã hội nhưng cũng đồng thời phát triển tham nhũng, tạo nên sự phân cách giàu nghèo một cách thô bạo. Một thiểu số giai cấp cầm quyền và tư bản đồ lên xe xuống ngựa, vùng tiền qua cửa sổ với những bữa ăn hàng ngàn mỹ kim, trong khi trẻ thơ phải lội sông băng suối để đến trường học, 4000 trẻ con và phụ huynh phải chờ chực mỗi buổi

sáng trong sân Bệnh Viện Nhi Đồng để được khám bệnh, và muốn được nhập viện phải trả tiền hồi lộ cho nhân viên các cấp.

Không, nước Việt Nam không giàu, không văn minh bởi lẽ những tòa nhà chọc trời là sở hữu của tư bản ngoại quốc và tư bản đồ, và những cư dân trong các tòa nhà ấy đa số là những người thuộc giai cấp thống trị hay làm ăn với giai cấp thống trị.

Giai cấp này thường dễ nhận diện. Từ khi VN mở cửa, các đảng viên Cộng Sản đã vứt bỏ dép râu nón cối, lột bỏ bộ y phục của người lãnh tụ tối cao của họ để thay bằng những bộ âu phục đắt tiền, những khăn choàng «hàng ngoại», xuất hiện trong các buổi họp với bó hoa trước mặt hay ôm trên tay và tuyên bố những lời sáo ngữ muôn thuở mà chẳng ai hiểu. Hãy nghe thông điệp đầu năm 2012 của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng : « *Phải chuyển nhận thức, quyết tâm hành động và quyết liệt để vượt qua sức ỳ của quá trình khởi động, đặt tiến trình phát triển của đất nước vào quỹ đạo mới...* ».

Giai cấp này là những triệu phú, tỷ phú dollars, làm giàu nhanh chóng bằng tham nhũng, lừa đảo mà báo chí Tây phương gọi là những tên ăn cướp mang cà vạt (voleurs à cravates). Họ là những ủy viên trung ương đảng, những đảng viên mọi cấp, những sĩ quan và cường hào ác bá thống trị tại 63 tỉnh và thành phố. Họ ăn cướp, ăn cắp có hệ thống từ trung ương đến địa phương, hỗ trợ bởi một đạo quân áo vàng có mang cầu vồng mà Tổ chức Minh Bạch Thế giới, trong báo cáo Tham Nhũng 2010, đã tuyên dương đạo quân này là «cảnh sát đứng đầu về tham nhũng». Một cách chi tiết hơn, 82% người dân VN cho là cảnh sát là ngành tham nhũng nhất, kế đó là giáo dục (67%), công chức (61%) và tư pháp (52%). (Nguồn :Transparency International. Baromètre 2010 de la corruption).

Nói sao cho hết những chuyện tham nhũng từ cung vua phủ chúa với các hợp đồng hàng tỷ mỹ kim đến các trụ sở Ủy ban nhân dân xã với cái giấy khai tử mà người nghèo phải bị hạch hỏi nếu không chịu trả vài trăm ngàn đồng. VN hôm nay tự hào đứng hạng 14 trong 16 quốc gia tham nhũng nhất vùng Á châu-Thái Bình Dương, chỉ hơn có Indonésia và Cambot, là quốc gia tham nhũng nhất (Báo cáo 2010 của Tổ chức Rủi Ro chính trị kinh tế PERC =Political& Economic Risk Consultancy, trụ sở ở Hong kong).

Khi viết đến những dòng này, có tin anh Đoàn Văn Vươn và gia đình ở huyện Tiên Lãng, tỉnh Hải Phòng, đã liều chết chống lại bọn cầm quyền tham nhũng vì không chịu nổi những áp bức cùng cực của tập đoàn này đã ngang nhiên cướp đất, phá nhà mà gia đình anh đã bao năm gian khổ để tạo dựng. Sự kiện này có khác chi chuyện anh Mohamed Bouazizi, một sinh viên người Tunisien bán trái cây dạo đã tự thiêu vì bị cảnh sát ức hiếp không cho anh bán trên đường phố. Cái chết của Bouazizi đã bùng dậy sự căm hờn của người dân Tunisien sau 23 năm bị áp bức dưới chế độ độc tài của Ben Ali, mở đầu cho cuộc Cách Mạng Hoa Lài, lật đổ Ben Ali rồi lan dần đến cách mạng mùa xuân Ả Rập.

Trả lời cuộc phỏng vấn của BBC-Việt Ngữ, bà Lê Hiền Đức, 81 tuổi, người công dân được giải thưởng của Transparency International về chống tham nhũng đã nói : «*Những vụ mất đất như Đoàn Văn Vươn rất nhiều, nhưng vì Vươn là một kỹ sư có trình độ nên anh làm như vậy. Còn những nông dân quá khổ uất ức lắm, nếu có trình độ như anh Vươn thì sẽ có nhiều Đoàn Văn Vươn nữa, người ta sẽ vùng lên. Nông dân rất căm thù, phải dùng từ căm thù mới đúng*» (nguồn: Sẽ có nhiều Đoàn Văn Vươn. BBC ngày 29/1/2012).

Chúng tôi tự hỏi người dân VN có thể chịu đựng được nỗi căm thù này cho đến bao giờ ?.

Lâm Văn Bé

10/ 02 /2012

HÍ HỌA BABUI



Tự do, Dân chủ, Nhân quyền kiểu
Xã Hội (đen) Chủ nghĩa

MŨI NHỌN CAMSA

Lê Hoàng Kỳ

Yêu nước và hành động biểu lộ lòng yêu nước đúng đắn là một câu hỏi cần được đặt ra trong tình hình hiện nay ở trong nước và đặc biệt đối với những người dân hải ngoại như chúng ta.

Một số người không ít đã nghĩ rằng cùng nhau quyên góp tiền để giúp đỡ dân nghèo là yêu nước. Riêng một số khác tích cực xuống đường biểu tình chống đối sự hèn nhát của chính quyền cộng sản Việt Nam trước sự xâm lấn của Trung Quốc, họ cũng biểu lộ lòng yêu nước. Chắc chắn sẽ có nhiều cách khác nhau, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu về một sách lược mới. Một sách lược mà chúng ta có thể chủ động và trực tiếp cùng nhau thay đổi vận mệnh đất nước trong tương lai bằng sự tích cực làm việc và có kế hoạch của tất cả những người đang cùng đập một nhịp tim Việt Nam.

Từ năm 2010, Tiến sĩ Nguyễn Đình Thắng, Giám đốc điều hành Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển (*«Boat People SOS»*) đã đi đến nhiều tiểu bang ở Hoa Kỳ và nhiều quốc gia để trình bày về sách lược mới này: «10 năm để chuyển biến cộng đồng và thay đổi đất nước». Ts Thắng đã đến vùng Montréal vào ngày 4 tháng 9 năm 2011 vừa qua để giải thích những hoạt động và một số thành quả của tổ chức Liên Minh Bài Trừ Nô Lệ Mới ở Á Châu (*«Coalition to Abolish Modern-Day Slavery in Asia»*), được viết tắt là «CAMSA»). Cùng đến với Anh có sự góp mặt của Tiến sĩ Lê Duy Cẩn, Ủy viên ngoại vụ Liên Hội Người Việt tại Canada, và chị Phù Ngọc Thanh, Phối hợp viên văn phòng CAMSA ở Đài Loan.

Ngay trong lần đầu tiên đến với Montréal, Ts Thắng đã thực sự truyền đến chúng ta một trách nhiệm không thể quay lưng với nỗi quốc nhục chung và hơn thế nữa, anh đã khơi dậy trong mỗi chúng ta niềm hy vọng thay đổi vận mệnh đất nước. Anh đã châm ngòi cho ngọn lửa yêu nước. Ngọn lửa đã khơi dậy tất phải cần bùng cháy lên nhanh theo phong trào dân chủ đang dâng cao trên toàn thế giới hiện nay.

Gần đây, vào ngày 30 tháng 1 năm 2012, Ts Thắng đã bay sang Montréal để nói chuyện với một số viên chức có thẩm quyền ở tỉnh bang Québec, trong đó có Bộ trưởng Bộ Tư Pháp, ông Jean-Marc Fournier, và Dân biểu đảng NPD, bà Eve Péclet, người phụ trách về nhân quyền...

Cuối ngày 30 tháng 1 năm 2012, tuy chỉ còn một ít thời gian eo hẹp, Ts Thắng đã thu xếp để gặp nhóm thân hữu Montréal. Tuy chỉ khoảng 20 người, gồm nhiều thành phần, tuổi tác và tôn giáo khác nhau, nhưng tất cả đều yên lặng để lắng nghe anh trình bày về tổ chức CAMSA, mà theo anh, đây thực sự đã và đang là một chiến lược vô cùng quan trọng: Mũi nhọn CAMSA.

Trước khi nói về tổ chức CAMSA, chúng ta nên tìm hiểu vì sao tổ chức này được ra đời. Hoạt động trực tiếp và gián tiếp của liên minh này sẽ giúp ai cũng như thành phần nào sẽ bị mũi nhọn tấn công?

Chúng ta cũng cần biết rõ hai chữ mà ở xã hội cộng sản Việt Nam gọi là «xuất khẩu lao động», nhưng khi sang một quốc gia khác thì lại biến thành danh từ BUÔN NGƯỜI. Thật là trớ trêu và đau lòng!

Danh từ «buôn người» đã được Liên Hiệp Quốc định nghĩa cụ thể như sau:

« Tất cả những hành vi dưới nhiều hình thức như: tuyển dụng, chuyển giao, chứa chấp, nhận người, hay sử dụng quyền lực, cưỡng chế, bắt cóc, gian lận, lừa dối hay cho và nhận tiền thanh toán để đạt được sự đồng ý của một cá nhân nhằm vào mục đích bóc lột. Ít nhất, hành vi bóc lột bao gồm các hình thức : bóc lột tình dục, lao động cưỡng bức, việc giữ nô lệ hay hành vi lấy bộ phận cơ thể. »

Còn nói một cách đơn giản và dễ hiểu hơn,

buôn người có nghĩa là bóc lột sức lao động nặng nề, cưỡng bách làm việc quá với số giờ quy định bình thường mà không được trả lương tương xứng. Nạn nhân bước vào sự bóc lột mà không thực sự đọc và hiểu hết những giao ước được ký kết vì có sự gian lận, trá trở từ cấp chính quyền. Điểm quan trọng cuối cùng là khi nạn nhân của sự buôn người hiểu ra sự thật thì họ rơi vào tình trạng không thể thoát ra chế độ buôn bán này. Họ bị đối xử tàn nhẫn, đánh đập về thể xác và luôn bị khủng hoảng, đe dọa về mặt tinh thần. Trong tình trạng bế tắc, đầy tuyệt vọng họ lại không có một đại diện luật pháp để giúp đỡ đúng đắn.

Buôn người là một tội phạm xuyên quốc gia. Nó liên quan đến nhiều quốc gia, phải có quốc gia rao bán và quốc gia đặt hàng và tiếp nhận. Chống nạn buôn người là một bài toán phức tạp và khó khăn vì sau lưng hàng chục công ty môi giới «xuất cảng lao động» của cộng sản Việt Nam là vây cánh chằng chịt cấp chính quyền tham ô. Chúng đang sẵn sàng nuốt trửng những con môi béo bở này và vô tâm đẩy bao số phận của người dân Việt cần cù lao động vào hố sâu vực thẳm của chế độ nô lệ thời hiện đại.

Chính vào thời điểm bế tắc cho bao ngàn nạn nhân của chế độ buôn người, tổ chức CAMSA đã ra đời vào tháng 2 năm 2008, mà đồng sáng lập viên là Ts Nguyễn Đình Thắng. Tổ chức CAMSA gồm 4 thành viên ban đầu: Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển (Hoa Kỳ), Hiệp Hội Nhân Quyền Quốc Tế (Đức), Liên Minh Người Việt Canada (Canada) và Tenaganita (Mã Lai).

Đối với các nạn nhân buôn người, tổ chức CAMSA, trong trách nhiệm và sứ mạng tinh thương, đã liên tiếp giải cứu, bảo vệ nạn nhân, đồng thời còn giáo dục nâng cao dân trí, phát huy tinh thần bất khuất dân tộc, không còn khiếp sợ bởi những thủ đoạn đe dọa của bọn tay sai chính quyền cộng sản Việt Nam và ngay cả của bọn chủ hãng xường nơi họ bị bóc lột lao động.

Củng cố dân khí là bước đi quan trọng trong chiến lược CAMSA. Đây là cách đào tạo và rèn luyện đội tiên phong bất khuất nằm trong cũng như ngoài nước. Nếu được giải cứu, bảo vệ và đưa về nước an toàn, tiếng nói của những nạn nhân buôn người này sẽ không những là tiếng chuông đánh thức sự khiếp nhược, mê muội của nhiều người

dân trong nước mà còn là sự lớn mạnh về ý thức quyền lợi của cá nhân và dân tộc. Khi người dân bình thường dám đứng lên để tự bảo vệ quyền lợi của mình thì làn sóng yêu chuộng tự do và dân chủ trong nước sẽ càng thêm lớn mạnh.

Đối với những nạn nhân sau khi được giải cứu và định cư tại Hoa Kỳ như trường hợp cô Vũ Phương Anh, tiếng nói trung thực của Phương Anh trước Hạ Nghị Viện Mỹ trong buổi điều trần về nhân quyền ở Việt Nam vào ngày 24 tháng 1 năm 2012 vừa qua, đã gây một tiếng vang đến lương tâm quốc tế, đồng thời đã phản ánh sự thật về việc buôn người có hệ thống của một số quốc gia mà chính quyền cộng sản Việt Nam hiển nhiên đã nhúng tay vào.

Đặc biệt đối với cấp chính quyền Việt Nam, CAMSA đã thực sự là một mũi nhọn tấn công đầy lợi hại và có nhiều chiến lược. Theo Ts Thắng, từ thế đứng vững vàng của tổ chức CAMSA, chúng ta, những người dân Việt hải ngoại, có thể trực tiếp can thiệp, tạo thêm sức mạnh trợ lực cho những phong trào đòi nhân quyền trong nước ở thế chủ động hơn. Vì sau khi giải cứu những nạn nhân bị buôn người, tổ chức CAMSA tiếp tục thu thập thêm những hồ sơ vững chắc để truy lùng tận gốc đường dây buôn người từ quốc gia xuất cảng như Việt Nam đến các quốc gia tiếp nhận. Với sức mạnh pháp lý, tổ chức này đã tạo nhiều ảnh hưởng tích cực để các quốc gia như Mã Lai, Đài Loan đã ban hành và thực hiện chính sách cũng như luật chống nạn buôn người.

Kể từ ngày thành lập cho đến nay, CAMSA đã được mở rộng và hoạt động ở các nước Mã Lai, Đài Loan, Thái Lan, và Hoa Kỳ. Tổ chức với sứ mạng nhân đạo đã giải cứu lên đến 4.000 nạn nhân bị buôn lao động và tình dục ở các nước Mã Lai, Đài Loan, Jordan, Nga, Trung Quốc, v.v...

Để duy trì và hoạt động hữu hiệu, tổ chức CAMSA kể trên đã phải chi tiêu cho các vấn đề căn bản như: chi phí văn phòng, chi phí hoạt động “fax, điện thoại, di chuyển...”, nhân viên làm việc, nhóm thiện nguyện viên... Phí tổn đã lên đến 450.000\$ mỗi năm. Chính phủ Hoa Kỳ và một số tổ chức phi chính phủ đã tài trợ khoảng 200.000\$ cho một năm. Số còn lại (250.000\$) là nhờ sự đóng góp của các mạnh thường quân khắp nơi nói chung và của tất cả chúng ta nói riêng, là những người dân

Việt hải ngoại cảm nhận được nỗi đau và nỗi nhục chung. Chúng ta có thể trở thành thành viên bảo trợ hay vận động để giúp cho tổ chức CAMSA được hoạt động hiệu quả và lâu dài.

Cũng trong dịp này, Ts Thắng đã đề cập và giải thích rõ ràng về đạo luật Quy Chế Ưu Đãi Thuế Quan Phổ Cập của Hoa Kỳ (Generalized System of Preferences, viết tắt là «GSP»). Đạo luật này đã được thi hành từ năm 1976 nhằm giúp đỡ các quốc gia đang phát triển có thêm nhiều thuận lợi trong việc phát triển kinh tế nước nhà.

Vào ngày 18 tháng 4 năm 2008, chính quyền Việt Nam đã nộp đơn đề xin quy chế GSP kể trên. Đề hợp thức hóa thủ tục giấy tờ, chính quyền cộng sản Việt Nam phải tuân theo một số điều khoản cần thiết, mà quan trọng nhất là quyền của người lao động thành lập hay tham gia nghiệp đoàn độc lập. Chính quyền cộng sản Việt Nam đã thực sự có thay đổi để cải thiện tình trạng lao động nước nhà hay chỉ là những trò múa rối khéo nguy trang để che mắt quốc tế ?

CAMSA đã đưa ra những bằng chứng cụ thể rằng, ngay đối với công nhân Việt đang lao động ở ngoài nước, chính quyền Việt Nam vẫn cấm cản không cho họ tham gia nghiệp đoàn lao động ở nước sở tại. Điều này tước đi cơ hội để công nhân Việt tìm sự bảo vệ của nghiệp đoàn địa phương, vừa là một vi phạm trầm trọng điều kiện của GSP. Điều này đã được Ts Thắng nêu lên tại buổi điều trần trước quốc hội Hoa Kỳ về tình trạng vi phạm nhân quyền ở Việt Nam. Một trong những dân biểu Hoa Kỳ quan tâm đến tình hình nhân quyền ở Việt Nam, ông Chris Smith, đã lên tiếng như sau:

« Hoa Kỳ cần giữ một vai trò tích cực hơn để khuyến cáo lưu ý và nhắc nhở Việt Nam thực thi cũng như tôn trọng nhân quyền và tôn trọng quyền lợi của người dân trong nước họ. »

Đây là một thể đánh từ xa nhưng vẫn đúng vào mục tiêu như kế hoạch đã định. Thật là một mũi nhọn lợi hại !

Nhân ngày Quốc tế Nhân quyền năm 2011, Tổng thống và Chủ tịch Cộng Hòa Trung Hoa (Đài Loan) đã trao giải thưởng Dân chủ và Nhân quyền cho BPSOS và CAMSA, do Ts Thắng đại diện tiếp

nhận. Ánh sáng của chính nghĩa vẫn luôn phản chiếu cho những ai thực sự đấu tranh và đại diện cho đạo đức, nhân quyền và lòng vị tha.

Trong lần gặp gỡ với thân hữu Montréal, Ts Thắng đã đặt một câu hỏi để mỗi người chúng ta cùng suy nghĩ:

« Với chỉ một điều kiện là làm ĐÚNG VIỆC trong thời gian ba năm, chúng ta có một cơ hội cuối cùng để thay đổi vận mệnh của đất nước, liệu mỗi chúng ta có đủ tinh thần kỷ luật, không nản chí, dám hy sinh để thực hiện hay không ? »

Anh cũng giải thích thêm về thời hạn 3 năm, đây tạm gọi là một khoảng thời gian vừa phải để chính chúng ta có thể tự đánh giá và rút kinh nghiệm cho việc làm của mình đối với đất nước. Chọn cho mình một câu trả lời chính xác để làm ĐÚNG VIỆC sẽ không quá khó khăn nếu chúng ta thực sự muốn hòa nhịp tim vào muôn triệu con tim Việt Nam đang cùng biểu lộ lòng yêu nước tích cực và đúng đắn. Hy vọng trong tương lai thật gần, người dân Montréal của chúng ta sẽ có dịp gặp lại Ts Nguyễn Đình Thắng, tay nắm chặt tay, tim hòa nhịp tim cùng chung một hướng đi cho tổ quốc Việt Nam thân yêu.

Hắn mỗi chúng ta vẫn còn luôn nhớ đến những ngày lịch sử đau buồn nhất, bất chấp mọi hiểm nguy đang chờ ta trên đại dương mệnh mông, dọc đường bộ biên giới trắc trở, vậy mà chúng ta vẫn quyết chí vượt biên, ra đi với lòng khao khát hai chữ TỰ DO.

Ngày nay, mặt trận chiến đấu đã thay đổi theo làn sóng của cao trào dân chủ đang lan rộng trên thế giới. Chúng ta ngày càng đứng trên thế chủ động về ngoại giao và pháp lý đối với quốc tế, người dân trong nước sau bao năm bị kềm kẹp, áp bức nay đã can đảm, bất khuất đứng lên biểu tình chống đối chính sách vô nhân, cất cao tiếng nói đòi lại đất đai bị chiếm, đòi quyền tự do tôn giáo... Như thế, chúng ta, những người dân Việt hải ngoại yêu nước cần đóng một vai trò tích cực hơn để trợ giúp sức mạnh về tài lực, nhân lực cho những mũi nhọn sách lược nhằm tạo chí khí bất khuất cho người dân, tôi luyện một đội ngũ tiên phong đứng lên tranh đấu,

và từng bước đẩy lùi chính sách vô nhân. CAMSA một trong những nhon ầy.

Nhà thơ Trần Trung Đạo đã đạo lên vài nốt nhạc ngân vang tình non nước dạt dào trong mỗi chúng ta qua hai câu thơ:

*Mẹ ơi, trăng có khi tròn, khi khuyết,
Nhưng tình yêu quê hương chẳng khuyết
bao giờ !*

Xin trăng và tình quê hương soi sáng mãi con đường yêu nước cho tất cả đàn con Việt ở khắp nơi.

Lê Hoàng Kỳ

Montréal, tháng hai 2012

Mọi đóng góp và tài liệu tham khảo về CAMSA, xin liên lạc: www.camsa-coalition.org hoặc www.bpsos.org

Ở Canada, có biên nhận để khai thuế:

Ngân phiếu xin để trả cho: Vietnamese Canadian Center/
Freedom at Last Project

Ở phần Référence, xin đề: Yểm trợ CAMSA

Ngân phiếu gửi về địa-chỉ:

Vietnamese Canadian Center/Freedom at Last

Project Suite 1- 885 Somerset St. West, Ottawa

ON, K1R 6R6 – Canada

ĐÍNH CHÍNH

Trong báo Quốc Gia số 135&136, trang 1 và 18, chúng tôi đã ghi nhầm tên tác giả là Trần Kỳ Sĩ. Xin đính chính lại: tên tác giả là Trần Như Lan. Thành thật cáo lỗi với cô Trần Như Lan và ông Trần Kỳ Sĩ về sự lầm lẫn ngoài ý muốn này.

Tạp chí Quốc Gia

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ủng Hộ Tet Nhâm Thìn		Ủng Hộ báo Quốc Gia	
Họ và Tên		Họ và Tên	
Ns Đỗ Giang	100.00	Centre médical du Métro Monk	150.00
Bà Nguyễn Dương Anh	200.00	Ông Nguyễn Thu Lương	23.00
Bà Cao Kim Hậu	100.00	Ông Bà Ds Lâm Xuân Quang	50.00
Tiệm Vua sandwiches	375.00	Ông Lâm Quốc Kỳ	5.00
Bà Trương Ngọc Uyên	200.00	Bs Trần Mộng Lâm	200.00
Bà Lê Thị Diệp	100.00	Bs Phan Thị Đăng	100.00
Ông Nguyễn Trọng Biểu	100.00	Bs Nguyễn Đức Long	200.00
Ông Bà Ds Lâm Xuân Quang	50.00	Ông Nguyễn Bá Đình	100.00
Ông Lưu Đình Hạnh	30.00		
Bà Trần Thị Phòng	30.00		
		T.C	828.00
		Ủng Hộ Cộng Đồng	
		Bà Nguyễn Thị Châu	50.00
		Ông Nguyễn Thế Phúc	36.00
		Bs Phạm Hữu Khoát	86.00
		Fonds Aide Asie du Sud-Est	200.00
		Bà Nguyễn Trang	50.00
		Bs Phạm Hữu Khoát	86.00
		Bs Trương Văn Hoàn	200.00
		Ông Phạm Văn Thiệp	10.00
T.C	1 285.00	T.C	718.00
		Tổng Cộng	2 831.00

Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montréal và tạp chí Quốc Gia trân trọng cảm ơn sự ủng hộ của quý vị Mạnh Thường Quân và quý đồng hưởng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN MIỀN BẮC QUÉBEC (PLAN NORD)

Nguyễn Thanh Bạch
(31-10-2011)

Ngày 09 tháng 05 năm 2011, Thủ tướng Québec, ông Jean Charest, chính thức công bố “Plan Nord”. Theo ông Jean Charest, “Plan Nord” là một dự án về sự “phát triển lâu dài và bền vững” (1) của lịch sử Québec. “Plan Nord” sẽ được thực hiện trong vòng 25 năm, theo từng kế hoạch 5 năm, số tiền đầu tư lên đến 80 tỉ đô la. Mỗi năm sẽ tạo thêm được 20.000 việc làm, lợi tức thâu được 14 tỉ đô la. Một tổ chức công cộng tên là “Société Plan Nord” sẽ được thành lập để phối hợp hoạt động trong các lãnh vực xã hội và hạ tầng cơ sở.

Trong kế hoạch 5 năm đầu tiên, từ năm 2011 đến năm 2016, Chính phủ sẽ đầu tư 2,1 tỉ, trong số đó 1,2 tỉ là để thiết lập hạ tầng cơ sở (đường xá, cầu cống, vv), 382 triệu cho nhà ở, y tế, giáo dục, vv...

Vùng đất thuộc “Plan Nord” nằm về phía bắc vĩ tuyến thứ 49, có diện tích khoảng 1,2 triệu km², tức khoảng 72% diện tích của tỉnh Québec.

Vùng đất này có một trong những nguồn dự trữ nước ngọt quan trọng của thế giới có tiềm năng về sản xuất năng lượng chưa được khai thác có 200.000km² rừng có một nguồn tài nguyên động vật hoang dã (faune) có tiềm năng khai thác kền (nickel), bạch kim (platine), cobalt, thiếc, sắt, vàng, lithium, đất hiếm... Ngoài ra, còn có những vùng đất thiên nhiên chưa khai phá cần được bảo tồn. Dân số hiện nay chỉ vào khoảng 120.000 người, 2% dân số Québec; trong số đó có 33.000 thổ dân: Inuits, 10.000 người tập trung thành 14 làng, mỗi làng từ 200 tới 2200 dân; dân tộc Cri, 16.000 người, tập hợp thành 19 cộng đồng; dân tộc Innu, 19 cộng đồng với 16.000 dân; dân tộc Naskapi, 1000 người.

Trong lãnh vực hầm mỏ, có 11 dự án mới (đồng, kền, sắt, vàng và kim cương) sẽ được khai thác trong vòng 5 năm tới.

Các công ty sẽ tham gia: Xstrate, New

Millenium Capital, ArcelorMittal, sẽ đầu tư khoảng 8 tỉ đô la.

Về năng lượng, dự trù khai thác 3.500 MW thủy điện, điện gió (éolien), 299MW và các nguồn năng lượng khác.

“Plan Nord” dự trù một kinh phí là 80 triệu đô la, trong vòng 5 năm, để đào tạo và tuyển dụng nhân công; sẽ xây thêm 840 căn nhà ở Nunawik trong vòng 5 năm.

Với “Plan Nord”, Chính phủ Québec cam kết sẽ bảo vệ môi trường và bảo tồn sinh học đa dạng (biodiversité); 50% lãnh thổ sẽ dành cho những mục tiêu này.

“Plan Nord” dự trù số kinh phí là 280 triệu đô la để nối dài con đường 167 cho đến đồi Otish, 438 triệu để tu sửa đường 389 giữa Baie Comeau và Fermont; nối dài đường 138 giữa Natashquan và Kegaska, cho tới Blanc Sablon.

Ngoài ra, Chính phủ còn dự trù thành lập một khu du lịch tâm cổ quốc tế trong vòng 10 năm tới.

Muốn cho “Plan Nord” thành công, cần có sự hợp tác của các sắc tộc ở địa phương và nhất là sự tham gia tư bản của các nhà đầu tư quốc tế.

Về các sắc tộc địa phương, báo “Le Devoir” ngày 31-10-2011 có đăng hai bài, nêu lên ý kiến về sự hợp tác cần thiết của các thổ dân tại miền bắc Québec.(2)

Chính phủ Québec có tổ chức một cuộc thăm dò ý kiến liên quan đến việc bảo vệ di sản quốc gia, thời gian kéo dài đến ngày 11 tháng 11 năm 2011.

Về sự tham gia quốc tế, Thủ tướng Québec, ông Jean Charest đã tổ chức nhiều chuyến công du, kêu gọi các nhà đầu tư, đặc biệt là tại Trung quốc, vào tháng 08 năm 2011, tại Pháp, tháng 10 năm 2011.

Tại Trung quốc, công ty Jilin Jien Nickel Industries thông báo sẽ đầu tư 400 triệu đô la để khai thác mỏ kền, ở gần Kangiqsujuang, miền cực

bắc Québec. Đây là vụ đầu tư thứ nhì của công ty sau khi đã bỏ ra 400 triệu để mua mô này hồi năm rồi. Sẽ có 270 nhân công làm việc tại đây vào giữa năm 2012 khi công cuộc khai thác bắt đầu. Ông Jean Charest cho biết dự án này rất quan trọng vì nó làm mẫu cho các nhà đầu tư Trung Quốc về sau. Jilin Jien cũng đã ký kết thỏa hiệp với ba cộng đồng người Inuit liên quan đến việc chia các phần lời một cách đứng đắn và công bằng. Ông chủ tịch Công ty, Whu Shu xác nhận rằng sự công bố chính thức “Plan Nord” đã thúc đẩy sự tăng gia gấp đôi số tiền đầu tư của công ty. Ông cũng xác nhận toàn thể nhân công là người dân Québec. Hiện đã có 350 nhân công tại công trường, dự trù sẽ bắt đầu sản xuất vào năm 2012. Đồng thời Jilin đang thảo luận hợp tác với công ty Xstrata, cũng đang khai thác một mỏ kền ở gần đó (mỏ Raglan) chia nhau sử dụng các cơ sở, chẳng hạn như phi trường do Xstrata xây cất; như vậy sẽ làm giảm bớt các phí tổn công cộng về hạ tầng cơ sở.

Tại Pháp, trong chuyến công du vào đầu tháng 10 năm 2011, nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập phái đoàn đại diện Québec tại Pháp, ông Jean Charest đã ký kết một thỏa hiệp để thành lập ba nhóm làm việc chung Pháp-Québec, mỗi nhóm đặc trách một lãnh vực: hầm mỏ, năng lượng và kỹ thuật số (numérique).

Sự kiện này tạo nên nền tảng căn bản khởi đầu cho sự hợp tác giữa nước Pháp và tỉnh Québec trong việc thực hiện kế hoạch “Plan Nord”.

Trước đó, ông Eric Bisson, bộ trưởng bộ kỹ nghệ Pháp cùng với đại diện 14 công ty, xí nghiệp Pháp (MEDEF) (3) đã đến tận nơi để quan sát. Ông đã cho rằng miền bắc của Québec là một vùng đất hứa (Eldorado), có khả năng tiềm tàng.

X

Mặc dầu sự thành công của kế hoạch còn đòi hỏi nhiều nỗ lực về phía Chính phủ Québec và sự tham gia hữu hiệu của giới đầu tư quốc nội cùng quốc ngoại, đây là một hướng phát triển đứng đắn và đầy triển vọng. Đó là « sự phát triển lâu dài và bền vững », đáp ứng với nhu cầu hiện tại và không làm tổn hại đến quyền lợi của các thế hệ tương lai.

Nguyễn Thanh Bạch
(31-10-2011)

Chú thích :

(1) *Développement durable - sustainable development*: Đây là một lý thuyết mới về phát triển kinh tế: sự phát triển đáp ứng những nhu cầu hiện tại nhưng không vì đó mà làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai nhằm đáp ứng những nhu cầu của họ (United Nations, Brundland Report, 1987)

(2) Louis Hémond Hamelin (nhà địa dư học và là người sáng lập Trung tâm nghiên cứu miền Bắc thuộc Đại học Laval): « Un Plan Nord qui soulève de nombreuses questions ».

Ghislain Picard (Thủ lãnh của Hội đồng các dân tộc đầu tiên – Assemblée des Premières Nations): « L'ours est encore vivant ».

(3) MEDEF : Mouvement des entreprises de France, là một tổ chức của giới chủ nhân các xí nghiệp, thiết lập ngày 27-10-1998, thay thế cho CNPF (Conseil du patronat français), đại diện cho các nhà doanh nhân Pháp bên cạnh Chính phủ và giới nghiệp đoàn.

DANH NGÔN

Khalil Gibran

- Khốn khổ thay cho một dân tộc đón tiếp kẻ xâm lăng nó bằng tiếng trống.
- Khốn khổ thay cho một dân tộc khi ngủ thì căm thù áp bức nhưng khi thức thì chấp nhận nó.
- Khốn khổ thay cho một dân tộc chỉ cất cao giọng nói khi đi đường sau quan tài và chỉ ngửa mặt khi nằm trong nghĩa địa.
- Khốn khổ thay cho một dân tộc chỉ nổi loạn khi chiếc cổ của nó bị kê trên đoạn đầu đài...

Lénine

Ông tổ Cộng Sản đã từng dạy đám đệ tử ngu ngốc, hay “nói dzậy mà không phải dzậy”, rằng: “**chỉ có những kẻ ngu ngốc mới tuyên chiến với Tôn Giáo.**”

Khi tiếng khóc chính là lời tố cáo

◆◆◆◆ Trần Trung Đạo ◆◆◆◆

Dù dưới một quan điểm tôn giáo nào, sự có mặt của con người trên thế giới này chỉ diễn ra trong một khoảng thời gian rất ngắn. Với tác giả bài viết này và có lẽ với nhiều độc giả, tiếng sóng vỗ vào thành ghe trong một đêm giông bão như vẫn còn vang vọng đâu đây nhưng đã hơn 30 năm rồi. Một triết gia đã viết, mỗi bước chân ta đi trong ngày là một bước gần hơn đến với ngôi mộ của mình. Con người sinh ra đều trơ trụi giống nhau nhưng cuộc đời và cách chết đã làm họ khác nhau. Có những người chết đi để lại nhiều lợi lạc cho hậu thế, một cách sống đạo đức cho con cháu noi gương nhưng cũng có những kẻ chết đi, dù được che đậy dưới lớp hào quang giả tạo rực rỡ đường nào hay bức tường thành thông tin bùng nổ dày đến bao nhiêu, tội ác của họ cũng có một ngày được phanh phui để lộ nguyên hình những ác nhân thời đại. Con khủng long chết 65 triệu năm trước vẫn được tìm ra, nói chi là con người. Lịch sử là lương tri và từ sơ khai đến hiện đại lịch sử luôn phán xét công bằng, cho đến nay chưa ai tránh thoát.

Một buổi sáng tháng Chín 1997, trên đường phố Calcutta, hàng triệu dân Ấn đứng dọc hai bên đường để tiễn đưa một nữ tu đã dâng hiến gần trọn đời mình cho lớp người cùng khổ. Con đường đó, từ 1929, nữ tu gốc Albany thuộc dòng Loreto Sisters đặt chân đến lần đầu khi mới 19 tuổi. Vía hè Calcutta là nơi nữ tu thường đến để ngồi an ủi những người đang chết. Không có ngay cả một viên thuốc, nữ tu chỉ biết cầm lấy bàn tay đầy máu mủ của bệnh nhân và xua đuổi đi bầy kiến đang bám lên vết thương đau nhức. Nhiều bệnh nhân đã đáp lại bằng cách mỉm cười thay cho lời cảm ơn trước khi hắt ra hơi thở cuối cùng. Và những khu nhà ổ chuột Calcutta này là nơi chiều chiều nữ tu

một tay cầm một chiếc khăn và tay kia cầm một cục xà phòng đến tắm cho trẻ em nghèo trong xóm. Nhiều năm sau, chính đám trẻ này là những người đầu tiên gọi nữ tu là mẹ. Mẹ Teresa như nhân loại biết hôm nay. Ngày 5 tháng 9 năm 1997 mẹ không đến nữa vì hôm đó là ngày mẹ ra đi. Quan tài Mẹ Teresa được phủ quốc kỳ Ấn Độ thay vì Albania, nơi mẹ chưa một lần trở lại. Ngày đi, mẹ vẫn mặc chiếc áo vải trắng viền xanh Sari trị giá 1 rupee mẹ tự sắm cho mình sau khi chính thức rời khỏi dòng tu Loreto Sisters. Đoạn đường từ quảng trường Netaji, nơi tổ chức thánh lễ, đến Căn Nhà Của Mẹ, nơi mẹ sẽ yên nghỉ, chìm trong không khí tôn nghiêm trang trọng. Những em bé Ấn Độ tay cầm những bông hoa nhỏ vẫy chào. Tất cả đều cúi đầu khi quan tài do một chiếc xe kéo súng quân đội kéo ngang qua. Chính phủ Ấn dành cho mẹ một vinh dự đặc biệt vì chính chiếc xe kéo pháo cũ kỹ này đã kéo quan tài của Thánh Mahatma Ghandi ra nghĩa trang 1948. Nhân loại tiếc thương mẹ, nhân dân Ấn Độ biết ơn mẹ và chính những người cùng khổ ở Calcutta đang sắp hàng hai bên đường cảm ơn mẹ, nhưng ngoài tiếng máy xe kéo pháo nhịp đều, không có một sự ồn ào nào khác. Trên xe, những nữ tu và người lính ngồi im lặng. Không ai khóc lớn, không ai than van, không ai lăn lộn, không ai kể lể. Niềm thương tiếc chân thành thánh thiện đã cô đọng thành ngọc bích và lắng sâu xuống tận đáy lòng. Sự ra đi của Mẹ Teresa và nhiều bậc vĩ nhân khác đơn giản như họ một lần đã ghé thăm hành tinh chúng ta.

Bên kia những cuộc chia tay đầy ắp tình nhân loại như thế là những cái chết của các lãnh tụ Cộng Sản đã diễn ra như những vở kịch được biên tập tất cả đặc tính bi, hài, tò mò, chân thành, giả dối đến tận cùng. Trước tang lễ có một không hai

của Kim Nhật Thành, tang lễ Stalin được xem như một tang lễ đáng ghi nhớ nhất trong lịch sử tang lễ các lãnh tụ Cộng Sản. Ngày 9 tháng 3 1953, hàng triệu người tập hợp tại Hồng trường để chào vĩnh biệt “đại nguyên soái” Joseph Stalin của họ. Theo chi tiết ghi lại trong trang web của báo Pravada, cũng như theo mô tả của Brenda Haugen trong tác phẩm Joseph Stalin: Dictator of the Soviet Union, khoảng 500 người chết chỉ vì chen lấn nhau để đến gần khán đài. Tại Việt Nam vì xa xôi cách trở không tham dự được nhưng cũng “làng trên xóm dưới xôn xao” khi nghe tin “Ông mất” và ít ra cũng có Tố Hữu đã khóc đến mức “xé ruột, xé lòng” trong bài thơ Đời đời nhớ ông bất hủ. Cảnh khóc than thê thảm tương tự đã diễn ra tại Thiên An Môn 1976, Hà Nội 1969 với những cô công nhân mặt sưng húp vì mấy ngày đêm khóc không còn nước mắt. Nếu những tên đồ tể Nicolae Ceausescu không bị xử bắn, Pol Pot không chết trong rừng, Erich Honecker không chết trong lưu đày, tang lễ của họ hẳn cũng ngập đầy nước mắt. Và mới đây, các cơ quan truyền hình trên thế giới đồng loạt đưa tin về cái chết đột ngột của lãnh tụ Bắc Hàn Kim Chính Nhật và lòng trong các bản tin là cảnh hàng trăm ngàn người dân Bắc Hàn, từ cụ già đến em bé, từ thiếu nữ đến thanh niên đều khóc thê thảm, khóc lẫn lộn, khóc đến ngất xỉu. Theo tin chính thức của Bắc Hàn, đã có năm triệu người, tức hơn hai mươi phần trăm dân số, bằng nhiều cách bày tỏ lòng thương tiếc dành cho lãnh tụ kính yêu Kim Chính Nhật. Các cơ quan truyền thông quốc tế dành nhiều thời gian để tìm hiểu về hiện tượng khóc rất lạ đời này. Son Jeong Hun, trước đây vượt thoát từ Bắc Hàn cho biết “Nếu bạn không khóc một cách công khai, bạn bị xem là có thái độ sỉ nhục lãnh tụ và có thể bị kết án chống lại nhà nước”. Tuy nhiên, trong lúc rất nhiều người phải khóc, khóc không ra nước mắt, cũng có rất nhiều người đã khóc một cách chân thành chỉ vì các vi trùng tôn thờ cá nhân ăn sâu vào nhận thức và họ đã bị hoàn toàn tẩy não. Tại Bắc Hàn, mỗi gia đình đều có một bức ảnh của Kim Nhật Thành và Kim Chính Nhật. Ban kiểm tra hình lãnh tụ theo định kỳ đến khám xét từng nhà. Gia chủ sẽ bị phạt nếu hình của cha con họ Kim không được lau chùi đúng tiêu chuẩn. Bịnh tôn thờ lãnh tụ tại Bắc Hàn trầm trọng đến nỗi người dân có thể chết chỉ để bảo vệ bức ảnh của “cha già dân

tộc”. Theo hồ sơ tội ác của Kim Nhật Thành và Kim Chính Nhật do giáo sư Grace M. Kang chuẩn bị để truy tố trước tòa án quốc tế, ngày 4 tháng Sáu 1997 một chiếc ghe đánh cá bị sóng đánh chìm, thủy thủ trên ghe đã buộc chân dung của Kim Nhật Thành và Kim Chính Nhật vào phao cấp cứu để hai bức ảnh khỏi chìm trong lúc các thủy thủ đã chết đuối. Khi hai bức ảnh được hải quân Bắc Hàn tìm được, những thủy thủ bị chết đuối được tặng danh hiệu Anh Hùng Cộng Hòa. Ngoài ra, tạp chí Time cũng đã tường thuật một trường hợp hỏa hoạn ở Bắc Hàn, chủ nhà đã lo cứu bức ảnh trước khi cứu con mình. Tháng 4/2003, theo tạp chí Economist, một chiếc xe lửa ở Bắc Hàn không may chạy trật đường rầy và đụng vào một toà nhà lớn, cả xe lửa lẫn toà nhà đều bốc cháy, hàng trăm khách trong xe, người trong toà nhà vừa chết vừa bị thương. Thế nhưng khi những người dân Bắc Hàn tới cứu, họ đã cố tìm cách dập tắt ngọn lửa đang đốt cháy tấm chân dung lớn của Kim Chính Nhật treo trên toà nhà trước khi cứu chữa những người bị thương đang sắp chết cháy trong nhà. Người dân Bắc Hàn không có cùng một ý niệm về không gian và thời gian như phần còn lại của nhân loại. Ngày tháng và nơi chốn đã bị đổi thay sau khi Kim Nhật Thành xóa bỏ niên lịch AD và thay vào đó bằng lịch Juche, lấy năm sinh của ông ta làm chuẩn. Ví dụ, năm 2000 là năm cuối cùng của thiên niên kỷ đối với phần lớn thế giới nhưng tại Bắc Hàn chỉ mới là năm Juche 99. Trong một bài bình luận của Rodong Sinmun, cơ quan thông tin chính thức của Đảng Công nhân Triều Tiên phát hành ngày 31 tháng 8 năm 1997, viết về Kim Chính Nhật: “Nhân dân Triều Tiên tuyệt đối tôn kính, tin tưởng và theo chân Tướng Quân như Thượng Đế. Tư tưởng quý giá này căn cứ vào sự kiện rằng họ đã cảm nhận một cách sâu sắc sự vĩ đại của Tướng Quân từ đáy lòng họ. Tướng Quân là thầy giáo vĩ đại dạy nhân dân Triều Tiên ý nghĩa thật sự của cuộc sống, là người cha đã ban cho họ đức tính liêm khiết chính trị quý giá và là một ân nhân có trái tim nồng ấm dịu dàng, đã mang đến cho nhân dân Triều Tiên niềm hạnh phúc trọn vẹn... Tướng Quân là cây trụ tinh thần và là vầng thái dương vĩnh cửu của nhân dân Triều Tiên”. Một số nhà phân tích tâm lý cho rằng, vấn đề không phải người dân Bắc Hàn khóc thật hay khóc giả nhưng chỉ việc khóc một cách

tự nhiên và công khai trước ống kính truyền hình đã cho thấy khả năng của chế độ kiểm soát hành vi của người dân chặt chẽ đến chừng nào. Bộ máy tuyên truyền của đảng Cộng Sản Bắc Hàn đã biến toàn xã hội thành một đại gia đình trong đó Kim Nhật Thành là ông nội, Kim Chính Nhật là cha già, và Kim Jong Un đang là đích tôn gia trưởng. Các bức hình trẻ em vui mừng ngồi trên đùi Kim Nhật Thành hay những cặp vợ chồng mới cưới thay vì đến nhà thờ hay chùa, đã đến trước tượng Kim Nhật Thành làm lễ ra mắt tổ tiên cho thấy mối quan hệ giữa quần chúng và lãnh tụ đã vượt qua mối quan hệ chính trị bình thường để trở thành mối giây thiêng liêng bền bỉ rất thích hợp với văn hóa Á Đông. Trong lúc, theo Katharina Zellweger, giám đốc cơ quan thiện nguyện Thụy Sĩ có văn phòng tại Nhưỡng Quang, mỗi người dân Bắc Hàn chỉ được cấp tiêu chuẩn thực phẩm 150 gram mỗi ngày và rất đông người quá đói phải ra đồng đào rễ, cắt cỏ và hái lá để ăn, gia đình Kim Chính Nhật sống như một đế vương. Theo hồi ký "Tôi từng là đầu bếp của Kim Chính Nhật" (I Was Kim Jong Il's Cook) của đầu bếp Nhật Bản từng phục vụ Kim Chính Nhật và ký dưới tên Kenji Fujimoto, món ăn khoái khẩu của họ Kim là sushi với tôm tươi. Các thức ăn phục vụ Kim được chọn lựa theo đặc sản của mỗi nước như thịt heo Đan Mạch, đồ biển Nhật, bia Tiệp Khắc, chuối Thái Lan, đu đủ Mã Lai... Kim Chính Nhật nghiện rượu vang. Hầm rượu của y có khoảng 10,000 chai. Theo hồ sơ của BBC trong thượng đỉnh năm 2000 tiếp cựu Tổng thống Nam Hàn Kim Đại Trọng, Kim Chính Nhật đã uống 10 ly rượu vang. Phòng phim của Kim Chính Nhật chứa khoảng 20,000 phim, trong đó Rambo và Jame Bond là những bộ phim y thích nhất. Gia đình họ Kim không thiếu một món giải trí nào từ sân bóng rổ đúng NBA tiêu chuẩn, xe gắn máy trượt tuyết, giàn karaoke... Cũng theo lời kể của đầu bếp Kenji Fujimoto, Kim Chính Nhật nuôi chó đầy đủ hơn nuôi dân. Trong nạn đói, những nhân viên coi chó cho y đã phải ăn trộm thức ăn của chó để ăn. Bị bắt được, toán trưởng bị đày hai năm trong trại tập trung và các đội viên mỗi người bị đày một năm. Nhân dân Bắc Hàn không biết đời sống xa hoa và tánh tình bình hoạn của Kim Chính Nhật. Với đa số người dân Bắc Hàn, Kim Chính Nhật từ khi còn sống cho đến lúc qua đời là thần thoại

điều kỳ. Cơ quan truyền hình chính thức của Bắc Hàn KCNA cho biết trước giờ họ Kim chết, đỉnh núi thánh Bạch Đầu Sơn (Paektu) được bao phủ bằng một ánh sáng màu đỏ rực đầy huyền bí. Cũng theo KCNA, không chỉ nhân dân Triều Tiên hay loài người mà cả trời đất cũng tiếc thương trước cái chết của lãnh tụ kính yêu. Nói theo kiểu Tố Hữu của Việt Nam là "Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa". Mobutu Sese Seko trước đây được là người có những danh xưng rất độc đáo như "Nhà cứu rỗi dân tộc", "Cha già dân tộc" v.v... nhưng so với cha con họ Kim, Mobutu chỉ đáng là học trò. Tại Bắc Hàn, Kim Chính Nhật ngoài các danh dự được gọi hàng ngày như "Lãnh tụ kính yêu", "Đồng chí vĩ đại", "Tư lệnh tối cao" v.v... còn được gọi trong tiểu sử chính thức là "Con trời", "Ngôi sao sáng của đỉnh Bạch Đầu Sơn". Với các bằng chứng tày nãi tinh vi như vậy, việc dân Bắc Hàn khóc thật cũng chẳng phải là chuyện lạ.

Nhân dịp bàn chuyện khóc lóc của người dân Bắc Hàn, thử phân tích một số lý do tại sao chế độ Cộng Sản có thể tồn tại lâu dài hơn nhiều chế độ độc tài khác trong lịch sử nhân loại thời hiện đại. Một số lý do trực tiếp liên hệ đến Bắc Hàn trong khi một số lý do khác là lý do tổng quát chung cho cả phong trào Cộng Sản. Lý do thứ nhất là bộ máy kiểm soát chính trị và xã hội. Đảng Cộng Sản kiểm soát chặt chẽ toàn bộ cơ cấu xã hội một cách tinh vi, từ các đơn vị nhỏ đến các ban ngành lớn. Cơ quan tuyên truyền trung ương đảng kiểm soát từng chi tiết các sinh hoạt tri thức, thông tin, truyền thanh, truyền hình, báo chí. Hệ thống kiểm duyệt trong chế độ Cộng Sản không chỉ ở trung ương mà theo nhiều tầng lớp. Ngay cả khi tác giả viết bài cũng đã thực thi tự kiểm duyệt vì họ biết những gì nên viết và những gì không được viết trước khi nộp bản thảo cho cơ quan kiểm duyệt nhà nước. Bức tường bưng bít thông tin dày nhiều lớp như thế đã che đậy tội ác ngập trời của các lãnh tụ Cộng Sản. Giáo sư Brian Reynolds Myers giảng dạy môn nghiên cứu quốc tế tại đại học Dongseo University in Busan, South Korea cho biết ngoài một rất ít lén lút mua được vài bộ phim Nam Hàn, máy truyền hình Trung Quốc, tuyệt đại đa số sản phẩm văn hóa nghệ thuật là sản phẩm của tuyên truyền. Các tác phẩm phim ảnh được duyệt nhiều lần để bảo đảm khi đến người dân không có một tình tiết nào đi

ngược với đường lối của Đảng. Lý do thứ hai vì họ chỉ giết chính nhân dân nước họ. Không giống chế độ độc tài Đức Quốc Xã tàn sát dân Do Thái, lãnh đạo Cộng sản các nước thường giết chính đồng bào cùng máu mủ, cùng tổ tiên, cùng đất nước với họ. Ngay từ sau 1975, dư luận thế giới đã biết đến tội ác của chế độ Pol Pot. Tạp chí Time còn đăng cả bức hình một tội nhân đang bị đánh vào đầu bằng cuốc. Tuy nhiên, ngoài Việt Nam tấn công chế độ bằng một lý do riêng vào tháng Giêng 1978, không một quốc gia nào kể Liên Hiệp Quốc có hành động cụ thể để ngăn chặn tội ác của Pol Pot. Khi một chế độ có toàn quyền sinh sát với nhân dân, họ cũng có điều kiện để tồn tại lâu dài. Giống như Pol Pot, cha con Kim Nhật Thành và Kim Chính Nhật đã can tội diệt chủng và chống lại nhân loại. Theo ước lượng của báo chí ít nhất một triệu người đã chết trong các trại tù Bắc Hàn từ ngày đình chiến đến nay. Bộ Ngoại Giao Mỹ cho biết khoảng 150 ngàn đến 200 ngàn người vẫn còn đang bị ở tù. Ngoài ra, khoảng 2.5 triệu người dân Bắc Hàn đã chết trong các nạn đói từ 1990. Lý do thứ ba, cũng khác với các lãnh tụ Đức Quốc Xã thường bị truy tố ngay sau chiến tranh, tội ác của các lãnh tụ Cộng sản còn được che dấu một cách tinh vi, có hệ thống dưới các nhãn hiệu vô cùng tốt đẹp như “độc lập, tự do, hạnh phúc”. Vai trò của Kim Nhật Thành trong chiến tranh chống Phát Xít Nhật, Hồ Chí Minh trong chiến tranh chống Pháp, Fidel Castro trong chiến tranh chống độc tài Batista, Stalin trong chiến tranh chống Đức, Mao Trạch Đông trong chiến tranh chống Nhật được đề cao đến độ nếu không có họ có thể toàn dân tộc đã bị xóa tên khỏi lịch sử loài người. Hình ảnh Mao Trạch Đông chính thức tuyên bố thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, hình ảnh Hồ Chí Minh đọc “tuyên ngôn độc lập” đã được đánh bóng sáng đến mức mọi tội ác tày trời khác đã trở thành trộm vặt. Chỉ trong vòng vài năm sau ngày tuyên bố “Nhân dân Trung Hoa đã đứng lên” 30 triệu “nhân dân” đã bị giết trong hàng loạt các chiến dịch chống hữu khuynh, trăm hoa đua nở, bước tiến nhảy vọt, công xã nhân dân, cách mạng văn hóa. Tội ác của Mao chống lại nhân dân Trung Hoa nói riêng và loài người nói chung vượt qua con số do Hitler, Stalin và Leopold II cộng lại. Tương tự tại Hà Nội chỉ vài năm sau ngày “tôi nói đồng bào nghe rõ không”, nhiều vạn “đồng bào” đã

không còn cơ hội nghe rõ nữa vì họ đã chết một cách oan ức trong các cuộc đấu tố vô cùng tàn ác. Lý do thứ tư, ngoại trừ trường hợp Khrushchev, ít khi nào một lãnh đạo Cộng sản đứng lên thẳng thắn vạch trần tội lỗi của lớp lãnh đạo trước, bởi vì làm như thế là tạo chỗ hở cho kẻ thù chung tấn công vào chế độ. Trường hợp Đặng Tiểu Bình đối với Mao Trạch Đông là một ví dụ điển hình. Đặng Tiểu Bình là một trong những người chịu đựng sự hành hạ và mất mát lớn lao về nhân mạng trong thời Cách mạng văn hóa. Bản thân Đặng Tiểu Bình bị chính Mao thanh trừng nhiều lần và con trai của Đặng Tiểu Bình đã chết một cách thê thảm khi bị ném từ cửa sổ xuống đường. Chuyện đời tư của Mao, từ bản chất độc tài, nghi kỵ cho đến cá tính trắng hoa đậm dặt, Đặng Tiểu Bình biết hơn ai hết, nhưng khi lên nắm quyền hành, họ Đặng vẫn tiếp tục sơn son thiếp vàng lên một hình tượng mà cá nhân y vô cùng cảm hận. Trên đồng nhân dân tệ từ đơn vị một đồng cho đến một trăm đồng vẫn in khuôn mặt mỉm cười của kẻ từng điều khiển bộ máy giết người khủng khiếp nhất trong lịch sử nhân loại. Bởi vì, là một trong số rất ít lãnh đạo Cộng sản lão thành còn sót lại từ thời Vạn lý trường chinh và cũng quá thuộc sử Tàu, Đặng Tiểu Bình biết, giống như các triều đại phong kiến Trung Hoa, đặc tính kế thừa của một quyền lực trung tâm là một yếu tố sinh tử không thể phủ định của chế độ Cộng Sản. Điểm trung tâm vỡ toàn bộ hệ thống cai trị sẽ vỡ theo. Lý do thứ năm, các lãnh đạo Cộng Sản thường tận dụng vị trí của kẻ thù đã chết. Những lãnh tụ Cộng Sản thường tận diệt kẻ thù còn sống nhưng ca tụng kẻ thù đã chết. Stalin ca tụng Lenin, Fidel Castro ca tụng Ernesto “Che” Guevara, Đặng Tiểu Bình ca tụng Mao Trạch Đông. Lấy trường hợp Che làm ví dụ. Nếu Ernesto “Che” Guevara không làm cách mạng phiêu lưu Nam Mỹ mà tiếp tục ở lại Cu Ba, thật khó tưởng tượng ông ta có thể sống sót dưới bàn tay của Fidel Castro. Một rừng không có hai cọng, một nước không có hai vua, đừng nói chi là quan hệ giữa Che và Fidel Castro rạn nứt trước khi Che tạm biệt vợ con lần cuối và lên đường đi Bolivia cuối năm 1966. Che chủ trương kỹ nghệ hóa đất nước, Fidel Castro chủ trương củng cố quyền lực trung ương. Sự khác biệt của Che và Fidel Castro khá giống trường hợp của Lưu Thiệu Kỳ và Mao Trạch Đông. Nhưng hôm

nay, nếu ai đến Havana, sẽ gặp hình ảnh Che trên khắp ngã đường. Xác chết không nghe được lời ca tụng, không nếm được mỹ vị cao lương, không sống trong các biệt thự có kẻ hầu người hạ, chỉ có đám độc tài đang thống trị đất nước mới thật sự là những kẻ hưởng thụ quyền lực. Lý do thứ sáu, che đây tội ác của nhau. Thật vậy, nếu không chính từ cửa miệng Khrushchev nói ra trong diễn văn dài 4 giờ đồng hồ giữa khuya ngày 2 tháng 5/1956 trước đại hội lần thứ 20 đảng Cộng sản Liên Xô, có thể sau khi chế độ Xô Viết sụp đổ, nhân loại mới biết Stalin là “một người luôn ngờ vực một cách bình hoạn... Sự hoài nghi bình hoạn đó làm cho Stalin không tin tưởng ngay cả những lãnh đạo cao cấp đã từng làm việc với y nhiều năm. Nhìn đâu Stalin cũng thấy những “kẻ thù”, “những người hai lòng dạ”, “gián điệp”. Theo Khrushchev, Stalin đã dùng “tất cả các phương tiện lừa dối, xây dựng vinh quang cho chính bản thân y”. Khrushchev kể, năm 1948, tác phẩm “Tiểu Sử Ngắn” của Stalin được trình lên cho y coi lại trước khi in “Stalin không có một sự tự trọng tối thiểu nào khi tự sửa đổi bản thảo để gọi chính mình là lãnh tụ vĩ đại, nhà chiến lược siêu phàm của mọi thời đại và sửa bất cứ đoạn nào ca ngợi y không đủ”. Ở Việt Nam cũng có chuyện lãnh tụ tối cao tự ca ngợi đời mình như thế. Thật vậy, nếu không phải do chính cửa miệng Nuon Chea, Anh Hai (Brother Number Two) của Khờ Me Đồ, sau Anh Cả Pol Pot thốt ra, thế giới không biết lý do hàng triệu người dân Cambode bị giết chỉ vì “họ là kẻ thù của nhân dân”. Tên đao thủ phủ Nuon Chea khi trả lời không hiện ra trên khuôn mặt một dấu hiệu xót thương, hối tiếc, dường như ông ta vừa giết một con gà, con vịt chứ không phải 1,7 triệu người trong một đất nước chỉ có 7 triệu dân. Chỉ trong thời gian 4 năm từ 1975 đến 1979, 21%, dân Cambode đã bị giết bằng các hình thức vô cùng thảm khốc, kể cả cắt cổ, chặt đầu, gây thương tích và để chảy máu cho đến chết. Những chi tiết trong hồ sơ tòa án do Liên Hiệp Quốc bảo trợ về nhà tù Tuol Sleng hay được gọi theo mã số S-21 sẽ mãi mãi ám ảnh trong lịch sử Cambodge. Phần lớn tù nhân tại S-21 bị giết sau thời gian tra tấn bằng các thủ đoạn tàn độc như xé thịt, đổ rượu vào vết thương. Trong số 17 ngàn tù nhân tại Tuol Sleng chỉ có 7 người sống sót. Trong phiên tòa hôm 8 tháng 12/2011, thậm chí Nuon

Chea còn phản đối dư luận dám nói xấu đảng Cộng sản: “Khờ Me Đồ không phải là những người xấu đâu nhé”. Thật vậy, nếu không phải do chính ngòi bút của Hoàng Tùng, nguyên bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và là một trong số rất ít người gần gũi với Hồ Chí Minh nhiều năm viết ra có lẽ còn rất lâu người dân Việt Nam mới biết Hồ Chí Minh không những biết trước mà còn là người bỏ lá phiếu quyết định xử tử bà Nguyễn Thị Năm: “Sau cố vấn Trung Quốc là La Quý Ba đề nghị mãi, Bác nói: “Thôi tôi theo đa số, chứ tôi vẫn cứ cho là không phải”. ”Nếu trong buổi họp đó, với tư cách Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương đảng và người có quyền lực tối thượng bao trùm lên cả đám đệ tử “đa số” kia trong bộ chính trị, Hồ Chí Minh quyết định khác đi, chẳng những số phận của người phụ nữ yêu nước, cống hiến con cái của mình, tài sản của mình cho cuộc kháng chiến chống Thực Dân Pháp đầy gian khổ của dân tộc không phải chết một cách oan ức mà còn cứu mạng nhiều ngàn người dân vô tội khác trong những lần đầu tố sau đó. Tòa án lịch sử dân tộc Việt Nam hôm nay và ngàn đời sau phán xét ông Hồ không phải dựa vào việc ông ta “cho là phải” hay “cho là không phải” khi giết bà Nguyễn Thị Năm nhưng ở chỗ ông ta đã quyết định bỏ phiếu “theo đa số”. Lá phiếu của ông Hồ chính là viên đạn bắn vào đầu bà Nguyễn Thị Năm.

Chủ nghĩa Cộng Sản đã tàn rụi ở châu Âu nhưng trong năm nước còn sót lại sự khổ đau, chịu đựng vẫn còn đến hôm nay và không biết đến bao giờ mới hết. Chiến tranh lạnh đã tàn. Các nước tư bản tự do vì lý do kinh tế đã không còn giương cao ngọn cờ dân chủ như trước nữa. Họ mặc nhiên chấp nhận chế độ Cộng Sản như là một thực tế của mỗi quốc gia hơn là một phong trào quốc tế. Nhân dân Bắc Hàn, Cu Ba, Việt Nam, Lào, Trung Hoa là những dân tộc chịu đựng trong cô đơn. Người dân Bắc Hàn khóc vì sợ hãi, giả dối, bắt buộc hay bị tẩy não, đều đáng thương, đáng được cảm thông hơn là đáng trách hay đáng bị cười khinh dể. Những giọt nước mắt đó trước lương tâm nhân loại chính là những lời tố cáo hùng hồn về một chế độ phi nhân đang tồn tại ở Á Châu.

TRẦN TRUNG ĐẠO



CÀ PHÊ VÀ THÁNG TƯ

Trần Mộng Lâm



Bạn tôi, thi sĩ Lan Đàm bên quán cam gửi cho một bài thơ và rủ về bên để uống cà phê tại coffee factory. Lời mời này bỗng nhiên làm tôi nổi hứng đề vi vút vài hàng về cái chất đắng này. Để mở đầu câu chuyện, xin quý độc giả thưởng thức bài thơ:

Buổi trưa ở coffee Factory.

Ngồi đi, ta gọi cà phê.

Kéo thêm ghế, đợi bạn bè đến sau.

Quán trưa, hè nắng, nhìn nhau.

Điểm sương mái tóc, trán nhàu tháng năm.

Ngày mùa đông, trời lạnh căm.

Thấy trong khói thuốc, mùi tắm quê nhà.

Ngồi đi, còn ấm chung trà.

Về ư, thì lại mình ta ngâm ngùi.

Chẳng hiểu quán cà phê coffee factory có cái gì đặc biệt mà ông bạn quý lại đem vào văn chương như vậy, nhưng cứ coi như đây là một quảng cáo cho cái quán cà phê này. Nếu chủ quán thấy được tác dụng của bài viết phiếm này, yêu cầu ông gửi chi phiếu về yểm trợ cho báo Quốc Gia của Cộng đồng người Việt Quốc Gia vùng Montréal.

Viết về cà phê quả thực là một điều xấu hổ cho tôi, vì một lẽ rất quái gở là tuy bây giờ, Việt Nam là nước sản xuất cà phê đứng thứ nhì trên thế giới, với sản lượng 1067000 tấn, chỉ sau Brésil với 2796000 tấn, mà ngôn ngữ nước tôi không có chữ để gọi cái cây này. Vậy thì trước khi người Pháp đến Việt Nam, chúng ta gọi cái cây này là cây gì? Hình như trước đó, đất nước chúng ta không có loại cây này. Phải đợi đến năm 1888, theo chân người Pháp, loại thảo mộc quý giá này mới xuất hiện tại Việt Nam. Dù sao chẳng nữa, vấn đề nhức đầu này, xin hạ hồi phân giải.

Thực ra, chữ café trong tiếng Pháp cũng là vay mượn mà thôi, vì rằng thoát kỳ thủy, người Ả Rập

gọi nó là cahouah, phát xuất từ tên gọi của một loại cây mọc

ở tiểu bang Kaffa, xứ

Ethiopie. Chỉ từ những năm 1600 trở đi, ngôn ngữ Pháp mới có chữ café, vay mượn từ tiếng Ý. Vậy thì cây cà phê đầu tiên được nhân loại khám phá là ở vùng Kaffa, Ethiopie ngày nay. Thuở ấy, những người chăn dê nhận thấy có một thứ cây thấp bé, cành cây có hoa trắng, quả màu đỏ. Dê sau khi ăn thứ quả đó, thì trở nên khỏe mạnh, chạy nhảy tung tăng không biết mệt đến tận đêm khuya. Từ đó, người Ả Rập bắt chước con dê, ăn cái quả đó để hưng phấn. Mãi sau này, họ mới biết cách rang lên, tán nó ra làm đồ uống. Cà phê trở thành một món hàng ăn khách, và vùng Mocha là trung tâm buôn bán. Mocha hay Mokka nằm ở xứ Yemen ngày nay. Cà phê Moka sau đó được vua Thổ Nhĩ Kỳ Selim đệ nhất trong cuộc chinh phục Ai Cập và La Mecque đem về Âu Châu. Tại xứ Constantinople, năm 1554 có khai trương 2 quán cà phê đầu tiên tại Âu Châu. Các quán cà phê sau đó trở nên ăn khách quá, và người ta tụ họp tại các quán này, tán nhảm lung tung, chuyện trên trời, chuyện trai gái, rồi lại nói chuyện chính trị, chính em nữa, «linh tinh». Bởi vậy, có một thời gian, tại Constantinople, chính quyền đóng cửa hết các quán này, để tránh cho bọn phản động bàn tán lăng nhăng. Lại nữa, những người theo đạo Hồi cho rằng cà phê được rang trên than hồng, mà tất cả những gì dính lưu tới than, thì bị giáo chủ Mahomet cấm tiệt.

Nhưng mà không hiểu do Quỷ Vương hay Thương Đế (Dieu ou le Diable) thương, mà cái thức uống này không bị tiêu diệt, trái lại tại Ai Cập,



thành phố Caire năm 1630, có đến 1000 quán cà phê được mở ra, náo nhiệt. Tại các quán này, khách hàng có thể vừa uống cà phê, vừa xem các vũ nữ thân không gầy, múa bụng cho coi. Có quán lại còn thuê các người kể chuyện như băng đọc truyện ngày nay, người ta gọi các người làm nghề này là các ông conteurs. Thử tưởng tượng, mùa đông, ngồi bên ly cà phê, có ông MC vỗ tay lộp độp và kể chuyện ma, thích mê đi chứ.

Lại có một ông thầy thuốc người Đức tên là Léonhard Rauwolf ca tụng cà phê như một thần dược. Ông phán rằng: Cái thức uống đen như mực đó có thể chữa nhiều bệnh, đặc biệt các chứng đau bụng.

Thấy cà phê được ưa thích quá, sợ các con chiên sao lãng việc tu tập, người ta khuyên Giáo Hoàng Clément VIII ra lệnh cấm cà phê. Ngài Clément sau khi thưởng thức, không đồng ý vì cà phê giúp cho người ta trở thành sáng suốt hơn và thức khuya hơn để tu tập, tại sao lại phải cấm?

Để bảo vệ tính hiếm quý của loại cây này, người Ả Rập không cho xuất cảng cà phê. Mãi đến năm 1650, một người đi hành hương La Mecque mới đem được bầy cây cà phê lên lút đem về trồng ở Ấn Độ. Cùng năm này, những quán cà phê được xuất hiện lần đầu ở Londres và Oxford. Điều đáng nói là hãng bảo hiểm nổi tiếng của Anh, hãng Lloyd's chính là chủ nhân của Lloyd's Coffee house, từ năm 1688. Những tư tưởng mới lạ và văn minh đều bắt nguồn từ những quán cà phê. Sự kiện này kéo dài đến ngày nay với các quán cà phê internet.

Tại Pháp, năm 1671, tỉnh Marseille có quán cà phê đầu tiên. Tại Paris, năm 1672, một nhà thương mại tên Pascal khai trương một quán cà phê gần Pont-Neuf. Phải đợi đến 1686, người ta mới khám phá ra cà phê phin tại quán cà phê Procope. Cũng tại đây, người ta chấp nhận lần đầu tiên cho các bà, các cô được phép vào uống cà phê.

1689, cà phê vượt Địa Trung Hải và đến được châu Mỹ.

Còn Việt Nam chúng ta, tuy hiện nay là nước sản xuất đứng thứ nhì trên thế giới, sách vở cho biết đồn điền đầu tiên trồng cà phê là do người Pháp trồng ở Kẻ Sờ, Bắc Kỳ năm 1888.

Một quán cà phê là nơi người ta đến để uống cà phê. Nhưng nếu chỉ đơn thuần như vậy thì chẳng có gì đáng nói hết. Quán cà phê cũng sẽ chỉ như

một quán phở, quán bún bò Huế mà thôi. Quán cà phê khác biệt ở tính cách văn hóa và xã hội của nó. Đó là một nơi người ta đến để giải trí, để sáng tạo và để trao đổi ý kiến, để gặp gỡ nhau.

Từ đó, có sự phân biệt ra nhiều loại quán cà phê. Nào là cafés littéraires, nào là café-concert, magna café, coffee-shop... vân vân.

Sau này tại Việt Nam, xuất hiện nhiều loại cà phê đặc biệt, xin tạm kể: cà phê ôm, cà phê vọc, cà phê quai, cà phê quỹ, đủ thứ cà phê kinh hồn táng đờm.

Trong các công sở, tư sở, pause café rất là quan trọng, không có nó thì nhân viên hết làm việc được. Trong khoảng thời gian đó, mọi việc được xếp lại để người ta uống cà phê. Chỉ 10, 15 phút thôi nhưng không thể thiếu, đó là thời gian để đem thêm năng lượng vào cơ thể để có thể cày tiếp.

Sau một ngày làm việc, buổi tối, tại các quán cà phê đông nghẹt khách hàng, nhất là vào mùa hè. Tại Montréal, có nhiều quán cà phê phải giữ chỗ trước. Mùa hè mà đến các quán cà phê trên đường St Denis, với các hiên rộng ở ngoài (terrasse) thì thú vô cùng. Ở đây có đủ loại cà phê khác nhau.

Tương cũng nên nhắc tới một vài loại cà phê để chúng ta khỏi bối rối khi người phục vụ hỏi mình muốn uống cà phê loại nào.

Cà phê có thể uống riêng rẽ hay pha với sữa hay kem. Sau này người ta còn thêm vào bơ cho béo, hạt cau, thậm chí thuốc kí ninh cho đắng, trứng gà, mật gấu...v.v

Trong tiếng pháp có tiếng percolation mà tôi không biết dịch là gì. Đó là một phương pháp đặc biệt áp dụng trong các bình pha cà phê kiểu Ý, dùng hơi nước nóng và áp suất để pha cà phê. Nước được đun nóng, bốc hơi. Vì hơi nước chiếm nhiều thể tích hơn nước ở thể lỏng nên trong bình pha cà phê kiểu Ý, bình kín mít, hơi nóng tạo thành áp suất, đẩy qua lớp cà phê, chảy xuống thành một chất lỏng màu đen kịt. Khi chảy hết, máy phát ra những tiếng glou, glou đặc biệt, thì lúc đó phải rót lửa. Trong các máy pha cà phê espresso, người ta còn phát minh ra cách tạo áp suất lớn hơn nữa để tạo thành một thứ cà phê đặc, đen, nguyên chất.

Việt Nam cải tiến thành cà phê bí tất. Cơ khí lắm.

Cà phê pha với sữa gọi là cà phê latte. Sữa và cà phê phân lượng bằng nhau.

Cà phê macchiato sữa nhiều hơn cà phê.

La noisette là cà phê espresso cộng thêm một chút xiu sữa được đánh thành bọt (cà phê nhiều hơn sữa)

Capuccino là espresso cộng với hai phần sữa, chia ra sữa lỏng và sữa đánh thành bọt.

Américano là cà phê espresso pha loãng với nước sôi. Nước sôi 7 phần, cà phê một phần.

Cà phê liégois khác ở chỗ thay vì dùng sữa, người ta dùng crème glacée.

French coffee là cà phê pha với cognac.

Viet Nam coffee là cà phê pha với ...không biết cái gì ở trong.

Nói về Việt Nam, hồi trước 75, tôi là khách hàng trung thành của các quán cà phê.

Tại Cần Thơ hồi đó có cái quán cà phê Tim Quên, nghe nói là do một cô giáo thất tình lập thành. Quán nằm trong một biệt thự có nhiều cây rậm rạp, đèn mờ mờ, nhạc tình thiết tha, réo rắt. Ngồi nghe, nhiều khi tưởng chừng thân hình mình tan thành nước.

Thấy Tim Quên ăn khách, ít lâu sau có quán cà phê Gợi Nhớ cạnh tranh.

Sau đó thì quán Huyền, quán Chiều Tím.... quán nào cũng có một giai nhân tóc dài, thân gầy eo thon, ngồi sau quầy đẹp như một cô gái liêu trai, làm nhiều chàng trai chết mê chết mệt.

Quán cà phê Trang thì đặc biệt quá, tôi chỉ đến đây khi có việc cần. Quán này có lợi điểm là ở gần một khách sạn, tiện lắm.

Đà Lạt thì nổi tiếng với Cà Phê Tùng, nghe nói đến nay vẫn còn. Hồi đó, Cà Phê Tùng ngày nào cũng cho mở bản nhạc Apache, hay bản The House of the rising sun. Một thời không bao giờ quên được.

Khi học khóa 7 Chiến Tranh Chính Trị tại Đại Học Chiến Tranh Chính Trị, tôi hay đến quán Biển Nhớ, nghe nhạc Trịnh Công Sơn, Vũ Thành An, bài không tên số 2.

Việt Nam ngày nay thì hết biết. Hãy đọc ít giòng quảng cáo:

-Cà phê vườn ABC: là điểm hẹn lý tưởng cho đôi lứa yêu nhau, là nơi dừng chân thư giãn cùng bạn bè, người thân, là nơi thực khách có thể vừa thưởng thức những món ăn ngon hay nhâm nhi tách cà phê vừa trao đổi công việc cùng những đối tác quan trọng sau những giờ làm việc căng thẳng....

-Cà phê XYZ: Ấn tượng khi đến đây là tiếng chim hót liu lo không ngừng trên những tán cây cổ thụ hay những cây ăn quả trái sum suê.

Cà phê dành cho Việt Kiều: Quán mang đậm màu sắc của Sài Gòn những năm 60. Dành cho những ai muốn hoài niệm về nhịp sống Sài Gòn ngày xưa.

Cà phê tình yêu: Nơi tình yêu bắt đầu, dành cho những tâm hồn lãng mạn. Không gian chỉ còn tình yêu ngự trị.

Còn có cả trăm lời quảng cáo tương tự để lôi cuốn khách hàng. Thử hỏi với những lời đường mật đó, làm sao không khỏi một lần muốn nếm thử cà phê.

Bạn tôi, thi sĩ Lan Đàm say mê với cà phê. Hình như lúc nào anh cũng ở quán cà phê, những lúc đông khách, đã đành, cả những khi quán vắng vẻ, chỉ còn hầu như mỗi mình anh:

Ở Quán Trưa, Một Ngày Đông

Quán trưa, nắng tạt, vàng bay.

Gọi cà phê, đợi bạn đầy ghế không.

Trong cây, lá đã sẫm đông.

Nơi ta sao vẫn mên mê mộng Sài Gòn.

Quán trưa, gió nhạt, trà ngon.

Rót cho nhau, chút mộng còn dở dang.

Bạn đọc thơ, giọng võ vàng.

Lênh đênh khói thuốc, ngồn ngang quê nhà.

Quán trưa, chợt nhớ người xa.

Lạnh vai Tư Mã, mình ta ngậm ngùi.

Mình ta ngậm ngùi, phải thế không, những người tha hương phiêu bạt, dù ở Canada hay ở Mỹ, Paris hay Melbourne.

Ôi, năm 1975, tháng Tư !!!

TRẦN MỘNG LÂM

Tham Khảo:

Wikipédia.Internet.



Buồn Một Rừng Sâm

PHAN HẠNH

Cánh rừng sâm này thật kỳ lạ, bên ngoài trông hoang sơ tĩnh lặng nhưng dường như là nơi chứa một thế giới sinh động âm thầm. Phải chăng nó được đôi bàn tay tiên vô hình nào đó sắp đặt và phải chăng tôi quá mơ mộng nên nó quyến rũ tôi ngay từ tia nhìn đầu tiên.

Tillsonburg, địa danh của vùng có khu rừng này, mới nghe đã êm tai hay hay. Nó gợi cho tôi liên tưởng đến một làng quê nước Anh thời Trung Cổ thâm trầm huyền bí qua một số phim ảnh mà tôi đã xem. Tillsonburg của tỉnh bang Ontario có thể do một ông di dân gốc Anh nào đó tên Tilson đến lập nghiệp và đặt tên để tưởng nhớ nguyên quán của ông.

Từ khi xe rời xa lộ 401 để đến địa điểm này, tôi thấp thỏm hướng mắt nhìn hai bên đường nhưng tôi chỉ thấy những cánh đồng trồng cây thuốc lá xanh rờn mênh mông ngút ngàn như đồng lúa quê nhà. Những cây thuốc lá mập ú với lá to bằng cái quạt mo tấm tấp sắp hàng thẳng băng như trung đoàn khóa sinh tập hợp ở sân cò quân trường. Một cách vô thức, tự nhiên tôi vẫn hay nhớ lại quãng đời lính tráng không làm sao quên đi được.

Rừng sâm đâu? Tôi dỗi mắt tìm. Tôi tự hỏi hay là nhà thầu cung cấp thợ nhằm lẫn đưa chúng tôi đi hái thuốc lá? Tillsonburg... Tillsonburg... Thôi đúng rồi, nó cũng là tên của một bài hát tôi đã nghe qua trong những năm đầu tị nạn lòng còn buồn nhớ nhà nhớ quê chết đi được. Những đêm năm ba đứa bạn tụ lại nhà nhau nghe cassette nhạc Việt lẫn nhạc ngoại quốc hoặc từ radio và tivi. Chàng ca sĩ dân ca Canada Stompin' Tom Connors hát bài Tillsonburg này vừa đánh đàn guitar vừa hát vừa dậm gót giày cao bồi xuống sàn sân khấu đánh nhịp. Hey Tom, You ever been to Tillsonburg, Tillsonburg? My back still aches when I heard that word. While a way down Southern Ontario... I never had a nickel or a dime to show. A fella beeped up in an automobile. He said, "You want to work in the fields of Tillsonburg, of Tillsonburg..."

Lẽ nào tôi cả ngày lom khom đi hái thuốc lá

như Tom chẳng để đến nỗi mỗi khi nghe đến địa danh đó cũng đủ cảm thấy ê cả lưng? Nhưng xe lại rẽ nữa, tôi thấy một vùng rừng cây cao xuất hiện. Nhìn từ xa, tôi tưởng chừng như cả khu rừng bỗng bồng bềnh trên sóng nước vì những vòm ngọn cây san sát nhau cứ hàng hàng lớp lớp chập chùng. Chừng đến gần hơn, tôi nhận ra thế đất nhấp nhô những đồi những lũng, lại có cả suối con uốn khúc quanh co, cây cối phẳng phiu xanh mướt hài hòa với lùm bụi khom thấp ven rừng ven suối. Sương mai là đà còn vẫn vương trên mặt đất. Mặt trời nhả tơ nắng xuyên qua kẽ lá lay động, chờn vờn, lung linh. Những bụi cây cao ngang tầm ống chân khoe ra những chùm hoa đỏ thắm xinh xắn nổi bật trông cứ như trâm cài thiếu nữ đài trang.

Tôi muốn ngồi đó mà ngắm và hít thở không khí tươi mát lành lạnh thống mũi như khi nhai kẹo cao su vị bạc hà. Tôi mê man ngắm nhìn phong cảnh đẹp của khu rừng. Tôi nghĩ biết đâu tôi sẽ bắt gặp bóng dáng một đạo sĩ lánh trần và một ngôi am cốc trong khu rừng đó. Nhưng tôi đến đây không phải để mơ mộng mà để làm công việc của một người đi hái sâm. Chiếc xe van khá cũ nồng khói thuốc lá chờ nhóm tám người phu chúng tôi từ đường cái rẽ vào đường làng quê. Cô ngồi gần tên Hồng bảo tôi, "Sắp tới rồi đó chú. Rừng sâm ở bên trái giáp cái bãi cỏ có ngôi nhà nóc đỏ đó."

Nhìn về hướng ấy, tôi nghe trong lòng rộn ràng một cảm giác thích thú sẽ được làm việc đồng áng ở đây suốt một tuần lễ, coi đó như một chuyến về quê hóng mát, một điều rất cần thiết cho tôi. Suốt mấy tháng qua, tôi bị rơi vào một trạng thái trầm cảm mệt mỏi buồn chán. Thế mà vừa nhìn cảnh đẹp này, tôi cảm thấy cõi lòng thanh thoát lâng lâng khiến công việc đào lấy củ sâm sắp bắt tay làm trở nên hứng thú.

Trong nhóm tám người chúng tôi chỉ có hai đàn ông là tôi và một ông nữa già cỡ tuổi tôi. Lúc trên xe, tôi để ý ông cứ ngủ gà ngủ gật bất chấp các cô các bà chuyện văn huyền thuyên. Ngoài tôi ra, tôi không biết có còn ai trong số họ là người

mới nữa không. Cũng giống như ông kia, tôi ngồi ở băng ghế sau cùng bốn người, ông một đầu tôi một đầu, và cả hai cùng ít lời. Suốt chặng đường dài cả tiếng đồng hồ, ông ngồi lim dim tĩnh khẩu và tôi cũng chẳng khác gì.

Suốt gần ba giờ trong buổi sáng, vì là người mới, tôi được giao nhiệm vụ để là hái hoa sâm khô để cho nông trại lấy hạt giống. Tôi say sưa làm việc trước khung cảnh thiên nhiên cao rộng. Mọi người được lệnh ngừng tay nghỉ ba mươi phút cho bữa ăn trưa. Dạn dĩ hơn, tôi đi tìm đệ tử Đạt Ma Thiền Sư, ông già im lặng giống tôi đó.

Ông già đó tên là Huỳnh Tư, quê quán Vũng Liêm, trung đội phó Nghĩa Quân trước ngày Quốc Hận 30-4-1975. May quá, ông cùng gốc lính như tôi nên dễ gọi chuyện làm quen. Tôi không ngờ anh Tư lại là người có nhiều thâm niên công vụ hái sâm nhất của bọn tôi: năm năm. Đúng vậy, năm năm qua anh chỉ làm nghề này, một nghề không hái ra tiền mà chỉ là một cái cơ tìm về thiên nhiên thanh tịnh an phận với nắng gió. Thảo nào gương mặt anh đượm nét phong trần đời phiêu bạt. Một vết sẹo trên má chạy xuống xương quai hàm, những cọng râu khô thưa lún phún trên cằm, hai chiếc răng cửa xô giạt, đôi mắt nhỏ, vẻ mặt lầm lì trở nên thân quen với tôi hơn vì đó là một gương mặt lính. Anh nói chuyện riêng của đời anh một cách miễn cưỡng nhưng nói chuyện sâm thì hứng thú lắm.

“Hồi trước tới giờ anh có thấy củ sâm tươi chưa?”, anh hỏi. Tôi nói chưa. Anh hỏi tiếp:

“Còn củ sâm khô?”

“Củ sâm khô thì tôi thấy rồi, mấy tiệm bán đồ khô dưới Phố Tàu thiếu gì.”

“Vậy chứ anh thấy củ sâm khô giống cái gì nhứt?”

Tôi tưởng anh các cơ hỏi đùa nên chỉ cười cười lắc đầu. Anh nói:

“Giống một hình nhân nên người Tàu kêu nó là dành xéng tức là nhân sâm. Nó cũng giống một nét viết bằng bút lông với mực tàu của mấy ông đồ nho. Nó cũng giống chòm râu bạc phát phơ của mấy ông tiên nữa.”

Trong những lần nói chuyện với nhau sau đó, anh Tư còn giải thích cho tôi biết sâm có mấy loại, cách ươm hạt ra sao, trồng bao lâu mới lấy củ. Mấy ngày đi hái sâm rồi cũng qua, tôi quen với sự làm việc ngoài trời giữa thiên nhiên, nhất là trong cánh

rừng sâm có sức thu hút lạ lẫm này. Tôi đã quen tư thế lom khom cúi cúi cả ngày bên các luống sâm. Không khí thoáng thoang mùi sâm giúp tôi cảm thấy dễ chịu, may ra tôi sẽ hết bệnh trầm cảm.

Suốt mấy năm qua, tôi sống rữ rượi, luôn bị dẫn vật bởi một nỗi lo âu to lớn đến choáng ngợp khiến cho lắm khi tôi nghĩ đến cái chết. Những lần gặp bác sĩ gia đình, tôi chỉ sợ sẽ nghe ông báo cho tôi biết là tôi đang mắc phải một chứng bệnh ung thư ghê gớm nào đó. Nhưng không, kết quả nhiều thử nghiệm cho thấy sức khỏe tổng quát về thể chất của tôi không có điều gì bất thường, tôi chỉ u sầu phiền muộn. Bác sĩ hỏi lý do, tôi trả lời là tôi không rõ. Bác sĩ khuyên tôi nên thường xuyên vận động ngoài trời, đi đó đi đây để tạm quên sinh hoạt nhàm chán hằng ngày. Tình cờ đọc báo thấy cần người làm việc nông trại, tôi nghĩ hay là tôi thử xem. Thế là tôi lấy ba tuần phép để đi hái sâm chữa bệnh buồn.

Bây giờ tôi đã khỏe hơn, yêu đời hơn, đứng ra là yêu khu rừng này. Tôi quen với một người bạn mới là anh Huỳnh Tư. Qua tuần lễ thứ hai, chúng tôi đã nói chuyện với nhau nhiều hơn, hai đệ tử Đạt Ma Thiền Sư xuống núi. Cuối tuần tôi xách xe tới đón anh. Chúng tôi rủ nhau ra phố uống cà phê, xong tôi đưa anh về và ngồi lại nghe anh kể chuyện đời anh.

Năm 18 tuổi, anh tình nguyện vô Nghĩa Quân, đóng đồn ở tại làng nhà, một vùng quê xa xôi hẻo lánh nhứt trong tỉnh Vĩnh Long. Đồn anh đóng quân thường xuyên bị du kích Việt Cộng khuấy phá. Lần nặng nhứt xảy ra vào năm Mậu Thân, lúc anh mới cưới vợ chưa đầy năm. Hôm ấy, vừa lúc trời chạng vạng tối, cơm nước đã xong, anh Tư nằm võng xĩa răng gần khu gia binh, nghe một bạn đồng đội hát một bài vọng cổ. Một toán Việt Cộng mon men theo bờ ruộng tới sát đồn rồi cắt hai lớp rào kẽm gai bỏ vào.

Trong bóng tối nhờ nhờ, anh thoáng thấy một thằng nên hỏi “Ai đó?” Tên du kích trả lời anh bằng tiếng súng. Anh nhanh nhẹn nhào xuống khỏi võng, chụp cây Carbine M2 bắn trả đồng thời la lớn: “Đặc công Việt Cộng anh em ơi! Việt Cộng! Việt Cộng!” Anh chạy băng về vị trí phòng thủ, nơi có để sẵn nhiều cấp số đạn dược gồm cả lựu đạn.

Dù mở cuộc tấn công ở cả hai mặt, Việt Cộng

vẫn bị đẩy lui sau một giờ quần thảo khi chúng nghe tiếng xe cứu viện từ quận chạy đến gần. Khi tiếng súng đã ngưng hẳn, Tư rời hầm chiến đấu định trở lại khu gia binh. Cách hầm anh không xa, anh nghe tiếng gọi quen thuộc:

“Anh Tư!”

“Huê hà? Sao em lại ở đây?”

Tư hồi xong vừa quì xuống bên cạnh bóng đen nằm trên mặt đất. Nhìn kỹ, Tư thấy vợ bê vết máu. Vợ anh thều thào một cách mệt nhọc đứt quãng:

“Em... bị thương nên... bỏ đi tìm anh... có gì em... được chết bên anh...”

Chị bị thương ngay từ những loạt súng đầu tiên của Việt Cộng. Lúc đó chị đang đi đến vắng anh nằm thì bị trúng đạn ở đầu gối. Vậy mà anh nào có hay nên chạy ra hô phòng thủ. Chị phải lê lết bò theo đã khá lâu nên mất máu quá nhiều. Khi toán quân tăng viện của quận vào đồn để tấn thương thì chị đã chết trên tay anh.

Kể đến đây, anh Huỳnh Tư nói “Một phần là lỗi tại tôi” trong rơm rớm nước mắt và ngồi trầm ngâm một hồi lâu. Tôi vụng về nói một câu an ủi anh:

“Thôi chuyện qua rồi anh đừng buồn. Chắc chị linh thiêng luôn phò hộ cho anh.”

Nghe vậy, anh nói:

“Biết đâu chừng, vì sau đó Việt Cộng bắn tôi bị thương hoại mà tôi không chết.”

Những vết thương trong cơ thể khiến cho anh phải luôn luôn uống thuốc chống đau nhức cho đến ngày nay.

Sau đó, anh lập gia đình với cô bạn thân của người vợ cũ. Anh nguyện sẽ chăm lo cho người bạn đời chu đáo hơn và anh càng chiến đấu quyết liệt hơn để trả thù cho vợ. Có lẽ nhờ hương hồn người vợ đầu phò trợ, anh sống sót tới ngày tan hàng 30-4-1975 với chức vụ sau cùng là trung đội phó. Trả nợ tù mấy tháng xong, anh về quê vợ làm vườn trồng trọt sống qua ngày. Hai đứa con trai của anh được bạn bè rủ rê vượt biên trốn lốt và được nhận định cư ở Canada, sau này chúng bảo lãnh vợ chồng anh và hai đứa con nhỏ nữa đoàn tụ.

Anh Huỳnh Tư kể:

“Tôi qua đây được ở nhà cao cửa rộng, vậy mà sao tôi vẫn thấy không thoải mái bằng ở dưới quê bên nhà. Ở bưu đình tốt trên tầng thứ mười là nhà cao, cửa bưu đình hai cánh là cửa rộng, thang máy

mấy cái bấm nút chạy cái vào là tới. Dân cư trong bưu đình cỡ mấy trăm còn đông hơn là dân một xã ở quê nhà. Vậy mà muốn hút thuốc phải bận áo vô rồi ra đứng hút ngoài lan can hay là đi ra ngoài đường mà hút, không như ở nhà quê nằm võng ở hàng ba hút thoải mái.”

Tôi ngạc nhiên hỏi:

“Nhưng tôi đâu có thấy anh hút thuốc, chắc anh bỏ thuốc rồi?”

Anh lắc đầu buồn bã. Gương mặt khắc khổ phong trần của anh cau lại. Anh cúi đầu, hai cánh mũi anh nhấp nhô, đôi môi mím chặt. Không nhìn lên, anh đáp với giọng trầm buồn:

“Tôi bỏ thuốc rồi anh à, bỏ từ khi bác sĩ cho biết vợ tôi bị ung thư phổi cách đây hai năm. Tôi bỏ thuốc nhưng tôi đâu có cứu được mạng sống của vợ tôi vì chỉ bảy tháng sau thì vợ tôi chết. Trời ơi! Người ta nói tôi có số sát vợ! Tại sao vậy nè trời!”

Anh khóc rầm rức. Tôi lại an ủi:

“Tôi nghiệp cho số phận không may của chị. Nhưng anh Tư à, không phải trường hợp ung thư phổi nào cũng là do hút thuốc gây ra đâu. Chưa chắc là do lỗi của anh, xin anh đừng buồn.”

Anh Tư nói:

“Vợ tôi không trách tôi nhưng tôi biết đó là lỗi của tôi. Hồi còn ở bên nhà, nhà dưới quê thông thoáng, khói thuốc phả ra khỏi miệng là bay mất. Tới khi qua đây ở nhà cao cửa rộng, mùa đông ra đứng ngoài ban công hút một điếu thuốc đã lạnh cóng tay, tôi chịu đâu có nổi. Tôi nằm trong phòng ngủ hút thuốc, vợ tôi cũng chẳng hề lên tiếng phàn nàn gì. Nhưng trong phòng tù túng, khói thuốc cứ quanh quẩn trong phòng, vợ tôi hít vô phổi ngày này qua ngày khác nên chắc tại vậy mà mang bệnh ung thư.”

Tôi im lặng chờ đợi. Anh kể tiếp:

“Lúc gần chết, vợ tôi đau đớn lắm, cứ nằm rên. Mấy đứa con tôi thấy vậy xót thương cho má nó quá nên nói tại tôi hút thuốc trong nhà. Vợ tôi nghe vậy còn bệnh tôi và rầy chúng không được hỗn. Như vậy có đứt ruột không chớ. Bởi vậy cho nên sau khi vợ tôi chết rồi, tôi đem hũ tro cốt về quê chôn gần mộ người vợ trước. Tôi đã dặn mấy đứa con là tôi chết rồi cũng thiêu và đem hũ tro về chôn ở bên. Tôi đi hái sâm và làm nông trại đã được năm năm trời nay, tiền bạc để dành được bao nhiêu tôi

gởi về giúp đỡ bà con còn ở quê nhà. Nói thiệt với anh, anh đi lâu rồi không biết chớ dân dưới quê nghèo lắm. Chỉ có cán bộ Việt Cộng tham nhũng, ăn cướp, ăn hối lộ mới giàu thôi.”

Hôm ấy từ nhà anh tôi lái xe ra về mà cứ nghĩ ngợi mãi về chuyện đời anh. Nhưng hôm sau đến rừng sâm, tôi cảm thấy sảng khoái trở lại. Không khí trong lành quá, cảnh vật xinh tươi quá khiến cho tôi tươi tỉnh. Cánh rừng sâm như một sự màu nhiệm có thần lực gọi rửa mọi ưu phiền. Anh Huỳnh Tư cũng bớt nét ủ dột. Trên xe đi làm, anh cũng lên tiếng góp chuyện. Một cô hỏi tôi:

“Chú qua đây lâu chưa?” Tôi đáp:

“Tôi qua Canada từ sau năm bảy lăm”. Cô ấy nhìn tôi là lạ. Tôi đoán cô lấy làm lạ tại sao tôi ở xứ này lâu rồi mà cũng đi làm nông trại y hệt như những người mới qua mấy chục năm sau. Cô không thêm hỏi tôi nữa, một là cô nghĩ tôi mát từng, hai là cô nghĩ tôi ba xạo. Anh Tư lên tiếng:

“Anh nói thiệt đó”.

Thật ra tôi thấy tôi cũng hơi mát từng. Đàn ông đến tuổi xế chiều ông nào cũng vậy không nhiều thì ít. Ông Tư đó cũng khá dị thường đó sao. Thân phận tan nhà mất nước cỡ như chúng tôi sống lưu cư xứ lạ trong lòng lúc nào cũng mang một gánh nặng tâm tư thần thờ lơ lửng. Tim tôi đã chật chỗ rồi. Bao nhiêu phiền muộn vào ngời tim tôi. Chừng nào có một chút vui. Tôi đem ra đốt ngửi mùi hân hoan. Tôi đang có một chút vui do cánh rừng sâm này mang lại.

Trong rừng sâm, khi làm việc, mỗi người chúng tôi được giao cho một khu vực được đánh dấu lằn ranh bằng những cây cọc gỗ trên đầu có buộc một giải ny lông màu cam. Mỗi người được phát cho một đôi găng tay bằng sợi vải, một cái xẻng tay nhỏ, một cái xô hai ngăn bằng nhựa để đựng củ và hoa sâm khô. Chúng tôi được dặn kỹ phải cẩn thận giữ cho củ sâm nguyên vẹn hình hài, cố gắng tránh làm trầy sướt gãy củ sâm. Cũng may đất khá xốp và ẩm, người đào chỉ cần múa vài đường xẻng là lôi lên được một củ sâm đẹp.

Trong ngày đầu làm công việc này, tôi còn giữ kể sợ dơ quần lấm áo nên chỉ ngồi chồm hóm hoặc lom khom. Đến khi đào lên được một củ sâm nhiều chân nhánh thông như thạch nhũ, tôi vui mừng hừng chí. Chừng đó, tôi bắt kể sạch dơ, cứ ngồi bẹp dưới đất hoặc quì hai gối cầu mong cho củ sâm tôi

đào lên còn nguyên. Vì mỗi người được chỉ định một khu vực riêng cách nhau vài chục thước, tôi cảm thấy được tự do, dù tôi có bò càng, có hí hửng biểu lộ cảm xúc vui mừng quá đáng cũng chẳng sợ ai dòm ngó nghĩ tôi điên. Tôi vốn thích làm việc một mình trong sự yên tĩnh là vì vậy.

Ngày xưa tôi cứ tưởng sâm mọc hoang, bây giờ mới biết là được trồng đúng cách. Nguyên cả khu rừng này mới trông tưởng đâu là tự nhiên nhưng thật ra do con người xếp đặt kỹ lưỡng có sự nghiên cứu hẳn hoi. Thảo nào lần đầu tiên trông thấy nó, tôi không khỏi ngỡ ngàng tự hỏi sao thiên nhiên chỉ do một sự tình cờ lại có thể tạo nên một khu rừng toàn mỹ như vậy. Thì ra chẳng có phép lạ từ chiếc đĩa thần của một bàn tay tiên nào cả, chỉ có bộ óc sáng tạo và sự thông minh tuyệt vời của con người mà thôi.

Thấm thoát gần hết ba tuần lễ đã trôi qua. Hôm nay là ngày cuối, người đầu nậu cho biết công việc hái sâm ở khu rừng này đã hoàn tất. Nếu ai muốn tiếp tục làm tuần sau thì sẽ được đưa đến một vườn sâm khác. Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn là tại sao có lúc gọi là rừng có lúc gọi là vườn, người đầu nậu giải thích rằng rừng thì có cây thật tạo bóng mát cần thiết cho sâm, còn vườn thì có những tấm khung che nắng bằng ny lông dựng nghiêng. Trong bữa nghỉ trưa, tôi tìm anh Tư để nói riêng lời từ biệt. Tôi thấy anh đang ngồi dưới một gốc cây tùng. Cánh rừng này trồng xen kẽ mấy loại mộc khác nhau như tùng, thông, bách. Cây nào cũng được tỉa cành chỉ chừa vừa đủ ánh nắng thích hợp cho sâm. Nền đất được dọn sạch sẽ thơm mát và mềm mại dưới gót chân. Huỳnh Tư, người trung đội phó nghĩa quân ngày nào ngược nhìn tôi từ hộp cơm trưa. Tôi lên tiếng:

“Tôi xin ngồi ăn trưa với anh cho có bạn, nhân tiện chào từ giã anh vì tuần tới tôi không làm sâm nữa.”

Nói xong, tôi tự động ngồi xuống đối diện với anh, lôi một ổ bánh mì thịt, một trái táo và một chai nước lọc trong túi xách ra, thư thả nhâm nhá bữa ăn trưa đạm bạc. Anh Tư ăn cơm với tép rang. Tôi nghe văng vẳng tiếng ve sầu. Tôi nghĩ đến một chốn an nghỉ bình yên hay một cõi quá khứ xa xăm, nơi anh và tôi từng trải qua tuổi thanh niên trong binh lửa.

“Anh đã hết căn bệnh ưu phiền rồi hả?”, anh

hỏi. Tôi đáp:

“Dứt luôn chưa thì không biết nhưng tôi thấy đầu óc thanh thản và hết lo rầu vô cớ anh Tư à. Chừng nào tôi cần chữa trị bệnh buồn nữa thì tôi sẽ xin đi làm lâm trở lại.”

Anh nghĩ ngợi một lúc rồi nói:

“Nếu mình chết mà được chôn ở một nơi đẹp yên tĩnh như vậy thì sướng thiệt anh hả?”

Nghe anh nói tôi giật mình vì chính tôi cũng đã từng có ý nghĩ đó. Được chôn ở đây, thân xác sẽ thấm hương sâm, nghe tiếng thông reo nước chảy, chim hót ve kêu, hồn chắc chẳng còn muốn tiêu diêu đâu nữa cả.

Ba hồi còi xe báo giờ nghỉ trưa đã dứt. Chúng tôi trở lại làm việc. Năm giờ chiều, ba hồi còi xe dài hơn báo giờ ra về. Tôi đứng lên hít thở thật sâu, đảo mắt nhìn quanh rừng sâm bao quát. Vào nhà trại, tôi giao nạp lại mọi đồ đạc, rửa tay, bước lên xe. Cánh rừng sâm giờ đang nhuộm nắng chiều, một màu vàng ối bao trùm cả không gian. Xe lăn bánh, tôi luyện tiếc nhìn theo, mơ hồ như thấy thấp thoáng bóng hình của chính mình trong chập choạng hoàng hôn buồn một rừng sâm.

PHAN HẠNH

Vers mon pays en détresse

(Texte original “Hương về quê mẹ” de M. Dương Từ)

à peine l'image du pays pointa dans mon esprit, le jour de l'An que déjà dans mon ouïe, une voix lointaine chuchotait, alarmante : tant que l'hostilité envers les envahisseurs ne se résoudra pertinemment n'avise pas la question d'aller voir ton pays, en ce temps !

Certes, le prétexte “labiodental”, bel emblème de camaraderie et voisinage tourné mal n'est en réalité qu'un leurre infâme, une perfidie hideuse, plus d'une fois utilisé ô ma porte frontière Nam Quan disperse ! ô mon île Trường Sa occupée ! . . . Comment osiez-vous, vous collaborez pour déchiqueter ainsi nos terres ancestrales.

Ces dures paroles inculquées par la mère-patrie me retenaient de mon plan hasardeux, Quoi que j'en eusse plein et l'amour pour mon pays et la compassion pour la conscience me dit que si, à mon âge, je pourrais encore servir à quelque chose. À mon dernier souffle, je n'y refuserai point et déploierai mes efforts méticuleux.

Alors que nos gens de toutes parts se sont surchauffés de colère et de haine infaillible. Ces ignobles traîtres sans cœur humain, eux, ferment l'œil et l'oreille, impassibles. Allons donc ! debout et marchons ! unissons nos forces dissimulées, nos potentiels multiformes. Espérons un jour retrouver la liberté chérie des mains salies des ennemis nuisibles !

1^{er} Avril 2011

(Version française : par Mme Chu Lương Cơ

L'expression “Môi hở, Răng lạnh” a pour sens figuré : “Un doigt pris dans l'engrenage, toute la main y passe”

NGƯỜI CÒN NHỚ HAY NGƯỜI ĐÃ QUÊN

Minh Đạo & Nguyễn Thạch Hân

Thình thoảng đám bạn già lại tụ họp nhau ôn lại chuyện xưa, vỗ về an ủi nhau, ai còn ai mất. Ai hiểu được lòng thổn thức nỗi niềm mất nước nhà tan, lưu vong nơi xứ người?

Thầy Năng Tĩnh ở một mình trong ngôi Chùa nhỏ vùng ngoại ô, rất xa thành phố. Ngôi Chùa chỉ là chiếc “mobile home” trên vài mẫu đất, trước kia là một nông trại bé tí teo, có hàng rào kẽm gai chung quanh để trại chủ nuôi bò. Từ ngày lập Chùa, Thầy chỉ nuôi mấy con gà trống, thả chạy tự do đặng nghe tiếng gáy cho vui và một con chó nhỏ để làm bạn. Sát hàng rào Thầy trồng mấy dây mùng tơi, khổ qua, dền bầu và mướp trái xum xuê, bên cạnh đó là mấy luống cải xanh, rau thơm. Sân trước, Thầy đào chiếc hồ xinh xinh, có hòn non bộ, đầy đủ cảnh “Sơn Thủy Tùng Đình” với “Ngư Tiều Canh Mục”, trông cũng vui mắt. Trong hồ có cá vàng bơi lội tung tăng, vài con rùa thỉnh thoảng lại trồi lên mặt nước ngoe ngoáy.

Những lúc rảnh rỗi Thầy ra ngồi trên chiếc ghế đá đặt cạnh hồ đọc sách hoặc uống trà, có khi ngồi thiền nữa. Đúng là khung cảnh nhà quê Việt Nam của kẻ nhàn hạ ẩn dật. Kể ra cuộc sống cũng tạm đầy đủ, thỉnh thoảng có khách lại thăm, mang cúng dường vài bao gạo, mấy chai tương đủ cho Thầy dùng cả năm. Phật tử theo Thầy đa số là bạn bè cũ, hoặc mấy người theo học khóa tu thiền. Thầy cất mấy cốc nhỏ sau chánh điện làm phòng ngủ cho chính Thầy và cho khách phương xa cần ở lại.

Thỉnh thoảng Chùa vẫn mở khóa tu thiền, thường kéo dài từ 4 ngày đến 1 tuần. Phật Tử đến tu tập xúm nhau nấu ăn tập thể, nghe Thầy thuyết pháp và tập thiền; đa số là những người lớn tuổi, thời giờ rảnh rỗi, muốn tìm về nơi yên tĩnh để được hít thở không khí trong lành, như một cuộc nghỉ mát hằng năm cho tâm hồn thư giãn. Chùa ở xa thành phố nên cũng ít khách thập phương vắng lại.

Thầy là người điềm đạm, thông thái và vui tính. Ai có điều khó giải quyết trong gia đình cũng lại Chùa để trút bầu tâm sự và nghe lời Thầy khuyên

răn. Thầy đã lăn lóc hơn nửa đời người ngoài đời nên cũng có chút kinh nghiệm về đời sống gia đình. Đạo gần tết, có người biếu Thầy một chậu mai vàng, Thầy vẫn chưng trong phòng khách cùng với mấy chậu kiểng bonsai. Bên Mỹ, loại mai rừng năm cánh dài và nhỏ xíu thì rất nhiều, nhưng Mai Việt Nam thì hiếm, quý lắm, thế mà có người trồng được, hay họ nhập cảng từ VN không chừng. Phòng khách, phía sau chánh điện, trên tường có treo bức tranh thật đẹp, có lẽ Phật Tử vẽ tặng Thầy; hình một tháp chuông của ngôi Chùa nào đó, ở góc tháp, chỉ thấy chiếc áo nâu của vị Sư đang nhìn về phía núi rừng trước mặt, trong buổi chiều tà. Phía dưới hình tháp chuông là bài kệ “Cáo Tật Thị Chúng” của Thiền Sư Mãn Giác:

Xuân khứ bách hoa lạc

Xuân đáo bách hoa khai

Sự trục nhãn tiền quá

Lão tùng đầu thượng lai

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

Bài kệ này đã được cụ Ngô Tất Tố dịch ra như sau:

Xuân đi trăm hoa rụng

Xuân đến trăm hoa cười

Trước mắt việc đi mãi

Trên đầu già đến rồi

Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết

Đêm qua sân trước một cành mai

Bài kệ đã được sáng tác hàng ngàn năm trước, có lẽ sẽ còn truyền tụng nhiều ngàn năm sau và mãi mãi. Thiền Sư Mãn Giác đã khéo léo dùng hình ảnh hoa rụng rồi hoa nở để nói lên kiếp luân hồi của chúng sanh, như thiên nhiên có đi rồi có về, dòng đời vẫn trôi vô tình.

Một buổi chiều cuối tuần có người khách từ phương xa đến trao cho Thầy tấm thiệp. Thầy Năng Tĩnh cầm tấm thiệp, lật qua lật lại xem tỉ mỉ. Tấm thiệp cũ kỹ, bạc màu, đã sờn rách mấy góc cạnh, không có địa chỉ người gởi nhưng địa chỉ

người nhận đã bị sửa đổi nhiều lần, chứng tỏ nó đã chuyển qua nhiều người trước khi tới tay Thầy. Thầy lầm nhẫm đọc tấm thiệp từ Việt Nam gởi tới: “Nội của cháu nhắc đến Ông luôn, Nội đã mất rồi. Cháu tình cờ đọc được bài viết về Ông trên mạng. Cháu cảm ơn Ông và bạn của Ông đã cứu gia đình cháu, Huế, Mậu Thân.” Thầy nhìn mãi tấm thiệp như đang nhìn hình ảnh đời thầy trong dĩ vãng.

*

Thầy Năng Tĩnh sinh ra và lớn lên ở Huế. Những gì còn lại trong Thầy chỉ là mấy bài thơ nhớ Huế, và vài kỷ niệm của cậu “Bé Tư” hoang đàng chơi nhiều hơn học.

Mỗi khi trời se lạnh, rong chơi trên những con đường Thành Nội, lại được ngắm những tà áo trắng học trò khoác hờ một chiếc áo len đủ màu, ôi dễ thương làm sao! Những buổi trưa hè cùng đám bạn “Trời đánh” đạp xe ra hồ Tịnh Tâm hay lên đồi Vọng Cảnh hoặc nằm dưới gốc mấy cây Phượng Vĩ hoa đỏ rực gần cầu Trường Tiền. Huế chỉ còn lơ mơ trong ký ức đầu đây. Chùa Linh Mục trang nghiêm soi mình trên giòng sông Hương thơ mộng, núi Ngự Bình hiền hòa như vòng tay Mẹ giang ra ôm những người con xứ Huế vào lòng. Còn gì nữa nhỉ, phải rồi, những buổi hẹn hò đi ăn chè Cồn, ăn cơm Âm Phủ, bún bò Huế ở cái quán sập xệ bên đường quốc lộ 1, dưới gốc tre già, ngon tuyệt vời và cay xé họng, hay những ngày còn bé bỏng leo đèo theo Mẹ trong chợ Đông Ba. Vâng, chỉ có thể thôi, còn lại là máu và nước mắt. Máu của đồng đội và nước mắt của những bà mẹ mất con, người vợ mất chồng. Huế là những tang tóc điêu tàn của Tết Mậu Thân, là ngơ ngác lo âu hoảng loạn của những ngày cuối cùng thời VNCH.

Đời người thật ngắn ngủi, mới hôm nào đây, Thầy còn là một chàng trai trẻ “Cậu Tư” vẫn cấp sách đến trường, rồi bị gọi động viên vào quân ngũ. Cậu mê màu xanh rần rì và cuộc sống hào hùng của những “Thuyền Thần Mũi Xanh”, thế là tình nguyện gia nhập TQLC. Trải qua bao nhiêu gian khổ, sống chết trong gang tấc. Những đứa con yêu xứ Huế đã mấy lần cứu đất Mẹ, để trả một chút ân tình cưu mang. Tết Mậu Thân, hồi hải theo đơn vị từ Saigon về Phú Bài, suốt gần một tháng hành quân giải tỏa, đổ bao nhiêu xương máu của anh em, bạn bè, đồng đội để giành lại từng căn nhà, từng con đường, cuối

cùng cũng treo được lá cờ vàng trên Kỳ Đài Huế, lính tráng vỗ vai nhau cười mừng rỡ. Cha Mẹ ở đó, bà con anh em ở đó, thầy cô ở đó, ngôi trường thân thương thời niên thiếu ở đó, bây giờ đã chiếm lại được! Cái giá phải trả quá cao nhưng vẫn là đáng giá. Đã là trả chữ hiếu thì nghĩ gì đến giá cả! Đơn vị lúc ra đi đầy đủ quân số, giải tỏa xong chỉ còn lại một phần ba.

“Mùa Hè Đỏ Lửa” Cậu Tư theo đoàn quân cấp tốc từ Ái Tử kéo về dàn hàng ngang bờ nam sông Mỹ Chánh. Bắc quân, với quân số cao gấp mấy lần, đang hùng hổ vượt sông Bến Hải kéo nhanh về phương nam, Hy vọng sẽ chiếm Huế một lần nữa trong thời gian rất ngắn, nhưng bị khựng lại ngay bờ sông Mỹ Chánh.

Những đứa con yêu đất Thần Kinh đã dựng một bức tường lửa ngay ở đó đốt rụi đám quân “Sinh Bắc Từ Nam” điên cuồng, rồi đẩy bật “những con thiêu thân” đó ra khỏi Cổ thành Quảng Trị. Máu đỏ thối rơi, trên 3000 chiến hữu đã bỏ mình để đổi lấy sự tự do cho miền địa đầu giới tuyến. Quảng Trị ơi, quê hương ta đây!. Quê hương đầy máu lửa và hận thù, do giặc phương Bắc mang đến. Thời trai tráng đã đi qua mau chóng sau những chiến trận đẫm máu, Cậu Tư đã trở thành Ông Tư lúc nào không biết.

Tháng 3/75 đám bạn bè của Ông muốn cứu đất Mẹ lần thứ ba, nhưng không còn cơ hội nữa, thế là “Gãy Súng”, thế là “Tan Hàng”, nhưng không ai còn nhớ những đứa con thân yêu bị bỏ rơi ở cửa biển Thuận An, ở Non Nước Đà Nẵng. Đồng đội của Ông đã hy sinh trên những “Pháp Trường Cát” đó. Người ta đã quên đi, nhưng Ông thì không, bạn bè, anh em còn nằm lại đó, làm sao quên được.

Ông Tư bị đi tù cải tạo tận miền Bắc, ngày được tha về, vợ Ông đã qua đời. Gia đình cha mẹ chẳng còn ai. Nhà cửa bị tịch thu, đứa con gái nhỏ vượt biên chẳng ai biết tin tức ra sao. Nghĩ đến gia đình tan nát Ông lại ứa nước mắt. Ông tự hỏi từ ngày ra đi, vợ con Ông làm sao để sống? Bao nhiêu cay đắng nhọc nhằn nay mới được dịp tuôn trào như nước vỡ bờ. Ông theo người bạn, sắm một thùng đồ nghề nho nhỏ để sửa xe đạp, “bản doanh” đặt ở gốc cây gần ngã tư. Thời điểm đó chương trình đoàn tụ gia đình (ODP) đang lên cao. Nhờ chút vốn liếng Anh Văn trong những lần Quân Đội cho tu

ngiệp bên Mỹ trước kia, Ông đổi nghề làm thầy dạy Tiếng Anh tại tư gia cho những gia đình sắp đi đoàn tụ, học trò của Ông nhiều quá phải chia bớt cho đám bạn tù khác. May mắn gặp người bạn giới thiệu dạy mấy lớp tiếng Anh trong một trường tư thục, cũng tạm đủ sống.

Lúc nạp đơn theo diện HO đi Mỹ, Ông vẫn còn lưỡng lự giữa đi và ở lại, cuối cùng Ông quyết chí ra đi để tìm đưa con thất lạc.

Qua Mỹ, nhờ bạn bè cũ, ra đi từ trước, ông được giúp đỡ kiếm việc và hướng dẫn hội nhập vào đời sống mới. Việc làm lao động cực nhọc, dù cực mấy cũng không bằng những năm tù cải tạo. Ông làm việc không nghỉ, những ngày cuối tuần lại đi làm công quả ở Chùa, để khỏi phải nhớ về dĩ vãng. Ông muốn quên đi, nhưng không làm sao quên được. Có những đêm mệt mỏi đặt lưng xuống giường nhưng mắt vẫn mở thao láo, dĩ vãng lại ùn ùn kéo về như mây mùa thu. Đôi khi chợt thấy mình còn đang nhọc nhằn trong trại tù cải tạo, giật mình thức giấc nửa đêm, mồ hôi ướt đầm áo ngủ, sờ xoạng trên tấm nệm một lúc mới tin rằng mình đang ở bên Mỹ. Có những lúc thương nhớ người vợ đã ôm đau trong lúc nước mất nhà tan, chồng tù tội, không thuốc thang, rồi đột ngột bỏ đi về bên kia thế giới không lời từ giả với Ông, để lại đứa con gái trẻ dại, không biết nương tựa vào đâu, Ông ngồi khóc một mình trong nỗi cô đơn nơi xứ lạ quê người. Đứa con vẫn chẳng có tin tức gì.

Thình thoảng đám bạn già lại tụ họp nhau ôn lại chuyện xưa, vỗ về an ủi nhau, ai còn ai mất. Ai hiểu được lòng thổn thức nỗi niềm mất nước nhà tan, lưu vong nơi xứ người?. Những vết thương xưa trong lòng hầu như khó lành, thình thoảng lại vỡ ra. Hãy quên đi! Hãy quên đi! Hãy quên đi! Giọt nước mắt lưng tròng không gột rửa được tui nhục và lòng thương nhớ anh em bạn bè, những kẻ kẻ vai sát cánh, sống chết với mình đã vĩnh viễn nằm lại.

Mỗi lần nghe bản nhạc: "Cờ bay, cờ bay trên thành phố thân yêu, vừa chiếm lại đêm qua bằng máu..." Đám bạn bè của Ông cúi đầu mắt đỏ hoe. Ai hiểu được nỗi niềm của kẻ tha hương muốn đem nắm xương tàn về với quê hương bên đồng đội của mình:

*Khi tôi chết, đừng đưa tôi ra biển
Đưa tôi về Lao Bảo, Khe Sanh*

*Để đêm nghe vang dội khúc quân hành
Ôi! Linh chiến một thời kiêu hãnh quá.
Khi tôi chết, đừng đưa tôi ra biển
Đưa tôi về Ben-Hét, Đắc-Tô
Nơi bạn bè tôi, xây mộng sông hồ
Nguyên trần giữ dãy Trường Sơn yêu quý.
Khi tôi chết, đừng đưa tôi ra biển
Đưa tôi về Bình Giả, Chiến Khu Đ
Cho hồn tôi siêu thoát với lời thề
Thân chiến sĩ, nguyện xin đền nợ nước.
Khi tôi chết, đừng đưa tôi ra biển
Đưa tôi về Cái Nước, Đầm Dơi
Đêm U Minh, nghe tiếng thét vang trời
Mừng chiến thắng để dâng về tổ quốc.
Khi tôi chết, đừng đưa tôi ra biển
Trả tôi về với dân tộc Việt Nam
Gói thân tôi ba sọc đỏ màu vàng
Xin liệm kín với hồn thiêng sông núi.*

(Khi tôi chết, đừng đưa tôi ra biển. Thơ Nguyễn Văn Phán)

Một ngày giúp Sư Cụ dọn dẹp kệ sách trong Chùa, bất ngờ ông đọc được bài kệ của Thiền Sư Mãn Giác. Tục truyền rằng bài kệ đó, Thiền Sư đã ban cho các đệ tử trước khi Ngài viên tịch, để an ủi những người còn thương tiếc Ngài. Ông Tư ngộ ra rằng kiếp nhân sinh là vô thường nên quyết tâm cáo đầu xin quy y làm đệ tử Phật Môn. Sư Cụ cũng hoan hỷ chấp thuận. Ông Tư nay đã trở thành Thầy Năng Tĩnh, sớm hôm theo Sư Cụ học đạo và tụng kinh.

*

Thầy Năng Tĩnh chợt nhớ ra, tuần lễ đầu tiên về giải tỏa Huế trong trận đánh Mậu Thân, đơn vị của Thầy đã mất một phần ba quân số chỉ để băng qua một con đường, tiến vào khu trường học. Hóa ra ngôi trường là khu giam giữ những người dân chẳng may lọt vào tay lũ Việt Cộng năm vùng. Hằng đêm chúng mở ra phiên tòa, buộc những tội vu vơ hay chỉ là thù cho người bị bắt rồi mang đi thù tiêu. Một số người may mắn được đơn vị Ông cứu kịp, thoát chết, mặt mày ngơ ngáo, đói khát, trong đó có gia đình người thầy giáo biệt phái bạn học cùng trường với Ông. Người bạn đã ôm chặt lấy Ông và khóc ròng. Nhiều người đã quy xuống đất lạy tứ phương như cảm ơn những người lính VNCH và Trời Phật đã cứu họ vừa đúng lúc. Lính tráng chẳng có nhiều đồ ăn nhưng cũng chia

cho đám “tù nhân” thê thảm đó ít cơm sậy ăn đỡ lòng. Đứa bé viết lời cảm ơn gửi tới Ông chắc là cháu của Ông thầy giáo hay là của một người nào đó trong đám tù nhân được Ông và đồng đội giải thoát.

Đôi tay run run, Thầy lau nhẹ hai giọt lệ lăn trên gò má rồi tắt tã đi vào chánh điện lạy Phật, tụng một hồi kinh sám hối. Thầy bước qua góc phải đến trước bàn thờ Hương Linh,

Trên bàn thờ có hình ảnh 5 vị Tướng VNCH tuần tiết và tháp thoáng rất nhiều hình ảnh các cựu chiến binh. Thầy thắp nhang, vái lạy và ngồi tụng một hồi kinh. Tiếng thầy sang sảng nhịp đều theo tiếng mõ. Thình thoảng âm vang tiếng chuông giải thoát trong không gian tĩnh mịch như muốn thức tỉnh những ai còn đang u mê trong cõi trầm luân.

Nửa đêm, Thầy chợt tỉnh giấc, trong tay vẫn cầm tấm thiệp, nước mắt còn hoen ố trên mi. Thầy thì thầm đọc bài kệ của Thiền Sư Mãn Giác:

“Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết

Đêm qua sân trước một cành mai”

Đúng vậy, Chết không phải là hết, Miền Vĩnh Cửu vẫn là điều mong ước như cành mai còn nở vào độ xuân tàn. “Nhất Chi Mai” tượng trưng cho niềm hy vọng, chân thiện mỹ. Những sự hy sinh bản thân mình của các vị anh hùng cho tha nhân giống như những giá trị siêu việt, vẫn trường tồn bất diệt. Thầy mỉm cười, khoác thêm tấm áo lạnh, đầu chum chiếc mũ len, lặng lẽ đi ra phía bờ hồ, con chó con lẻo đẻo theo sau. Thầy châm lửa đốt tấm thiệp, rồi ngồi tọa thiền đến lúc nghe tiếng gà gáy, con chó vẫn nằm yên dưới chân chủ nó. Thầy thùng thảng đứng dậy, đi về hướng chánh điện. Sau một đêm tọa thiền, ánh sáng ban mai đã xua đuổi hẳn màn đêm tăm tối ra khỏi bầu trời mênh mông và ra khỏi tâm trí Thầy Năng Tĩnh.

Thầy là người tu hành, những tường rằng nương tựa cửa Phật thì sẽ quên mọi sự nhưng dù sao Thầy cũng chỉ là con người như trăm ngàn con người khác với đủ cả “hỉ nộ ái ố” ... Thầy sửa soạn để tụng hồi kinh sớm với tấm lòng từ bi, một trái tim biết xót thương đồng loại!

Minh-Đạo & Nguyễn Thạch-Hẩn



Bến Cũ

*Biển nhớ xa xưa.....chân trời cũ
Muôn trùng tiếc nuối buổi chia xa
Hẹn hò nhiều năm tình vẫn đợi
Giòng đời lặng lẽ ở trong mơ
Tình cảm nín là tình muôn thuở
Yêu âm thầm yêu mãi không thôi
Bến cũ đường xưa dài kỷ niệm
Có lần âu yếm.....tuổi lao xao*

TY BA – THÀNH NGUYỄN MLT

BÁO CHÍ... CHÓE

*Tà tâm, tà ngữ nhập nhòe
Cộng thêm tà ý lập lòe “đỏ” au
“Hong, cam” đan quện vào nhau
Đánh người lương thiện, nát nhàu báo “to”
Rồi xoa tay cười tên tò:
“-Chúng mình vĩ đại, chẳng lo thiếu tiền”
Tâng bốc nhau, danh hảo huyền
Vây mà cũng lắm người điên đi cùng!*

Ý Nga, 3-2-2011.

Truyện Thơ

LAN ĐÀM

Tôi gặp người thanh niên có đôi mắt buồn vời vời đó ở Trại Tỵ Nạn Galang/Indonesia khi tôi làm công việc sơ vấn những thuyền nhân Việt Nam mới tới cho Phái Đoàn JVA của Hoa Kỳ. Anh đã bật khóc khi tôi hỏi về tình trạng vợ con như tôi vẫn thường phải hỏi những thuyền nhân khác theo một mẫu mà JVA đã in sẵn. Và sau đó, vào một buổi chiều mưa rừng mù mịt bên ngoài barrack, đến thăm tôi, anh kể cho tôi nghe về chuyện tình của anh, và tôi nhớ, suốt cuộc đàm thoại, *mắt tôi cũng rưng rưng lệ cùng với những nghẹn ngào của anh.* Cho tới bây giờ tôi vẫn nghĩ rằng, sống ở một tiểu bang heo hút nào đó, vào những đêm trăng sáng, chắc hẳn anh vẫn còn nhìn trăng và ngậm ngùi nhớ về *Vườn Trăng* ngày xưa của anh nơi quận lỵ nhỏ ven dòng Hậu Giang êm đềm nghìn trùng xa cách...

VƯỜN TRĂNG

*Ngày xưa anh đuổi bướm
Bướm bay vào vườn em
Ngày xưa em tóc bím
Tròn mắt nai sau rèm*

*Mười năm dài hò hẹn
Minh cũng chỉ thân quen
Vườn trăng không hò hẹn
Mà mê mãi trốn tìm*

*Rồi anh lên tỉnh học
Đêm chia ly rất buồn
Cầm tay, em muốn khóc
Vội vàng nửa môi hôn*

*Thư tình bao nhiêu lá
Bấy nhiêu là sắt son
Những mùa hè đoàn tụ
Vườn trăng xây mộng tròn*



*Quê hương vào khói lửa
Anh xếp bút cùng nghiên
Em sầu hơn cô phụ
- lỡ làng cả tình duyên*

*Anh miệt mài gió cát
Quê hương cuối không còn
Hận thù nào chát ngất
Mẹ Việt Nam héo hon*

*Em lạc loài phố nhỏ
Anh đập đá trên ngàn
Trăm mùa trăng gọi nhớ
Nghìn đêm lệ chứa chan
Mười năm anh trở lại
Chốn xưa sao điêu tàn
Tìm em, hồn tê dại
- biển đông đã vùi thân*

*Anh khô giòng lệ máu
Đời trống như hoàng hôn
Theo em vào giông bão
Mặc sóng cả, gió dồn*

*Trời thương hay đầy đoạ
Anh vẫn sống, mỗi mòn
Chiều băng khuâng đất lạ
Một mình, mấy cô đơn*

*Ôi vườn trăng, người cũ
Giờ muôn trùng cách ngăn
Người, chìm sâu biển cả
Mây thành khuất vườn trăng*

THƯ CẢM ƠN

Thay mặt cho những Thương Phế Binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà còn kẹt lại ở quê nhà đã được trợ giúp trong chương trình “ **Một Niềm Hy Vọng Mới Trong Cuộc Đời** ” từ nhiều năm qua, Gia Đình Mù Đỏ Việt Nam - Chi Hội Canada (GĐMĐ.Ca) và các thân hữu xin chân thành cảm tạ Quý Ân nhân, Mạnh thường quân và Quý Hội đoàn đã ủng hộ chúng tôi để chúng ta có thể cùng nhau hoàn thành tốt đẹp công việc có ý nghĩa này.

Trong năm 2011, GĐMĐ.Ca đã giúp đỡ được **333 TPB/QLVNCH** với tiêu chuẩn là **100.00\$ CAD** (một trăm Gia kim) cho mỗi TPB.

Kể từ tháng 4/2011 cho đến ngày in Đặc San Cánh Dù Viễn Xứ 2012 (tháng 3 năm 2012) do GĐMĐ.Ca thực hiện, chúng tôi vẫn tiếp tục nhận được sự yểm trợ và ủng hộ của Quý Ân nhân Hải ngoại và danh sách được liệt kê dưới đây:

Danh tính Ân nhân yểm trợ	\$ USD Mỹ Kim	\$ CAD Gia Kim	Phụ Chú
Ông Bà Nguyễn Thái Bình			
M.Đ.B.S. và Bà Vĩnh Chánh	100.00		
Ông Bà Đỗ Thành Chung	250.00		
M.Đ. và Bà Trần Công Cử	100.00		
Ông Kha V Lê	50.00		
Ông Bà Nguyễn Đại - Phương Loan			
Bà Nguyễn Chánh Thi	50.00		
Cô Trần Thị Thanh Thủy	100.00		
Ông Bà Phạm Ngọc Tụng	50.00		
Ông Bà N.S. Alexandre Huy Quang Nguyễn		100.00	
Ông Bà Hoàng Song An		100.00	
Ông Andy A Phạm		300.00	(gồm 2 lần: 1 lần \$100.00 và 1 lần \$200.00)
Ông Bà Chung Duy Ân		200.00	
Ông Hoàng Trọng Ân		300.00	
Ông Bà B.S. Đỗ Quốc Bảo		300.00	
Ông Nguyễn Bảo		100.00	
Bà Trương Thị Bích		20.00	
Ông Bà B.S. Nguyễn Thanh Bình (Ottawa)		100.00	
Ông Tân Cá		100.00	
Ông Bà Lê Tiến Cang		100.00	
Bà Phan Thị Cầm		50.00	
Bà Đỗ Thị Minh Châu		100.00	
Ông Bà Hỉ-Châu		100.00	
Ông Bà Vũ Quang Chi		200.00	
Ông Bà Dương Minh Chiếu			
Bà Trần Thị Chính		300.00	
Bà Lê Nguyên Diễm		50.00	
Tiệm Vàng Kim Dung		100.00	

Ông Bà Nguyễn Tiến Dũng		100.00	
Ông Bà D.S. Vũ Thiện Đắc		100.00	
Ông Trần Thành Đô		100.00	
Ông Dương Đức		500.00	
Ông Bà Lương Minh Đức		200.00	
M.Đ.B.S. và Bà Nguyễn Minh Đức		300.00	
Ông Bà Nguyễn Ngọc Hải		100.00	
Ông Bà Nguyễn Duy Hạnh		100.00	
Bà Nguyễn Thị Hảo		100.00	
Bà Lê Kim Hằng		200.00	
Bà Trần Trang Diễm Hằng		100.00	
Ông Bà Phạm Xuân Hiền		100.00	
Ông Bà B.S. Nguyễn Mậu Hoàng		200.00	
Ông Bà B.S. Nguyễn Văn Hoàng		200.00	
Ông Bà Nguyễn Hoành		80.00	
Gia Đình Bà Vũ Bích Hợp		100.00	
Ông Nguyễn Đình Hùng		100.00	
Ông Bà B.S. Dương Đình Huy			
Ông Bà Phạm Đăng Hưng		450.00	
Ông Bà Phương - Hương		100.00	
Bà Thanh Hương		100.00	
Bà Nguyễn Anh Kha		100.00	
Ông Bà Lê Khản		100.00	
Cô Nguyễn Kim Lệ		100.00	
Ông Bà Đình-Linh		100.00	
Cô Loan		50.00	
Ông Trần Văn Sơn Lộc		100.00	
Ông Bà Hồ Văn Mai		100.00	
N.S. Lê Thị Kim Mai		300.00	
Ông Bà B.S. Ngô Văn Mai		100.00	
Ông Bà B.S. Nguyễn Hữu Minh		500.00	(gồm 3 lần: 2 lần \$200.00 và 1 lần \$100.00)
Ông Bà B.S. Nguyễn Hữu Nam		200.00	
Ông Bà Nguyễn Hoàng Nghị		100.00	
Gia Đình Bà Hoàng Thị Kim Nghiên		600.00	
Ông Bà Lê Hồng Nghiệp		100.00	
B.S. Cấn Thị Bích Ngọc			
Bà Nguyễn Thị Ngọc		100.00	
Ông Bà Vinh-Nhan		100.00	
Cô Như Lê		700.00	
Ông Bà B.S. Lưu Hữu Ni		100.00	
Ông Bà Đào Văn Ninh		100.00	
Ông Hoàng Vinh Phán		500.00	
Ông Bà Văn Thành Phát		100.00	
Ông Bà Nguyễn Đôn Phong		50.00	
Ông Bà Võ Châu Phong		100.00	
Ông Bà Ngô Phú		300.00	
Ông Trần Nguyên Phúc		200.00	
Ông Bà B.S. Mạc Văn Phước		200.00	
Ông Phước Nguyễn		300.00	

Ông Bà Văn Minh Phước		100.00	
Ông Bà B.S. Diệc Kiến Quân		260.00	(gồm 2 lần: Một lần \$60.00 và một lần \$200.00)
Ông Nguyễn Văn Rong		100.00	
D.S. Cổ Thị Ruông		200.00	
Bà Nguyễn Thị Sáu		60.00	(gồm 2 lần: Một lần \$20.00 và một lần \$40.00)
Bà Nguyễn Thị Sinh		100.00	
Ông Bà B.S. Lê Đức Tâm		200.00	
Ông Bà D.S. Lê Đức Thắng		200.00	
Ông Bà Trịnh Đình Thiện		50.00	
Ông Bà Hà Quang Thùy		100.00	
Ông Bà Nguyễn Trung Thứ		100.00	
Bà Nguyễn Văn Tiên		110.00	
Bà Ngô Nguyễn Thùy Trang		100.00	
Ông Bà Lê Quảng Trị		200.00	(gồm 2 lần: Mỗi lần \$100.00)
Ông Phạm Trần Anh Tuấn		300.00	
Ông Trần Quốc Tuấn		100.00	
Ông Bà D.S. Hoàng Xuân Tụng			(gồm 2 lần: Mỗi lần \$500.00)
Ông Bà Đinh Tuyến		400.00	
Ông Bà B.S. Bành Văn Tỷ		100.00	
Bà Võ Thị Hồng Vân		100.00	
B.S. Nguyễn Mỹ Vân			(gồm 5 lần: Mỗi lần \$200.00)
Ông Bà Ngô Anh Võ		100.00	
Chùa Từ Ân		300.00	
Cộng Đồng Giáo Xứ Đức Mẹ LAVANG (Ottawa)			
Một số Ân nhân ẩn danh		2930.00	

Tổng cộng số tiền của Danh sách này là: **\$4 700.00 USD** và **\$25 560.00 CAD**.

Chương trình giúp TPB/QLVNCH vẫn được tiếp tục trong khả năng hiện có và nếu Quý Ân Nhân vẫn còn có lòng muốn giúp đỡ anh em TPB, kính xin quý vị gửi về địa chỉ GĐMĐ.Ca, chúng tôi sẽ nhận và chuyển về cho anh em TPB và gia đình họ còn kẹt ở lại Việt Nam.

Một lần nữa, chúng tôi xin gửi nơi đây lời chân thành cảm ơn Quý Đồng hương Ân nhân, Mạnh thường quân đã ủng hộ giúp đỡ từ tinh thần đến vật chất để chương trình này còn có thể tiếp tục tốt đẹp nhằm an ủi và chia sẻ một phần nào những đau khổ mà các anh em TPB/QLVNCH và gia đình họ còn ở lại quê nhà phải gánh chịu từ rất nhiều năm qua.

Trân trọng kính chào,
Nhảy-Dù Có Gắng !



Địa chỉ:

GIA ĐÌNH MŨ ĐỎ VIỆT-NAM / CANADA.

895 Hills Street.

Ville St-Laurent, QC. H4M 2W7. Canada.

ĐT: 514-855-0969

**LIÊN MINH VIỆT NAM -TÂY-TẠNG VÌ TỰ DO BIỂU TÌNH
CHỐNG HỒ CẨM ĐÀO TẠI ẤN ĐỘ NGÀY 26-03-2012**



*Liên Minh Việt Nam- Tây Tạng Vì Tự Do giương
cao lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ và cờ Tây Tạng*



Một thanh niên Tây Tạng đã tự thiêu



*Anh đã cháy thành than
Hình Reuters*



*Biểu ngữ lớn xác định chủ quyền HOÀNG
SA, TRƯỜNG SA LÀ CỦA VIỆT NAM*

NỘI

Tiểu Tử



- Nội xuống kìa!
- Nội xuống! Ê! Nội xuống!
- Nội xuống!

Bây con tôi reo mừng, chạy ủa ra ngõ. Ngoài đó, tiếng xích lô máy cũng vừa tắt.

Trong buồng, vợ tôi gom vội mấy giấy tờ hồ sơ nhét vào xắc tay, nhìn tôi, im lặng. Tôi hiểu: bà già xuống như vậy, làm sao giấu được chuyện tôi và hai đứa lớn sẽ vượt biên? Sáng sớm mai là đi rồi ...

Tôi choàng tay ôm vai vợ tôi, siết nhẹ :

- Không sao đâu. Để anh lựa lúc nói chuyện đó với má.

Khi vợ chồng tôi bước ra hiên nhà thì bây nhỏ cũng vừa vào tới sân. Đứa xách giỏ, đứa xách bao, đứa ôm gói, hí hửng vui mừng. Bởi vì mỗi lần bà nội chúng nó từ Gò Dầu xuống thăm đều có mang theo rất nhiều đồ ăn, bánh trái thịt thà... Những ngày sau đó, mâm cơm dưa muối thường ngày được thay thế bằng những món ăn do tay bà nội tụi nó nấu nướng nêm-nêm. Nhờ vậy, mấy bữa cơm có cái phong vị của ngày xưa thuở mà miền Nam chưa mất vào tay Việt Cộng... Mấy con tôi thường gọi đùa bà Nội bằng “trưởng ban hậu cần” hoặc chị “nuôi” và lâu lâu hay trông có bà nội xuống. Và lúc nào câu chào mừng của chúng nó cũng đều

giống nhau: “Nội mạnh hả Nội? Nội có đem gì xuống ăn không Nội?”. Mới đầu, tôi nghe chường tai, nhưng sống trong sự thiếu thốn triền miên của chế độ xã hội chủ nghĩa, lần hồi chính bản thân tôi cũng chỉ nghĩ đến miếng ăn thôi!

Con gái út tôi, mười một tuổi, một tay xách giỏ trầu của bà nội, một tay cặp-kè với bà nó đi vào như hai người bạn. Bà nó cưng nó nhưt nhà. Lúc nào xuống, cũng ngồi chung với nó để nghe nó kể chuyện. Nó thích bà nội ở điều đó và thường nói: “Ở nhà này chỉ có nội là thích nghe em kể chuyện thôi!”. Thật ra, nó có lỗi kể chuyện không đầu không đuôi làm mấy anh mấy chị nó bực. Trái lại, bà nó cho đó là một thi vị của tuổi thơ, nên hay biểu nó kể chuyện cho bà nghe, để lâu lâu bà cười chảy nước mắt.

Tôi hỏi má tôi :

- Sao bữa nay xuống trưa vậy nội?

Vợ chồng tôi hay gọi má tôi bằng “nội” như các con. Nói theo tụi nó, riết rồi quen miệng. Lâu lâu, chúng tôi cũng có gọi bằng “má” nhưng sao vẫn không nghe đậm-âm nồng-nàn bằng tiếng “nội” của các con. Hồi cha tôi còn sống, tụi nhỏ còn gọi rõ ra “ông nội” hay “bà nội”. Cha tôi mất đi, ít lâu sau, chúng nó chỉ còn dùng có tiếng “nội” ngắn gọn để gọi bà của chúng nó, ngắn gọn nhưng âm thanh lại đầy triu mến.

Má tôi bước vào nhà, vừa cởi áo bà ba vừa trả lời:

- Thôi đi mày ơi! ... Mấy thằng công an ở Trảng Bàng mắc dịch! Tao lên xe hơi sáng chở bộ. Tới trạm Trảng Bàng tụi nó xét thấy tao có đem một lon ghi-gô mỡ nước, vậy là bắt tao ở lại. Nói phải quấy bao nhiêu cũng không nghe. Cứ đề quyết là tao đi buôn lậu!

Rồi má tôi liệng cái áo lên thành ghế bàn ăn, nói mà tôi có cảm tưởng như bà đang phân trần ở Trảng Bàng :

- Đi buôn lậu cái gì mà chỉ có một lon mỡ nước? Ai đó nghĩ coi! Nội tiền xe đi xuống đi lên cũng hơn tiền lon mỡ rồi. Đi buôn kiểu gì mà ngu dại vậy hông biết!

- Ủa? Rồi làm sao nội đi được? Bộ tụi nó giữ lại lon mỡ hả nội? Con gái lớn tôi chen vào.

- Dễ hôn! Nội đâu có để cho tụi nó “ăn” lon mỡ, con! Mỡ heo nội thắng đem xuống cho tụi con chở bộ.

Ngừng lại, hớp một hớp nước mát mà con út vừa đem ra, xong bà kể tiếp, trong lúc các con tôi quây quần lại nghe:

- Cái rồi ... cứ đan ca riết làm nội phát ghét, nội đồ lì, ngồi lại đó đợi tụi nó muốn giải đi đâu thì giải.

Nghe đến đây, bây con tôi cười thích thú. Bởi vì tụi nó từng nghe ông nội tụi nó kể những chuyện “gan cùng mình” của bà nội hồi xưa khi cùng chồng vào khu kháng chiến, nhất là giai đoạn trở về hoạt động ngầm ở thành phố sau này, trước hiệp định Genève...

Con út nóng nảy giục:

- Rồi sao nữa nội?

- Cái rồi... lồi mười một mười hai giờ gì đó nội hồng biết nữa. Ờ... cỡ đứng bóng à. Có thằng cán bộ đạp xe đi ngang. Nó đi qua khỏi rồi chớ, nhưng chắc nó nhìn thấy nội nên quành xe lại chào hỏi: “Ủa? Bà Tám đi đâu mà ngồi đó vậy?”. Nội nhìn ra là thằng Kiều con thầy giáo Chén ở Tha-La, tụi bây không biết đâu. Kệ nội kể hết đầu đuôi câu chuyện cho nó nghe. Nó cười ngất. Rồi nhờ nó can thiệp nên nội mới đi được đó. Lên xe thì đã trưa rồi... Ti! Kiểm cây quạt cho nội, con!

Ti là tên con út. Cây quạt là miếng mo cau mà má tôi cắt, vanh thành hình rồi đem ép giữa hai tấm thớt dày cho nó bớt cong. Má tôi đem từ Gò Dầu xuống bốn năm cây quạt mo phân phát cho mấy cháu, nói: “Nội thấy ba má tụi con gỡ bán hết quạt máy, nội mới làm thứ này đem xuống cho tụi con xài. Kệ nó, xấu xấu vậy chớ nó lâu rách”.

Con út cầm quạt ra đứng cạnh nội quạt nhẹ mà mặt mày tươi rói: tối nay nó có “bạn” ngủ chung để kể chuyện! Vợ tôi đem áo bà ba của má tôi vào buồng mấy đứa con gái, từ trong đó hỏi vọng ra:

- Nội ăn gì chưa nội?

- Khỏi lo! Tao ăn rồi. Để tao tằm miếng trầu rồi tao với mấy đứa nhỏ soạn đồ ra coi có hư bề gì không cái đã.

Rồi mấy bà cháu kéo nhau ra nhà sau. Tôi nhìn theo má tôi mà bỗng nghe lòng dào dạt. Từ bao nhiêu năm nay, trên người má tôi chẳng có gì thay đổi. Vẫn loại quần vải đen lưng rút, vẫn áo túi trắng ngắn tay có hai cái túi thật đặc biệt do má tôi tự cắt may: miệng túi cao lên tới ngực chớ không nằm dưới eo hông như những áo túi thường thấy.

Mấy đứa nhỏ hay đùa: “Cha... bộ sợ chúng nó móc túi hay sao mà nội làm túi sâu vậy nội?”. Má tôi cười: “Ấy! Vậy chớ túi này chứa nhiều thứ quý lắm à bây”. Những thứ gì không biết, chớ thấy má tôi còn cẩn thận ghim miệng túi lại bằng cây kim tây!

Tôi là con một của má tôi. Vậy mà sau khi cha tôi chết đem về chôn ở Gò Dầu, quê tôi, má tôi ở luôn trên đó. Nói là để chăm sóc mồ mã và vườn tược cây trái. Thật ra, tại vì má tôi không thích ở Sài Gòn, mặc dù rất thương mấy đứa cháu. Hồi còn ở chung với vợ chồng tôi để tránh pháo kích - dạo đó, Việt cộng hay bắn hỏa tiễn vào Gò Dầu về đêm - má tôi thường chắc lưỡi nói: “Thiệt... không biết cái xứ gì mà ăn rồi cứ đi ra đi vô, hồng làm gì ráo”. Cái “xứ” Sài Gòn, đối với má tôi, nó “tù chân tù tay” lắm, trong lúc ở Gò Dầu má tôi có nhà cửa đất đai rộng rãi, cây trái xum xuê, và dù đã cao niên, má tôi vẫn thường xuyên xách cuốc xách dao ra làm vườn, làm cỏ. Và lại chung quanh đất má tôi, là nhà đất của các anh bà con bên ngoại của tôi, thành ra má tôi qua lại cũng gần. Các anh chị bà con tới lui thăm viếng giúp đỡ cũng dễ. Cho nên, dù ở một mình trên đó, má tôi vẫn không thấy cô đơn hiu quạnh. Lâu lâu nhớ bây con tôi thì xuống chơi với chúng nó năm bảy bữa rồi về. Má tôi hay nói đùa là “đi đổi gió”!

Mấy năm sau ngày mất nước, cuộc sống của gia đình tôi càng ngày càng bần chật. Cũng như thiên hạ, vợ chồng tôi bán đồ đạc trong nhà lần lần để ăn. Má tôi biết như vậy nên xuống thăm mấy đứa nhỏ thường hơn, để mang “cái gì để ăn” cho chúng nó. Nhiều khi nằm đêm tôi ứa nước mắt mà nghĩ rằng lẽ ra tôi phải nuôi má tôi chớ, dù gì tôi cũng mới ngoài bốn mươi lăm còn má tôi thì tuổi đã về chiều. Vậy mà bây giờ, mặc dù là công nhân viên nhà nước xã hội chủ nghĩa với lương kỹ sư “bạc hai trên sáu”, tôi đã không nuôi nổi má tôi, mà trái lại chính má tôi phải cắt-cà cắt-cùm mang đồ ăn xuống tiếp tế cho gia đình tôi, giống như má tôi mớm cơm dứt cháo cho tôi thuờ tôi còn thơ ấu! Thật là một “cuộc đổi đời” (Việt Cộng thường rêu rao: “Cách mạng là một cuộc đổi đời”). Nhưng cuộc đổi đời của mẹ con tôi thì thật là vừa chua cay vừa hài hước!

Lắm khi tôi tự hỏi: « Rồi sẽ đi đến đâu? ». Bây giờ tôi đã trở thành “trưởng ban văn nghệ” của cơ quan, một lối đi « ngang » mà nhờ đó tôi còn

được ở lại với sở cũ. Bởi vì mấy chục năm kinh nghiệm trong nghề nghiệp chánh của tôi, nhà nước cách mạng cho là vô dụng, không « đạt yêu cầu ». Thành ra, tôi ngày tôi chỉ lo cho đoàn « nghiệp dư » của cơ quan tập dượt hát múa. Thật là hề. Còn về phần các con tôi, tương lai gần nhứt là đi đánh giặc Kampuchia, tương lai xa hơn thì thật là mù mịt!

Trong lúc tôi không có lối thoát thì một người bạn đề nghị giúp chúng tôi vượt biên, nhưng chỉ đi được có ba người. Vậy là chúng tôi lấy quyết định cho hai đứa lớn đi theo tôi. Chuyện này, chúng tôi giấu má tôi và mấy đứa nhỏ, kể cả hai đứa đã được chọn. Phần vì sợ đồ bề, phần vì sợ má tôi lo. Ai chẳng biết vượt biên là một sự liều lĩnh vô cùng. Rủi đi không thoát là bị tù đầy chẳng biết ở đâu, may mà đi thoát cũng chưa chắc là sẽ đến bờ đến bến. Người ta nói trong số những người đi thoát, hai phần ba bị mất tích luôn. Thành ra, « vượt biên » là đi vào miền vô định...

Theo chương trình thì sáng sớm ngày rằm cha con tôi đi xe đò xuống Cần Thơ rồi từ đó có người rước qua sông ông Đốc để xuất hành ngay trong đêm đó. Tôi thắc mắc hỏi: « Tổ chức gì mà đi chui nhằm ngày rằm cha nội? ». Bạn tôi cười: « Ai cũng nghĩ như anh hết. Tụi Việt Cộng cũng vậy. Cho nên hề có trăng sáng là tụi nó nằm nhà nhậu, không đi tuần đi rôn gì hết. Hiểu chưa? »

Bữa nay là mười bốn ta nhằm ngày thứ bảy, vợ chồng tôi định không nói gì hết, chờ sáng sớm mai gọi hai đứa lớn dậy đi với tôi xuống Cần Thơ. Như vậy là chúng nó sẽ hiểu. Và như vậy là kín đáo nhứt, an toàn nhứt. Rồi sau đó vợ tôi sẽ liệu cách nhắn tin về cho má tôi hay. Chừng đó thì « sự đã rồi »...

Bây giờ thì má tôi đã có mặt ở đây, giấu cũng không được. Đành phải nói cho má tôi biết. Nhưng nói lúc nào đây? Và nói làm sao đây? Liệu má tôi có biết cho rằng tôi không còn con đường nào khác? Liệu má tôi có chấp nhận cho tôi không giữ tròn đạo hiếu chỉ vì lo tương lai cho các con? Liệu má tôi... liệu má tôi... Tôi phân vân tự đặt nhiều câu hỏi để chẳng thấy ở đâu câu trả lời...

Tôi ngồi xuống thêm nhà, nhìn ra sân. Ở đó, bờ cỏ lá gừng xanh mướt ngày xưa đã bị chúng tôi đào lên đắp thành luống để trồng chút đỉnh khoai mì, một ít khoai lang, vài hàng bắp. Không có bao nhiêu nhưng vẫn phải có. Cho nó giống với người

ta, bởi vì nhà nào cũng phải « tăng gia » cho đúng « đường lối của nhà nước ». Thật ra, trồng trọt bao nhiêu đó, nếu có... trúng mùa đi nữa, thì cũng không đủ cho bầy con tôi « nhét kẽ răng »! Vậy mà tên công an phường, trong một dịp ghé thăm, đã tấm tắc khen: « Anh chị công tác tốt đấy chứ. Tăng gia khá nhất khu phố đấy! Các cháu tha hồ mà ăn ». Anh ta không biết rằng mấy nhà hàng xóm của tôi, muốn « tăng gia », họ đã phải đào cả sân xi-măng hoặc sân lót gạch, thì lấy gì để « làm tốt »?

Khi tôi trở vào nhà thì con út đang gãi lưng cho nội. Nó vén áo tui nội lên đến vai, để lộ cái lưng gầy nhom, cong cong và hai cái vú teo nhách. Tôi tự hỏi: « Lạ quá! Chỉ có mình mình bú hồi đó mà sao làm teo vú nội đến như vậy được? ». Rồi tôi bồi hồi cảm động khi nghĩ rằng chính hai cái núm đen đó đã nuôi tôi lớn lên với dòng sữa ấm, vậy mà chẳng bao giờ nghe má tôi kể lễ công lao. Tôi cảm thấy thương má tôi vô cùng. Tôi len lén từ phía sau lòn tay mân vú má tôi một cái. Má tôi giật mình, rút cổ lại :

- Đứng! Nhột! Thằng chơi đại mậy!

Rồi má tôi cười văng cọt trầu. Con Ti la lên:

- Má ơi! Coi ba mân vú nội nè!

Tôi cười hã hê thích thú. Trong khoảnh khắc thật ngắn ngủi đó, tôi bắt gặp lại những rung động nhẹ nhàng sung sướng khi tôi mân vú mẹ thuở tôi mới lên ba lên năm... Và cũng trong khoảnh khắc đó, tôi đã quên mất rằng má tôi đã gần tám mươi mà tôi thì trên đầu đã hai thứ tóc! Và cũng quên mất rằng từ ngày mai trở đi, có thể tôi sẽ không bao giờ còn gặp lại má tôi nữa, để mân vú khi bất chợt thấy má tôi nhờ cháu nội gãi lưng như hôm nay...

Chiều hôm đó, khi ngồi vào bàn ăn, mắt bầy con tôi sáng rỡ. Bữa cơm thật thơm tất, đầy đủ món ăn như khi xưa. Có gà nấu canh chua lá giang, một loại giầy leo có vị chua thật ngọt ngào mà hình như chỉ ở miệt quê tôi mới có. Món này, bà nội mấy đứa nhỏ nấu thật đậm đà. Bà thường nói: « Canh chua phải nêm cho cứng cứng nó mới ngon ». Mà thật vậy. Tô canh nóng hổi, bốc lên mùi thơm đặc biệt của thịt gà lẫn với mùi chua ngọt của lá giang, mùi mặn đậm thấm của nước mắm và mùi tiêu mùi hành... Húp vào một miếng canh chua, phải nghe đầu lưỡi ngậy ngậy cứng cứng và chân tóc trên đầu tăng tăng, như vậy mới đúng. Nằm cạnh tô canh

chua là tộ cá kèo kho tiêu mà khi mang đặt lên bàn ăn nó hãy còn sôi kêu lộp-bộp, bốc mùi thơm phức vừa mặn vừa nồng cay lại vừa béo, bởi vì trong cá kho có tóp mỡ và trước khi bắc xuống, bà nội có cho vào một muống mỡ nước gọi là «để cho nó dần»! Đặc biệt, khi làm cá kèo, bà không mổ bụng cá, thành ra khi cắn vào đó, mật cá bễ ra đặng đặng nhẹ nhàng làm tăng vị bùi của miếng cá lên gấp bội. Ngoài hai món chánh ra, còn một đĩa măng luộc, tuy là một món phụ nhưng cũng không kém phần hấp dẫn nhờ ở chỗ sau khi luộc rồi măng được chiên lại với tỏi nên ngả màu vàng sậm thật là đậm đà...

Sau khi và vài miếng, vợ tôi nhìn tôi rồi rót nước mắt. Nội hỏi:

- Bộ cay hả?

Vợ tôi “dạ”, tiếng “dạ” nằm đâu trong cổ. Rồi buông đũa, mếu máo chạy ra nhà sau. Tôi hiểu. Bữa cơm này là bữa cơm cuối cùng, bữa cơm mà cả gia đình còn xum họp bên nhau. Rồi sẽ không còn bữa cơm nào như vậy nữa. Gia đình sẽ chia hai. Những người đi, rồi sẽ sống hay chết? Còn những người ở lại, ai biết sẽ còn tan tác đến đâu? Tôi làm thình, cảm đầu ăn lia lia như mình đang đói lắm. Thật ra, tôi đang cần nuốt thật nhanh thật nhiều, mỗi một miếng nuốt phải thật đầy cổ họng... để đề xuống, nén xuống một cái gì đang trào trực từ dưới dâng lên. Mắt tôi nhìn đồ ăn, nhìn chén cơm, nhìn đôi đũa, để khỏi phải nhìn má tôi hay nhìn bày con, ngăn đó khuôn mặt thân yêu mà có thể tôi sẽ vĩnh viễn không còn thấy lại nữa. Trong đầu tôi chợt hiện ra hình ảnh người đang hấp hối, trong giây phút cuối cùng lưỡi đã cứng đờ mắt đã dại, vậy mà họ vẫn nhìn nuôi những người thương để rồi chảy nước mắt trước khi tắt thở. Rồi tôi thấy tôi cũng giống như người đang hấp hối, không phải chết ở thể xác mà là chết ở tâm hồn, cũng một lần vĩnh biệt, và cũng sẽ bước vào một cõi u-minh nào đó, một cõi thật mơ hồ mà mình không hình dung được, không chủ động được!

Má tôi gấp cho tôi một cái bụng cá to bằng ngón tay cái:

- Nè! Ngon lắm! Ăn đi! Để rồi mai một hồng chắc gì có mà ăn!

Ý má tôi muốn nói rằng ở với Việt Cộng riết rồi đến loại cá kèo cũng sẽ khan hiếm như các loại cá khác. Nhưng trong trường hợp của tôi, lời má

tôi nói lại có ý nghĩa của lời tổng biệt. Nó giống như: “Má cho con ăn lần này lần cuối. Ăn đi con! Ăn cho ngon đi con!”. Tôi ngậm miếng cá mà nước mắt trào ra, không kèm lại được. Nếu không có mặt bày con tôi, có lẽ tôi đã cầm lấy bàn tay của má tôi mà khóc, khóc thật tự do, khóc thật lớn, để vơi bớt nỗi thống khổ đã dần vật tôi từ bao nhiêu lâu nay... Đàng này, tôi không làm như vậy được. Cho nên tôi trạo trực nuốt miếng cá mà cảm thấy như nó thật đầy xương xóc!

Má tôi nhìn tôi ngạc nhiên :

- Ủa? Mày cũng bị cay nữa sao?

Rồi bà chồm tới nhìn vào tộ cá. Các con tôi nhao nhao lên:

- Đâu có cay, nội.

- Con ăn đâu thấy cay. Hai có nghe cay hôn

Hai?

- Chắc ba má bị gì chớ cay đâu mà cay.

- Con ăn được mà nội. Có cay đâu?

Các con tôi đâu có biết rằng cái cay của tôi không nằm trên đầu lưỡi, mà nó nằm trong đáy lòng. Cái cay đó cũng bắt trào nước mắt!

Tôi đặt chuyện, nói tránh đi:

- Hôm rày nóng trong mình, lưỡi của ba bị lở, nên ăn cái gì mặn nó rát.

Rồi tôi nhai thật chậm để có thời gian cho sự xúc động lắng xuống. Miếng cơm trong miệng nghe như là sạn sỏi, nuốt không trôi...

Sau bữa cơm, bà cháu kéo hết vào buồng tui con gái để chuyện trò. Thỉnh thoảng nghe cười vang trong đó. Chén trong tiếng cười trong trẻo của các con, có tiếng cười khọt khọt của nội, tiếng cười mà miếng trầu đang nhai kèm lại trong cổ họng, vì sợ văng cốt trầu. Những thanh âm đó toát ra một sự vô tư, nhưng lại nghe đầy hạnh phúc. Lúc này, có nên nói chuyện vượt biên với má tôi hay không? Tội nghiệp bày con, tội nghiệp nội... Ngoài phòng khách, tôi đi tới đi lui suy nghĩ đắn đo. Vợ tôi còn lục đục sau bếp, và cho dù vợ tôi có mặt ở đây cũng không giúp gì tôi được với tâm sự rối bời như mớ bông bong. Tôi bèn vào buồng ngủ, trải chiếu dưới gạch-từ lâu rồi, vợ chồng tôi không còn giường tủ gì hết- rồi tắt đèn nằm trong bóng tối, gác tay lên trán mà thờ dài...

Thời gian đi qua... Trăng đã lên nên tôi thấy cửa sổ được vẽ những lần ngang song song trắng đục. Trong phòng bóng tối cũng lợt đi. Không còn

nghe tiếng cười nói ở phòng bên và tôi nghĩ chắc đêm nay vợ tôi ngủ với hai đứa lớn ngoài phòng khách, để trần trọc suốt đêm chờ sáng.

Bỗng cửa phòng tôi nhẹ mở, vừa đủ để tôi nhìn thấy bóng má tôi lom khom hướng vào trong hoi nhỏ :

- Ba con Ti ngủ chưa vậy?

Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng cũng trả lời nhỏ nhỏ vừa đủ nghe:

- Dạ chưa, má.

Má tôi bước vào đóng cửa lại, rồi mò mẫm ngồi xuống cạnh tôi, tay cầm quạt mo quạt nhẹ nhẹ lên mình tôi, nói:

- Coi bộ nực hã mậy?

- Dạ. Nhưng rồi riết cũng quen, má à.

Tôi nói như vậy mà trong đầu nhớ lại hình ảnh tôi và thằng con trai hè hụi tháo gỡ mấy cây quạt trần để mang đi bán. Im lặng một lúc. Tay má tôi vẫn quạt đều. Rồi má tôi hỏi:

- Tụi bây còn gì để bán nữa hông?

- Dạ...

Tôi không biết trả lời làm sao nữa. Chiếc xe hơi bây giờ chỉ còn lại cái sườn, không ai chịu chở đi. Trong nhà bây giờ chỉ còn bộ bàn ăn, cái tủ thờ nhỏ và bộ xa-long mây “sứt cắm gãy gọng”. Ngoài ra, trên tường có chân dung “Bác Hồ” dẹt bằng lụa và nhiều “băng khen”, “băng lao động tiên tiến”... những thứ mà nhà nào cũng có hết, cho, chưa chắc gì có ai thèm lấy! Bỗng tôi nhớ có một hôm tôi nói với bây con tôi: “Ba tự hào đã giữ tròn liêm sỉ từ mấy chục năm nay. Bây giờ, đổi lấy cái gì ăn cũng không được, đem ra chợ trời bán cũng chẳng có ai mua. Sao ba thấy thương các con và tội cho ba quá!”. Lúc đó, tôi tưởng tượng thấy tôi đứng ở chợ trời, dưới chân có tấm băng đề “Bán cái liêm sỉ, loại chánh cống. Bảo đảm đã hai mươi năm chưa sứt mẻ”. Thật là khủng nhưng cũng thật là chua chát!

Nghe tôi “dạ” rồi nín luôn, má tôi hiểu, nên nói:

- Rồi mầy phải tính làm sao chứ chẳng lẽ cứ như vậy hoài à? Tao thấy bây tụi bây càng ngày càng trộm lờ, còn mầy thì cứ làm thỉnh tao rầu hết sức.

Má tôi ngừng một chút, có lẽ để lấy một quyết định :

- Tao xuống kỳ này, cốt ý là để nói hết

cho mầy nghe. Tao già rồi, mai mốt cũng theo ông theo bà. Mầy đừng lo cho tao. Lo cho bây con mầy kia. Chớ đừng vì tao mà bắt mầy đứa nhỏ phải hy sinh tương lai của tụi nó. Mầy liệu mà đi, đi! Kiếm đường mà kéo bây con mầy đi, đi! Ở đây riết rồi chết cả chùm. Không chết trận trên Miên thì cũng chết khủng chết đói. Thà tụi bây đi để tao còn thấy chút đỉnh gì hy vọng mà sống thêm vài năm nữa. Mầy hiểu hông?

Nghe má tôi nói, tôi rớt nước mắt. Chuyện mà bao lâu nay tôi không dám nói với má tôi thì bây giờ chính má tôi lại mở ngõ khai nguồn. Và tôi thật xúc động với hình ảnh bà mẹ già phải đẩy đứa con duy nhứt đi vượt biên để vui mà sống với ít nhiều hy vọng! Thật là ngược đời: có người mẹ nào lại muốn xa con? Chỉ có ở chế độ xã hội chủ nghĩa mới xảy ra những chuyện “đời đời” như vậy!

Tôi nắm bàn tay không cầm quạt của má tôi, lắc nhẹ:

- Má à! Lâu nay con giấu má. Bây giờ má nói, con mới nói. Sáng sớm mai này, con và hai đứa lớn sẽ xuống Cần Thơ để vượt biên.

Tôi nghe tiếng cây quạt mo rơi xuống gạch. Rồi yên lặng. Một lúc lâu sau, má tôi mới nói:

- Vậy hà...

Tôi nghe có cái gì nghẹn ngang trong cổ. Tôi nuốt xuống mấy lần, rồi cố gắng nói:

- Con đi không biết sống hay chết. Con gởi má vợ con và ba đứa nhỏ, có bề gì xin má thương tụi nó ...

Nói tới đó, tôi nghẹn ngào rồi òa lên khóc ngất. Tôi nghe có tiếng quạt phe phẩy lại, nhanh nhanh, và bàn tay má tôi vuốt tóc tôi liên tục giống như hồi nhỏ má tôi vỗ về tôi để tôi nín khóc.

Một lúc sau, má tôi nói :

- Thôi ngủ đi, để mai còn dậy sớm.

Rồi bước ra đóng nhẹ cửa lại. Sau đó, có tiếng chet diêm quẹt rồi một ánh sáng vàng vọt rung rinh lòn vào khuôn cửa, tôi biết má tôi vừa thắp đèn cầy trên bàn thờ. Tiếp theo là mùi khói nhang, chắc bà nội mấy đứa nhỏ đang cầu nguyện ngoài đó. Tôi thờ dài, quay mặt vào vách, nhắm mắt mà nghe chơi vơi, giống như đang nằm trong một cơn mộng...

Năm giờ sáng hôm sau, má tôi kêu tôi dậy đi. Hai con tôi đã sẵn sàng, mỗi đứa một túi nhỏ quần áo. Chúng nó không có vẻ gì ngạc nhiên hay xúc

động hết. Có lẽ mẹ tui nó đã gọi dậy từ ba bốn giờ sáng để giảng giải và chuẩn bị tinh thần. Riêng tôi, thật là trầm tĩnh. Nước mắt đêm qua đã giúp tôi lấy lại quân bình. Thật là mâu nhiệm!

Tôi vào buồng hôn nhẹ mấy đứa nhỏ đang ngủ say, xong ôm vợ tôi, ôm má tôi. Hai người thật là can đảm, không mấy may bị rịn.

Tôi chỉ nói có mấy tiếng :

- Con đi nghe má!

Rồi bước ra khỏi cổng.

-oOo-

Lần đó, tôi đi thoát.

Rồi phải ba bốn năm sau, tôi mới chạy chọt được cho vợ con tôi rời Việt Nam sang sum họp với tôi ở Pháp. Má tôi ở lại một mình.

Mấy ngày đầu gặp lại nhau, vợ con tôi kể chuyện “bên nhà” cho tôi nghe, hết chuyện này bắt qua chuyện nọ. Bà Nội được nhắc tới nhiều nhứt và những chuyện về bà nội được kể đi kể lại thường nhứt.

Tui nó kể :

“Ba đi rồi, mấy bữa sau cơ quan chỗ ba làm việc cho người đến kiểm. Tui con trốn trong buồng, để một mình nội ra. Nội nói rằng nội nhờ ba về Tây Ninh rước ông Tư xuống bởi vì trên đó đang bị Cao Miên pháo kích tới bờ, tới nay sao không thấy tin tức gì hết, không biết ba còn sống hay chết nữa. Nói rồi, nội khóc thật mùi-mẫn làm mấy cán bộ trong cơ quan tin thiệt, họ an ủi nội mấy câu rồi từ đó không thấy trở lại nữa”.

Rồi tui nó kết câu chuyện với giọng đầy thán phục: “Nội hay thiệt!”.

Nghe kể chuyện, tôi bồi hồi xúc động. Tôi biết lúc đó má tôi khóc thiệt chứ không phải giả khóc như các con tôi nghĩ. Bởi vì, trong hai trường hợp dù sự việc xảy ra có khác nhau, nhưng hoàn cảnh sau đó vẫn giống nhau y hệt. “Ba con Ti đi không biết sống hay chết” vẫn là câu hỏi lớn đè nặng tâm tư của má tôi. Bề ngoài má tôi làm ra vẻ bình tĩnh để an lòng con dâu và cháu nội, nhưng là một cái vỏ mỏng manh mà trong khi kể chuyện cho các cán bộ, nó đã có dịp bề tung ra cho ưu tư dâng đầy nước mắt...

“Rồi sau đó -tui con tôi kể tiếp- nội ở lại nhà mình để chờ tin tức và cũng để ra tiếp chuyện

hàng xóm và chánh quyền địa phương, chứ má thì ngày nào cũng đi chùa, còn tui con nội sợ nói hé ra là mang họa cả đám. Lâu lâu, nội về Gò Dầu bán đồ rồi mua thịt thà đem xuống tiếp tế cho tui con. Thấy nội già mà lên lên xuống xuống xe cộ cực nhọc quá, tui con có can ngăn nhưng nội nói nội còn mạnh lắm, nội còn sống tới ngày con Ti lấy chồng nội mới chịu theo ông theo bà!”.

Tôi biết: má tôi là cây cau già - quá già, quá cỗi - nhưng vẫn cố bám lấy đất chỉ vì trên thân cây còn mấy dây trầu... Hình ảnh đó bỗng làm tôi ứa nước mắt. Thương má tôi và nhớ cả quê hương. Cái quê hương tuyệt đẹp của tôi mà Việt Cộng đã cướp mất. Cái quê hương mà trên đó tôi không còn quyền sống như ý mình muốn, phát biểu những gì mình nghĩ, ca tụng những gì mình thích. Ở đó, ở quê hương tôi, tôi còn bà mẹ già, bà mẹ tám mươi đã cắt ruột đuối con đi, bỏ quê hương mà đi, để bà còn chút gì hy vọng sống thêm vài ba năm nữa! Bây giờ, vợ con tôi cũng đã đi hết. Má tôi còn lại một mình. Thân cây cau giờ đã nhẵn dây trầu, thêm tuổi đời một nắng hai mưa. Tôi biết! Má ơi! Con biết: cây cau già bây giờ đang nhớ thất theo mấy dây trầu non ...

Theo lời các con tôi kể lại, hôm tiếp được điện tín của bạn tôi ở Pháp đánh về báo tin tôi và hai đứa lớn đã tới Mã Lai bình yên, cả nhà tung bừng như hội. Tui nó nói : “Nội vội vàng vào mặc áo rồi quì trước bàn thờ Phật gõ chuông liên hồi. Đã giấu không cho ai biết mà nội gõ chuông giống như báo tin vui cho hàng xóm!”

“Mấy hôm sau, bỗng có công-an phường lại nhà. Công an đến nhà là lúc nào cũng có chuyện gì đó cho nên nội có hơi lo. Thấy dạng tên công an ngoài ngõ, trong này nội niệm Phật để tự trấn an. Sau đó, nội cũng kể chuyện ba về Tây Ninh rồi nội kết rằng ba đã chết ở trên đó. Rồi nội khóc...”

Mấy con tôi đâu biết rằng đối với má tôi, dù tôi còn sống, sống mà vĩnh viễn không bao giờ thấy lại nhau nữa thì cũng giống như là tôi đã chết.

“Sau đó nội than không biết rồi sẽ ở với ai, rồi ai sẽ nuôi nội, bởi vì má buồn rầu đã bỏ nhà đi mất. Nghe vậy, tên công an vội vàng an ủi:

- Bà cụ đừng có lo! Rồi chúng cháu sẽ đem bà cụ về ở với chúng cháu. Cứ yên chí!”. Sau khi tên công an ra về, nội vào buồng kể lại chuyện đó cho tui con nghe, rồi nói: “Nội nghe thằng công an

đòi đưa nội về nuôi mà nội muốn xiêu luôn! Không phải vì cảm động mà vì sợ! Ở với tụi nó, thà chết sướng hơn!”

Vợ con tôi được đi chánh thức nên hôm ra đi bạn bè thân quyến đến chia tay đầy nhà. Lúc mẹ con nó quì xuống lạy má tôi để giã biệt -hay đứng ra để vĩnh biệt- tất cả mọi người đều khóc. Đó là lần cuối cùng mà má tôi khóc với bảy cháu nội. Và tôi nghĩ rằng má tôi khóc mà không cần tìm hiểu tại sao mình khóc, chỉ thấy cần khóc cho nó hả, chỉ thấy càng khóc thân thể càng nhẹ đi, làm như thịt da tan ra thành nước mắt, thứ nước thật nhiệm mầu mà Trời ban cho con người để nói lên tiếng nói đầy cảm lặng.

Bảy bạn học của các con tôi đứng thành hai hàng dài, chuyển nước mắt cho nhau để tiễn đưa tụi nó ra xe ngoài ngõ. Tôi hình dung thấy những cặp mắt thơ ngây mong đồ nhìn các con tôi đi mà nửa hồn tê-dại, không biết thương cho bạn mình đi hay thương cho thân phận mình, người ở lại với đầy chua xót...

Mấy con tôi nói: "Nội không theo ra phi trường. Nội ở nhà để gõ chuông cầu nguyện".

-oOo-

Tôi làm việc ở Côte d'Ivoire (Phi Châu), cách xa vợ con bằng một lục địa, và cách xa mẹ tôi bằng nửa quả địa cầu. Những lúc buồn trông vắng, tôi hay ra một bãi hoang gần sở làm để ngồi nhìn biển cả. Mặt nước vuốt ve chân cát, tiếng sóng nhẹ nghe như thì thảo... những thứ đó làm như chỉ dành cho riêng tôi. Tự nhiên tôi cảm thấy như được vỗ về an ủi. Những lúc đó, sao tôi nhớ má tôi vô cùng. Trên đời này má tôi là người duy nhất an ủi tôi từ thuở tôi còn ấu thơ cho đến khi trên đầu tôi đã hai thứ tóc. Ngay đến đêm cuối cùng trên quê hương, cũng chính trong vòng tay khăng khít của má tôi mà tôi khóc, khi gọi vợ gọi con... Lúc nào tôi cũng tìm thấy ở má tôi một tình thương thật rộng rãi bao la, thật vô cùng sâu đậm, giống như đại dương mà tôi đang nhìn trước mặt.

Bây giờ tôi hiểu tại sao tôi hay ra ngồi đây để nhìn biển cả...

Tiểu Tử

TIỂU SỬ TÁC GIẢ:



Họ tên : Võ Hoài Nam

Sanh : 1930

Nguyên quán : Gò Dầu Hạ (Tây Ninh)

Bút hiệu : Tiểu Tử

- Tốt nghiệp trường Kỹ sư Marseille năm 1955.

- Dạy Lý hoá trung học Pétrus Ký : 1955/1956.

- Làm việc cho hãng dầu SHELL Việt Nam từ năm 1956 đến 30/04/1975.

- Vượt biên cuối năm 1978. Định cư ở Pháp từ đầu năm 1979 đến nay.

- Làm việc cho hãng đường mía của Nhà nước Côte d'Ivoire (Phi Châu) : 1979/ 1982.

- Làm việc cho hãng dầu SHELL Côte d'Ivoire từ năm 1982 đến 1991, về hưu ở Pháp.

- Trước 1975, giữ mục biếm văn “ Trò Đời “ của nhật báo Tiền.

- Bắt đầu viết truyện ngắn khi lưu vong qua Côte d'Ivoire.

- Tập truyện “ Những Mảnh Vụn “ (Làng Văn Toronto xuất bản) là tập truyện đầu tay.

Những truyện ngắn của Tiểu Tử:

- . Tám vạc giương . Những hình ảnh đẹp
- . Tôi nằm gác tay lên trán . Giọt mưa trên tóc
- . Chuyện di tản 1975 . “Thằng đi mất biệt”
- . Ông già ngồi bơi đồng rác . Cái mặt
- . Cái miệng . Tôi đi bầu
- . Tiết Nhơn Quý . Mùa thu cuộc tình
- . Ông Năm Từ . Đèn trung thu
- . Người viết mướn . Chuyện giả tưởng
- . Thằng chó đẻ của má . Thằng dân
- . Chợ trời . Cái loa
- . Tô cháo huyết . Thèm
- . Con Mén . Chuyện chẳng có gì hết
- . Nội . Viết một chuyện tình
- . Bài ca vọng cổ . Made in Vietnam
- . Xiêu . Làm thỉnh
- . Đi xe đồ, đi xe ôm . Chị Tư Ủ
- . Con rạch nhỏ quê mình

Kỷ niệm tháng tư đau buồn lại đến với người Việt chúng ta, quý vị đã từng

- khắc khoải và chấn chướng trước cuộc chiến do Miền Bắc chủ trương nhưng như không bao giờ kết thúc.
- nổi dậy và đồng lòng khi QLVNCH rừng chiến đấu anh dũng và kiên cường trong bao thập niên để bảo vệ một Miền Nam tự do và phú cường đồ sộ và trong ngõ ngách.
- đau đau và tái nhác khi toàn dân Miền Nam đang sống trong ấn tượng và hạnh phúc đã phải đối diện với bộ mặt thật "giải phóng" phủ phàng để rồi mắc vào bẫy ngay khốn cùng nhau từ lượt bỏ nước ra đi.

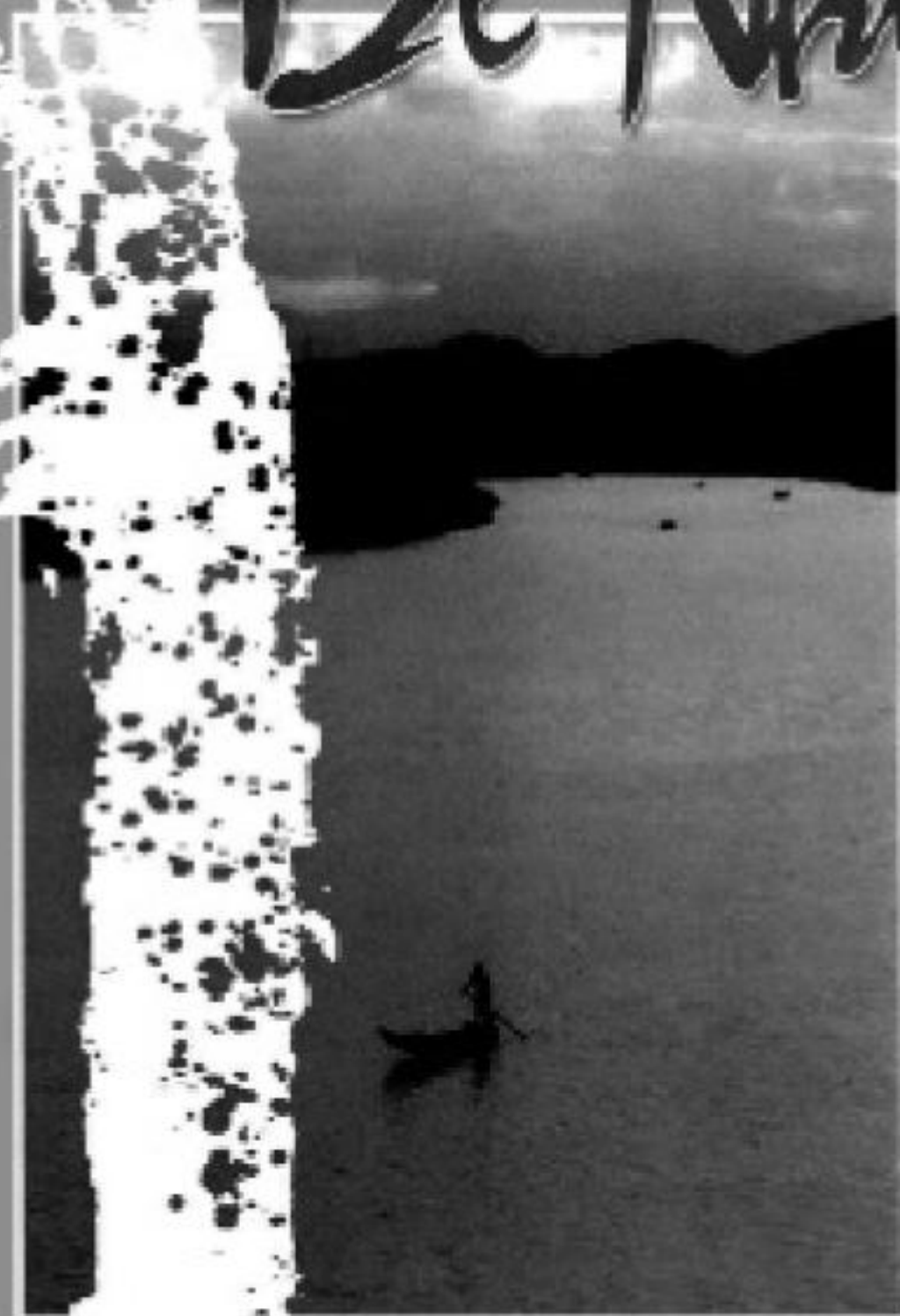
Một Thời Để Nhớ

Mời quý vị tìm lại "một chút gì để nhớ, để thương",
dù đắng cay và đông đầy nước mắt của chính bản thân mình qua tác phẩm **Một Thời Để Nhớ** được trình bày dưới ngòi bút của Bác sĩ quân y vùng hỏa tuyến Tống Viết Minh.

Sách dày 303 trang,
bìa đẹp, trang nhã.

Đặt mua sách xin gửi
hai mươi mỹ kim (\$20.00) về:

Joseph Minh Tong
P.O. Box 2335
Palos Verdes Peninsula, CA 90274
Tel: 310.634.3226
hoặc email: minh47us@yahoo.com



Ước Hẹn

Trời trở lạnh cho anh quàng khăn ấm,
Mưa phùn rơi cho anh mãi nhớ em.
Phương trời đó nắng có gay gắt lắm,
Xin cho em những ngày tháng êm đềm.

Cali đây ít mưa nhưng nhiều nắng.
Nắng nơi đây không như nắng quê hương.
Mây từ đâu về phủ bức màn sương
Trên núi đồi mưa gợi buồn dĩ vãng.

Quê hương mình bao năm dài lửa đạn.
Tiếng súng ngừng cho ghen ghét con tim.
Đế bành hoàng, uất ức triệu sinh linh.
Nên **Tháng Tư** trở thành **Đen**, **Uất Hận**!

Tự do đâu, hỏi những người giải phóng,
Khi nhà tù mọc lên khắp mọi miền?
Khi khổ đau và đói rách triển miên,
Bệnh nằm xuống không một viên thuốc
uống?

Cơm không đủ ăn, rất không áo mặc.
Giải phóng sao dân lũ lượt trốn đi,
Để từ đó con Mẹ Việt tản mác,
Khắp năm châu sống trong cảnh chia ly?

Em yêu hỏi! mình cùng nhau ước hẹn:
Ta sẽ về gầy dựng lại quê hương.
Sẽ biến mất bao xiết xích, xiết rên,
Để tự do ấm no dân ta hưởng.

Bắc, Nam, Trung ta cùng chung một
hương,
Và Mẹ Việt từ nay sẽ thôi buồn,
Mẹ sẽ cười nhìn thấy đám con ngoan,
Về xây lại Tổ Quốc Việt hùng tráng.

Cali một ngày mưa buồn 10-2-2012

Tống Việt Minh YKSG 65-72, Khóa 19 QYHD

Nhờ vào khuôn mặt tuần tú mà “trạng Me đè trạng Ngọt”

Đàm Trung Pháp

“



Trạng Me đè trạng Ngọt” là một giai thoại về khoa thi hội năm 1508 thời vua Lê Uy Mục liên hệ đến hai thi tài đất Bắc Ninh là **Nguyễn Giản Thanh** (người làng Me, huyện Đông Ngàn) và **Hứa Tam Tỉnh** (người làng Ngọt, huyện Yên Phong). Me là tục danh của làng **Hương Mặc** và **Ngọt** là tục danh của làng **Như Nguyệt**, và hai huyện Đông Ngàn và Yên Phong cách nhau chẳng bao xa.

Hồi còn nhỏ, tôi được nghiêm đường kể cho nghe về giai thoại này mỗi khi ông nói về chuyện thi cử ngày xưa. Ông thích kể chuyện này, có lẽ vì ông cũng là người làng Me, nơi có đền thờ cụ Tiết Nghĩa Đàm Thận Huy là thầy học của trạng nguyên Nguyễn Giản Thanh.

Nguyễn Giản Thanh có diện mạo tuần tú, nhưng Hứa Tam Tỉnh thì xấu xí quê mùa. Cả hai đều thông minh xuất chúng, ứng đối như thần. Ông họ Hứa còn nổi tiếng thần đồng và viết chữ đẹp như rồng bay phượng múa. Ông họ Nguyễn hồi mới sáu tuổi đã làm một vị đại quan khoa bằng giật mình vì tài ứng đối lanh lẹ của cậu. Chuyện kể khi cậu bé Giản Thanh đang chơi trò cưỡi ngựa bằng mo cau ở đầu làng Me, vừa đi vừa hát “nhong nhong ngựa ông đã về” thì vị quan đó và đoàn lính hầu từ kinh đô cũng vừa về tới cổng làng. Lính ra lệnh mọi người

đẹp đường, nhưng cậu thân nhiên đứng yên tại chỗ. Vị quan hiên từ vậy cậu bé lại hỏi chuyện; khi biết cậu đã đi học và làm được cả câu đối, quan bèn ra câu đối **Trẻ cưỡi ngựa mo**. Thấy người lính hầu bế con hạc gỗ (kỳ vật nhà vua tặng vị quan vừa về hưu trí), cậu bé Giản Thanh đối luôn **Già chơi hạc gỗ**! Sau khi đã đậu cử nhân, hai thi tài làng Me và làng Ngọt cùng dự khoa thi hội để lấy bằng tiến sĩ năm 1508 thời vua Lê Uy Mục. Khi thiết lập bảng “đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ” (tức là danh sách ba người đậu cao nhất trong các vị dự tuyển tiến sĩ), các quan giám khảo thấy văn tài ông Hứa Tam Tỉnh trội hơn văn tài ông Nguyễn Giản Thanh nên chọn ông Tỉnh đứng hạng nhất (trạng nguyên) và ông Thanh đứng hạng nhì (bằng nhãn). Người được xếp hạng ba (thám hoa) trong danh sách là ông Nguyễn Hữu Nghiêm. Khi các quan giám khảo dẫn ba vị nêu trên vào yết kiến vua thì bà mẹ nuôi nhà vua cũng có mặt. Thấy ông Giản Thanh tuần tú khôi ngô, bà chỉ ngay vào đương sự và hỏi các quan giám khảo: “Trạng nguyên là ông này, phải không?”

Các quan lúng túng, nhưng rồi lựa lời khi giới thiệu hai ông Giản Thanh và Tam Tỉnh: “Hai thầy này tài giỏi ngang nhau, xin hoàng thượng và thái hậu thẩm định.” Vua xem văn hai người thì thấy ông Tam Tỉnh trội hơn, nhưng ngài cũng muốn chiều lòng mẹ nuôi nên lấy bài phú “Phượng hoàng xuân sắc” bằng chữ nho cho hai ông họa để quyết định thứ bậc. Ông Tam Tỉnh họa bằng chữ nho cho bài phú nói về cảnh mùa xuân ở kinh thành, nhưng ông Giản Thanh khôn ngoan hơn nên họa bằng chữ nôm để bà thái hậu có thể dễ dàng thưởng lãm. Quả nhiên, bà luôn luôn tâm đắc khen bài họa bằng chữ nôm. Dựa vào những lời khen ấy của thái hậu, nhà vua quyết định cho ông Nguyễn Giản Thanh đậu trạng nguyên và hạ ông Hứa Tam Tỉnh xuống hàng bằng nhãn!



Hội Bảo vệ Di Sản Việt-Nam

Lettres patentes no 1184872025 déposées le 13/08/2007
7331 Louis-Hémon, Montréal, P.Q. H2E 2T8. Tél. (514) 727-1651

Thư mời

Lễ Tưởng Niệm Ngày Quốc Hân 30 tháng tư

Kính thưa Quý Hội Đoàn và Quý Đồng Hương,

Hội Bảo vệ Di Sản Việt-Nam, với sự hỗ trợ của Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montréal và các Hội Đoàn, sẽ tổ chức một buổi lễ cầu nguyện cho các Tử sĩ Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa đã vì quốc vong thân và đồng bào vượt biên tử nạn, vào ngày giờ và địa điểm sau đây:

Ngày giờ: Thứ bảy 28 tháng 4 năm 2012, lúc 11:00 giờ sáng
Địa điểm: Đài Tưởng Niệm Tử sĩ Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa và Đồng bào vượt biên tử nạn, tại Nghĩa Trang Việt-Nam trong khuôn viên Nghĩa Trang Le Repos Saint-François d'Assise, số 6893 Sherbrooke Est, Montréal, Québec.

Chương trình buổi lễ :

- Rước Quốc Quân kỳ (do Gia đình Mũ Đỏ phụ trách)
- Lễ chào quốc kỳ
- Lễ đặt vòng hoa do Cộng đoàn Công giáo St-Pascal Baylon và Ts Nguyễn đình Thắng
- Phút mặc niệm
- Lời chào mừng của Hội Trưởng Hội Bảo vệ Di sản Việt Nam
- Lễ cầu nguyện do các vị Lãnh đạo tôn giáo chủ trì
- Đồng bào niệm hương.

Kính mời Quý Hội Đoàn và Quý Đồng Hương dành chút thì giờ quý báu đến thắp nén hương lòng, tri ân các chiến sĩ Quân Lực Việt-Nam Cộng Hòa đã bỏ mình vì Tổ quốc và tưởng niệm các đồng bào vượt biên đã tử nạn trên đường tìm tự do.

Xin quý vị cựu quân nhân mặc quân phục nếu có.

Sau buổi lễ sẽ có một tiệc trà thân mật.

Trân trọng kính chào Quý Hội Đoàn và Quý Đồng Hương.



Montréal, ngày 2 tháng 4 năm 2012

Thay mặt Ban Chấp Hành
Hội Trưởng

Ngô Anh Võ



Nhóm Yểm Trợ CAMSA Montréal
(Liên Minh Bài Trừ Nô Lệ Mới tại Á Châu)

THƯ MỜI

Kính gửi:

- Tất cả quý Đồng Hương
- Quý vị Lãnh Đạo Tôn Giáo
- Quý vị Đại diện các Hội Đoàn

Nhóm Yểm trợ CAMSA Montréal trân trọng thông báo:

Tiến sĩ Nguyễn Đình Thắng, Giám Đốc điều hành BPSOS và đồng sáng lập viên Liên Minh Bài Trừ Nô Lệ Mới tại Á Châu (“Coalition to Abolish Modern-day Slavery in Asia”, viết tắt: “CAMSA”), sẽ đến thành phố Montréal nhân ngày Quốc Hạn 30 tháng 4. Các buổi nói chuyện với đồng hương sẽ được tổ chức theo lịch trình sau đây (**Lưu ý: vào cửa miễn phí**):

- **Thứ bảy 28 tháng 4 năm 2012- 17:00 giờ**
tại cư xá Hốc Môn, 1300 đường Rosemont - Montréal
(xin vui lòng vào cửa phụ, góc đường Rosemont/Chambord, đối diện với Tu viện Huyền Không)
Đề tài: Tình trạng xuất khẩu lao động tại Việt Nam và vai trò của CAMSA
- **Chúa nhật 29 tháng 4 năm 2012- 13:00 giờ**
tại Đại sảnh số 6767 Côte-des-Neiges, trong buổi lễ Giỗ Tổ Hùng Vương do **Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia** tổ chức
Đề tài: Nhân quyền cho Việt Nam
- **Chúa nhật 29 tháng 4 năm 2012- 17:00 giờ**
tại Sous-sol Nhà thờ St-Pascal-Baylon, 6570, chemin de la Côte-des-Neiges, do Cộng Đoàn Công giáo St-Pascal-Baylon và nhóm Yểm trợ CAMSA tổ chức.
Đề tài: Vai trò của các tổ chức tôn giáo trong việc chống buôn người.

Buổi nói chuyện ngày **thứ bảy 28 tháng 4** tại **Cư xá Hốc Môn** sẽ do nhóm Yểm Trợ CAMSA Montréal tổ chức. Chương trình buổi lễ:

- 17:00 -18:00: Tiếp đón quan khách & tiệc trà thân mật
- 18:15: Nghi thức khai mạc
- 18:30: Phần thuyết trình của Ts Nguyễn Đình Thắng
- 20:00: Câu hỏi và thảo luận
- 21:00: Bế mạc.

Kính mời tất cả Quý Đồng hương và Quý Hội Đoàn tham dự đông đảo. Sự hiện diện của Quý vị sẽ là niềm khích lệ cho nhóm Thân hữu CAMSA Montréal.